

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam là một chiến lược được xác định rõ trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020. Một trong các nội dung quan trọng của Nghị quyết này là xây dựng và hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức, trong đó có quyền được bồi thường thiệt hại, được hoàn trả lợi ích vật chất chính đáng, được khôi phục danh dự trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trên cơ sở đó và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Nhà nước ban hành BLTTHS năm 2003, trong đó lần đầu tiên quy định nguyên tắc “Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự” tại Điều 28, BLTTHS năm 2015 tiếp tục tinh thần đó và một lần nữa xác định nguyên tắc này tại Điều 30. Theo đó, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Thực tiễn cho thấy giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đặc biệt trong vụ án xâm phạm sở hữu là một vấn đề phức tạp. Trước hết, là tình hình về tội phạm xâm phạm sở hữu trong những năm vừa qua diễn biến phức tạp, số lượng vụ án xảy ra và được điều tra luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng số các vụ án hình sự xảy ra và chiều hướng gia tăng. Phân tích số liệu 10 năm, từ năm 2005 đến 2015 cho thấy trung bình hàng năm tội phạm xâm phạm sở hữu chiếm gần 48% trên tổng số các vụ án hình sự xảy ra, số vụ án xâm phạm sở hữu năm sau luôn cao hơn năm trước. Những thiệt hại do tội phạm xâm phạm sở hữu gây ra lớn, đặc biệt là thiệt hại về tài sản, điều này dẫn đến việc giải quyết vấn đề dân sự chiếm tỷ trọng đáng kể. Qua khảo sát ban đầu thấy rằng tại TP. Hồ Chí Minh, tỷ lệ vụ việc dân sự trong án hình sự chiếm khoảng 31,4% trong tổng số các vụ việc dân sự phải thi hành, ở Tỉnh Đồng Nai, tỷ lệ vụ việc dân sự trong án hình sự chiếm khoảng 29,1% trong tổng số vụ việc dân sự phải thi hành; Tỉnh Bình Phước vụ việc

dân sự trong án hình sự chiếm 30,5% trong tổng số vụ việc dân sự phải thi hành, trong đó tỷ lệ vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu luôn chiếm tỷ lệ cao.

Trong những năm vừa qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong chứng minh và giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình tố tụng hình sự nói chung cũng như trong giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng, tuy nhiên thực tế vẫn còn có những bất cập, thiếu sót, tình trạng các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng về xác định vấn đề dân sự trong vụ án, quyết định không đúng về mức bồi thường, nhầm lẫn trong xác định tư cách bị hại với các đương sự trong vụ án, tách vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết ở một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi không có điều kiện để tách theo quy định tại Điều 28 BLTTHS năm 2003 là thực trạng còn tồn tại dẫn đến hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự còn hạn chế. Nguyên nhân của tình trạng trên là: Trong quá trình điều tra, CQĐT không quan tâm đúng mức đến việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh vấn đề dân sự trong vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, mà chỉ tập trung chứng minh hành vi phạm tội. Từ đó dẫn đến khi vụ án đưa ra xét xử không có chứng cứ để chứng minh việc bồi thường, bồi hoàn và các vấn đề dân sự khác. Về vấn đề này, Tòa hình sự - TAND Tối cao đánh giá: “Trong những năm vừa qua, việc giải quyết các vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vẫn còn sai lầm khá phổ biến; số vụ án bị kháng nghị về phần dân sự trong vụ án hình sự chiếm tỷ lệ cao và không có xu hướng giảm, nhất là các vụ án xâm phạm tính mạng sức khỏe và xâm phạm sở hữu. Những sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có phần là do CQĐT không quan tâm đúng mức việc điều tra về vấn đề dân sự mà chỉ tập trung chứng minh hành vi phạm tội...các Thẩm phán không nghiên cứu kỹ Bộ luật dân sự....” [85, tr6]; Quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự còn chưa đầy đủ, không thống nhất, ngoài BLDS, BLTTHS, BLTTDS, các văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự chủ yếu là Nghị quyết và Công văn hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, những văn bản hướng dẫn này chỉ tập trung hướng dẫn giải quyết vấn đề dân sự trong

hoạt động xét xử, giải quyết vấn đề dân sự trong hoạt động điều tra, hoạt động truy tố hầu như không có văn bản hướng dẫn.

Tình trạng giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng chưa đạt hiệu quả cao dẫn đến quyền lợi chính đáng của bị hại, của nguyên đơn dân sự, của người có quyền lợi liên quan không được khôi phục và bảo vệ kịp thời, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả truy cứu trách nhiệm hình sự, đến tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án kéo dài gây tổn kém về ngân sách, công sức của các cơ quan tiến hành tố tụng và của những chủ thể tham gia tố tụng khác. Điều này không đáp ứng được đòi hỏi của chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49 - NQ/TW, ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị.

Vì vậy, nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, xét xử vụ án hình sự xâm phạm sở hữu cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề dân sự của CQĐT, VKSND, TAND trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu để tìm ra những hạn chế, tồn tại, xác định những nguyên nhân của hạn chế, tồn tại để từ đó đưa ra những phương hướng hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự là cần thiết và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Từ các lý do trên, có thể khẳng định: “*Giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu*” là mảng vấn đề bức xúc đang đòi hỏi phải được giải quyết trong khoa học pháp lý.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### *- Mục tiêu nghiên cứu*

+ Hệ thống hóa và làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận như khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong điều tra, xét xử vụ các án xâm phạm sở hữu nói riêng.

+ Đánh giá tính hợp lý của pháp luật hiện hành quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu và chỉ ra những vấn đề cần bổ sung và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự trong tố tụng hình sự, phù

hợp với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quản lý nhà nước bằng pháp luật.

+ Làm rõ thực trạng và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu của CQĐT, VKSND, TAND. Từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu.

*- Nhiệm vụ nghiên cứu*

Từ việc xác định mục tiêu nghiên cứu như trên, luận án giải quyết những nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Nghiên cứu, phân tích những kết quả của các công trình khoa học đã đề cập đến giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đặc biệt các công trình có nội dung liên quan đến giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Hệ thống hóa, phân tích, so sánh văn bản quy phạm pháp luật quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong điều tra, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề dân sự cần giải quyết trong vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Khảo sát thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự của CQĐT, VKSND, TAND trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Chỉ ra hạn chế, thiếu sót của pháp luật hiện hành cũng như những tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự của CQĐT, VKSND, TAND trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Đề xuất những giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

### **3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu**

*- Phạm vi nghiên cứu*

+ Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Về địa bàn: Luận án được nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc (tuy nhiên việc khảo sát điển hình chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn thuộc các khu vực trọng điểm về kinh tế).

+ Phạm vi về thời gian: Từ năm 2007 đến năm 2015

- *Đối tượng nghiên cứu*: Luận án tập trung nghiên cứu về thực trạng pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự của CQĐT, VKSND, TAND trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận**

- Luận án được tiến hành nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, về cải cách tư pháp, về hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức, trong đó có quyền được bồi thường thiệt hại, được hoàn trả lợi ích vật chất chính đáng. Trên cơ sở phương pháp luận, trong quá trình thực hiện luận án, Nghiên cứu sinh sẽ tiến hành các phương pháp cụ thể sau đây:

+ *Thống kê, phân tích số liệu*. Tác giả thu thập số liệu từ các báo cáo của CQĐT, VKSND, TAND, thống kê theo từng tiêu chí, phân tích số liệu đã thu thập nhằm làm rõ về vấn đề nghiên cứu.

+ *Phương pháp chuyên gia*. Trực tiếp tham khảo ý kiến, trao đổi với các chuyên gia (bao gồm: các đồng chí là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra, các đồng chí là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên có thâm niên, các nhà khoa học pháp lý khác) tại một số địa bàn nhằm làm rõ nội dung phản thực trạng cũng như là phân giải pháp và kiến nghị của luận án.

+ *Phương pháp tổng kết thực tiễn*. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích đánh giá những kết quả, tài liệu thu được từ thực tiễn, cụ thể qua các báo cáo tình hình công tác năm của Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Cơ quan Tòa án từ

năm 2005 đến năm 2015 luận án sử dụng các số liệu làm căn cứ thực tiễn để giải quyết các vấn đề nghiên cứu.

+ *Phương pháp nghiên cứu tài liệu.* Suru tầm, nghiên cứu các văn bản pháp luật, các công trình nghiên cứu có liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu. Trên cơ sở các công trình nghiên cứu về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự của các tác giả đã công bố cộng với quá trình nghiên cứu phân tích, đánh giá của mình, tác giả xây dựng hệ thống lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu, từ đó soi rọi vào các vấn đề thực tiễn cũng như tìm ra những giải pháp cho các vấn đề đặt ra trong luận án.

+ *Phương pháp khảo sát điển hình.* Lựa chọn địa bàn các tỉnh, thành phố nơi xảy ra nhiều vụ án xâm phạm sở hữu để khảo sát thực tế hoạt động giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án. Tác giả khảo sát hồ sơ các vụ án xâm phạm sở hữu có vấn đề dân sự phức tạp đã được giải quyết ở giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, cũng như các vụ án chưa giải quyết được các vấn đề dân sự. Trên cơ sở đó rút ra những nhận xét, đánh giá chung và rút ra những kết luận về vấn đề nghiên cứu.

+ *Phương pháp điều tra xã hội học.* Xây dựng phiếu điều tra để điều tra xã hội học nhằm thu thập ý kiến của cán bộ hoạt động thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán) để đánh giá nhận thức và thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự, những khó khăn, vướng mắc, làm cơ sở đưa ra giải pháp, kiến nghị của luận án.

- Về hướng tiếp cận, những nội dung nghiên cứu sẽ được tiếp cận cả trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

+ Nghiên cứu các quy định của luật thực định về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, các công trình, tài liệu, bài viết có liên quan đến đề tài để làm rõ những vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.

+ Tiếp cận thực tiễn thông qua việc khảo sát thực tế điển hình, nghiên cứu số liệu của các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan Tòa án, Cơ quan Cảnh sát điều tra. Mặt khác, thu thập, xử lý, sử dụng nguồn thông tin từ báo cáo tham luận trong các Kỳ yếu Hội thảo khoa học pháp lý, Hội nghị rút kinh nghiệm chuyên môn của các cơ quan tiến hành tố tụng, trực tiếp nghiên cứu các hồ sơ vụ án, trao đổi, tham khảo ý kiến của những người tiến hành tố tụng, tham dự một số phiên tòa xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu điển hình.

### **5. Những điểm mới của luận án**

Công trình nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống các vấn đề về lý luận, pháp luật hiện hành và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu. Kết quả nghiên cứu của đề tài mang lại những đóng góp mới về khoa học pháp lý như sau:

- Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và tiếp thu, kế thừa những kết quả nghiên cứu của những công trình đã công bố, tác giả đưa ra khái niệm về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, khái niệm và đặc điểm của giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu. Đây là những khái niệm công cụ làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đồng thời làm căn cứ lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, xét xử vụ án hình sự.

- Luận án làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đặc biệt là trong hoạt động điều tra, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu. Điều này bù đắp sự thiếu hụt công trình nghiên cứu vấn đề này từ khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực cho đến nay.

- Luận án đưa ra phương hướng góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.

- Luận án làm rõ những thiếu sót, tồn tại và chỉ ra những nguyên nhân của những tồn tại, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu.

- Luận án đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả việc giải quyết vấn đề dân sự trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu.

#### **6. Nội dung cơ cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được cấu trúc làm 04 chương:

**Chương 1.** Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

**Chương 2.** Những vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu.

**Chương 3.** Pháp luật giải quyết vấn đề dân sự và thực tiễn áp dụng trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu

**Chương 4.** Giải pháp nâng cao hiệu quả việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.



## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

### 1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Qua tìm hiểu, khảo sát những công trình khoa học đã được công bố kể từ khi BLTTHS 2003 ghi nhận nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, có thể thấy rằng hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về lý luận và thực tiễn việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đã có một số nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhưng đề cập ở những cấp độ khác nhau, trên những khía cạnh, bình diện khác nhau.

- *Các công trình nghiên cứu về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, nghiên cứu về bị hại và đương sự trong tố tụng hình sự;*

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hương (2009), có công trình “*Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, Luận văn Thạc sĩ luật học [54]. Công trình này tập trung nghiên cứu phân tích về cơ sở, nội dung, ý nghĩa và những đặc điểm của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Trong nội dung của Luận văn, tác giả đã xây dựng một số khái niệm liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự, phân tích mối liên hệ giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự với một số nguyên tắc liên quan được quy định trong BLTTHS năm 2003. Luận văn cũng đã đánh giá việc áp dụng nguyên tắc trong thực tế xét xử vụ án hình sự có nội dung dân sự, xác định những nguyên nhân của sự hạn chế khi áp dụng nguyên tắc. Bên cạnh đó, tác giả có so sánh đối chiếu với quy định trong luật Tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới làm cơ sở để bảo vệ những luận điểm trong phần kiến nghị của mình.

Tác giả Lê Nguyên Thanh (2012), “*Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh [39]. Kết quả nghiên cứu công trình này, tác giả đã làm rõ hệ thống lý luận chung về người bị hại do tội phạm gây ra trong Tố tụng hình sự Việt Nam, nội dung của luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ vị trí, vai trò của

người bị hại trong tố tụng hình sự, những thiệt hại của người bị hại do tội phạm gây ra, có sự liên hệ so sánh giữa người bị hại với nguyên đơn dân sự đồng thời phân biệt với các chủ thể khác trong tố tụng hình sự. Luận án phân tích cụ thể những quyền và nghĩa vụ của người bị hại theo quy định của BLTTHS năm 2003, trong đó đáng chú ý là phân tích sâu về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Mặt khác luận án cũng đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về người bị thiệt hại do tội phạm gây ra, phân tích những điểm bất cập và hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật bảo vệ quyền lợi của người bị hại trong vụ án hình sự. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị về chính lý, bổ sung, sửa đổi một số quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị hại.

Tác giả Phan Thành Bút (2009), “*Giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự*”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh [59]. Công trình này đã xác định về bản chất, ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự. Trong nội dung của luận văn đã làm rõ được chủ thể có quyền yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự, đó là bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bên cạnh việc phân tích nguyên tắc và trình tự thủ tục giải quyết nội dung dân sự trong vụ án hình sự, tác giả đã phân tích địa vị pháp lý của người bị hại và một số đương sự khác trên cơ sở quy định của BLTTHS năm 2003. Nội dung của luận văn cũng đề cập đến việc áp dụng các quy định của BLDS và BLTTDS trong quá trình giải quyết quyền lợi của người bị hại và các đương sự khác, xác định một số thiệt hại do tội phạm gây ra cho người bị hại và đưa ra một số kiến nghị về hoàn thiện quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong BLTTHS 2003.

Tiến sĩ Lê Tiến Châu (2007), với công trình: *Người bị hại trong Tố tụng hình sự* [43]. Tác giả của công trình tập trung nghiên cứu sâu và phân tích khái niệm “*người bị hại*”, có sự đối chiếu, so sánh với quy định của pháp luật TTHS một số nước về người bị hại, từ đó đề xuất nội hàm khái niệm về người bị hại. Công trình này cũng đề cập đến một số bất cập trong quy định của Luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo vệ quyền lợi của người bị hại cũng như đánh giá những thiếu sót trong thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của

bị hại. Tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị trong việc bảo đảm thực hiện các quyền của người bị hại, trong đó đặc biệt là đề xuất cơ chế thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa người bị hại với bị can, bị cáo trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Tác giả Lê Văn Sua (2015), *Pháp luật Tố tụng hình sự quy định về người tham gia tố tụng, những bất cập và kiến nghị*. [46]. Trong công trình này, tác giả đã phân loại người tham gia tố tụng thành hai nhóm bao gồm nhóm người tham gia tố tụng có quyền lợi liên quan đến vụ án trong đó có bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và nhóm người tham gia tố tụng theo nghĩa vụ pháp lý là người làm chứng, người phiên dịch, người giám định. Ngoài việc phân tích các quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn về người tham gia tố tụng, công trình này còn phản ánh những bất cập trong thực tiễn áp dụng quy định về người tham gia tố tụng, đặc biệt là về thực trạng xác định tư cách đương sự của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Trong đó tác giả phân tích sâu về nguyên nhân của thực trạng xác định nhầm lẫn tư cách giữa bị hại với nguyên đơn dân sự, giữa bị đơn dân sự với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với người làm chứng. Với nhiều dẫn chứng thực tế, tác giả đã chỉ ra sự không thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật xác định tư cách đương sự trong vụ án hình sự. Công trình này cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng về người tham gia tố tụng, trong đó có bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngoài các công trình nêu trên còn có một số bài viết trên các tạp chí Nhà nước và pháp luật, Tạp chí TAND, Tạp chí Viện kiểm sát, Tạp chí Luật học, Tạp chí Công an nhân dân, Tạp chí Dân chủ pháp luật... đề cập tới giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự ở các góc độ khác nhau như: TS Hoàng Thị Sơn: *“Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự”*, Tạp chí luật học số 6/1998; TS, Đỗ Văn Đại: *“Bàn về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự”* đăng trên tạp chí Kiểm sát số 9 năm 2007; ThS. Nguyễn Văn Trọng: *“Bàn về thủ tục điều tra lại hoặc xét xử lại phần dân sự trong vụ án hình sự và thực tiễn*

*áp dụng*” đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân số 01, năm 2007; Nguyễn Ngọc Chí: “*Bàn về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*” Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học số 26, năm 2010; Ths Trần Ngọc Đức: “*Một số vấn đề cần chú ý khi quán triệt nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*” đăng trên Tạp chí Công an nhân dân số 06, năm 2008; TS Đinh Văn Quê: “*Kháng nghị giám đốc thẩm về “dân sự” trong vụ án hình sự*” trên trang <http://vietnamese-law-consultancy.com>, năm 2005; Thái Chí Bình (2015), “*Quy định về người tham gia tố tụng trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và đề xuất hoàn thiện*” được tải trên trang [toaan.gov/portal/page/portal/tandtc/baiviet...](http://toaan.gov/portal/page/portal/tandtc/baiviet...)

Các công trình nghiên cứu về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự, các bài viết về thủ tục giải quyết vấn đề dân sự bước đầu khai mở về lý luận giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Đây là cơ sở để nghiên cứu sinh kế thừa và phát triển thành hệ thống các vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và liên hệ với giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu. Các công trình, bài viết về bị hại, đương sự đã phân tích cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này khi họ tham gia tố tụng hình sự, đưa ra những điểm chưa phù hợp trong quy định của pháp luật cũng như những bất cập trong thực tiễn áp dụng. Những nội dung này chính là cơ sở để luận án đánh giá vị trí, vai trò của bị hại, đương sự trong vụ án hình sự, đặc biệt là việc thực thi quy định của pháp luật để bảo vệ lợi ích chính đáng của bị hại và các đương sự khi các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

- *Các công trình nghiên cứu về giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;*

Qua khảo sát, nghiên cứu cho thấy chưa có một công trình cụ thể nào nghiên cứu một cách toàn diện về giải quyết bồi thường thiệt hại trong các vụ án hình sự nói chung cũng như trong các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Tuy nhiên có một số công trình đáng chú ý có đề cập đến nội dung liên quan đến việc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội trong một số tội phạm cụ thể, các công trình như vậy có thể kể đến như:

Công trình của TS. Phạm Quang Phúc (2008), *Hoạt động của Lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, năm 2008 [61]. Nội dung trọng tâm của công trình này chủ yếu đánh giá về thực trạng hoạt động của Lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này. Tuy nhiên công trình cũng có phần phân tích về thực trạng của tội phạm lừa đảo, những thiệt hại mà loại tội phạm này gây ra và có đề cập đến hiệu quả giải quyết các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong đó có một phần phản ánh về bồi thường những thiệt hại về tài sản mà tội phạm gây ra cho người bị hại. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã phân tích chuyên sâu về các thủ đoạn của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có thủ đoạn tẩu tán tài sản và đưa ra các biện pháp thu hồi tài sản để phục vụ việc bồi hoàn trong quá trình giải quyết vụ án.

Luận án Tiến sĩ luật học của Nguyễn Thanh Hồng (2001): *“Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ”* [53]. Trong công trình này, tác giả đã phân tích một cách hệ thống và cơ bản nhất về chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trên cơ sở đó, tác giả xây dựng khái niệm về bồi thường thiệt hại trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ, trong đó bao gồm cả những vụ vi phạm hành chính và những vụ phạm tội. Công trình đã phân tích các nguyên tắc bồi thường thiệt hại trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm rõ cơ sở của trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong giải quyết các vụ tai nạn giao thông đường bộ, đặc biệt là đã đưa ra cơ sở pháp lý xác định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản. Trong chương 3 của luận án, tác giả đã đánh giá thực tế thiệt hại do các vụ tai nạn giao thông, trong đó có các vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, nêu bật các yếu tố ảnh hưởng đến việc bồi thường trong các vụ án đó, đồng thời nhấn mạnh đến các biện pháp bảo đảm việc bồi thường thiệt hại.

Luận văn Thạc sĩ luật học của Trần Minh Châu (2006) *“Bồi thường thiệt hại trong trường hợp sức khỏe, tính mạng bị xâm phạm, một số vấn đề lý luận và thực*

*tiền*” [106]. Trong Luận văn, tác giả đã phân tích một số vấn đề lý luận chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như phân tích khái niệm, ý nghĩa, các quy định của pháp luật về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường và cơ sở xác định mức bồi thường. Từ những vấn đề lý luận chung, tác giả đã liên hệ, hệ thống hóa cơ sở pháp lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong trường hợp tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm, so sánh trách nhiệm bồi thường do xâm phạm về tài sản với trách nhiệm bồi thường do xâm phạm về quyền nhân thân. Công trình này cũng phân tích việc giải quyết bồi thường trong một số vụ án cố ý gây thương tích, vụ án giết người, từ đó xác định nguyên nhân của một số bất cập trong thực tế áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và đưa ra một số giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Công trình này chủ yếu phân tích các quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu các công trình bị hại và đương sự ở phần trên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng các tác giả đã dành một phần nội dung nhất định phân tích về bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra như trong luận án tiến sĩ luật học “*Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, tác giả Lê Nguyên Thanh đã phân tích sâu về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại và nguyên đơn dân sự, đánh giá về thực tiễn giải quyết bồi thường bảo đảm quyền lợi của bị hại của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nguyễn Thành Bút trong luận văn thạc sĩ luật học “*Giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự*” của mình đã đề cập đến việc xác định yêu cầu bồi thường thiệt hại khi kết thúc điều tra và quyết định truy tố và phân tích trình tự giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn có một số công trình, bài viết khác phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như: Bùi Văn Thắm (2004): “*Tìm hiểu về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”, Sách chuyên khảo, NXB Chính trị quốc gia; Lê Thị Bích Loan (1999) “*Một số vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín*”, Luận văn Thạc sĩ luật học; Nguyễn Xuân Đăng: “*Giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự*” đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân

số 21, năm 2005; Bài viết của Lê Nguyên Thanh: “*Một số vấn đề về giải quyết dân sự trong vụ án hình sự*”, Tạp chí khoa học pháp lý, số 1/2010;... Các công trình trên cũng đề cập đến nguyên tắc bồi thường, cơ sở xác định bồi thường, trình tự, thủ tục tiến hành bồi thường cũng như đề xuất các biện pháp, cơ chế bảo đảm việc bồi thường cho nạn nhân trong các vụ án cụ thể.

Các công trình có nội dung liên quan đến giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra chủ yếu phân tích về cơ sở pháp lý của việc xác định trách nhiệm bồi thường và mức bồi thường, một số công trình có đề cập đến việc thu hồi tài sản để phục vụ bồi hoàn. Giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là một nội dung quan trọng và phức tạp, vì vậy nếu chỉ xem xét dưới góc độ cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường là không đủ mà đòi hỏi cần phải nghiên cứu toàn diện hơn như các chủ thể trong quan hệ bồi thường thiệt hại, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giải quyết việc bồi thường, việc áp dụng các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, các phương thức giải quyết việc bồi thường.v.v.. Tuy nhiên, các công trình nói trên đã phần nào phản ánh cơ chế giải quyết bồi thường trên những nguyên tắc và quy định của BLDS. Luận án sẽ gắn kết những cơ sở này với quy định của BLTTHS để làm sáng rõ tính chất cũng như yêu cầu của việc giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

*- Các công trình nghiên cứu về việc hoàn trả tài sản, nghiên cứu về giám định, định giá tài sản phục vụ giải quyết bồi thường, hoàn trả tài sản trong vụ án hình sự.*

Thực tế chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu toàn diện về lý luận và thực tiễn của hoạt động giám định, định giá tài sản phục vụ giải quyết bồi thường, bồi hoàn tài sản cũng như những vướng mắc trong hoạt động hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Mặc dù vậy, đã có một vài công trình có nội dung liên quan đến vấn đề này có thể tham khảo để nghiên cứu, mở rộng và hệ thống hóa về mặt lý luận.

Đề tài khoa học cấp Bộ: *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng, chống các tội phạm xâm phạm sở hữu tại địa bàn khu chế xuất, khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía nam*, của Bùi Thành Chung (2014) [4]. Trong nội dung của đề tài, tác giả có phân tích đặc điểm của tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn các khu chế xuất, khu công nghiệp, trong đó có phân tích đến đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt và các phương thức, thủ đoạn tẩu tán, tiêu thụ tài sản của đối tượng phạm tội. Đặc biệt là tác giả đã đánh giá thực tế hoạt động thu hồi tài sản của cơ quan điều tra thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân nhằm chứng minh hành vi phạm tội, phân tích các vướng mắc, bất cập trong hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản và xử lý vật chứng của các vụ xâm phạm sở hữu.

Một số tài liệu khác dưới hình thức bài viết khoa học trên các tạp chí chuyên ngành tuy không phân tích sâu nhưng đã đề cập đến vấn đề hoàn trả tài sản trong hoạt động TTHS, phân tích các quy định về giám định và định giá. Có thể kể đến các bài viết của các tác giả:

Nguyễn Văn Trọng (2005), *Quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu và thực tiễn áp dụng*, Tạp chí TAND, số 12, tháng 6/2005; *Một số vướng mắc khi xử lý vật chứng trong vụ án hình sự*, Tạp chí TAND, số 22, tháng 11/2009; Quách Thành Vinh (2010), *Một số trường hợp xử lý vật chứng chưa có căn cứ viện dẫn*, Tạp chí TAND, số 4, tháng 2/2010; Đặng Văn Quý, *Bàn về quy định xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự*, <http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet>; Phạm Thái Quý, *Định giá tài sản trong tố tụng*, <http://www.nclp.org.vn> (Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử); Đức Hạnh, *Hoàn thiện các quy định về giám định trong tố tụng hình sự*, <http://www.nclp.org.vn> (Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử)

Có thể nói các công trình nói trên mới chỉ dừng lại ở mức phân tích một số điểm bất cập trong quy định của pháp luật về trả lại tài sản, về xử lý vật chứng là tài sản, về định giá tài sản trong tố tụng. Nội dung của các công trình chưa làm rõ được mối quan hệ giữa quy định về xử lý vật chứng, quy định về định giá, giám định với việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và



trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Đây là vấn đề mà luận án cần phân tích, làm rõ.

### **1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng là một nội dung quan trọng mà cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Luật pháp của các nước trên thế giới đều có những quy định cụ thể làm cơ sở và căn cứ pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện giải quyết vấn đề dân sự khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án. Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật trong giải quyết vấn đề dân sự còn nhiều khó khăn và vướng mắc dẫn đến hiệu quả của hoạt động này còn hạn chế, chưa thực sự bảo đảm quyền lợi dân sự cũng như khắc phục những hậu quả mà người phạm tội gây ra cho nạn nhân, điều này ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án hình sự nói chung. Chính vì vậy, việc bảo vệ các lợi ích dân sự của người bị hại (nạn nhân) trong giải quyết vụ án hình sự được sự quan tâm, nghiên cứu của một số các học giả trên những bình diện khác nhau như: Tác giả Ana Medarska (Đại học trung ương Châu Âu, Hungary) có công trình “*Rights of crime victims under the European convention on Human rights: invading defendants’s rights*” (Quyền của nạn nhân của tội phạm trong Công ước Châu Âu về Nhân quyền: ảnh hưởng đối với quyền của bị cáo), năm 2009 [131]. Công trình này nghiên cứu về quyền của người bị hại (nạn nhân) trong đó đề cập đến quyền được bồi thường thiệt hại từ người phạm tội và được sự hỗ trợ từ Nhà nước được quy định trong Luật tố tụng hình sự ở các quốc gia Châu Âu.

Tác giả Douglas E. Beloof, Paul G. Cassell, Steven J. Twist: “*Victims in Criminal Procedure*” (nạn nhân trong tố tụng hình sự), Nxb Carolina Academic Press xuất bản năm 2010 [134]. Công trình này nghiên cứu đánh giá về thiệt hại của nạn nhân trong vụ án hình sự và quyền của họ trong tố tụng hình sự, trong đó có đề cập đến quyền chủ động của nạn nhân khi tham gia vào quy trình tố tụng để được bảo vệ quyền lợi và được hoàn trả những lợi ích chính đáng trước công lý;

Tổng giám đốc điều hành Ủy ban Châu Âu về Tư pháp và nội vụ đã công bố sách xanh: “*GREEN PAPER - Compensation to crime victims*” năm 2002 (Báo cáo tham vấn về Bồi thường cho nạn nhân của tội phạm) [138]. Đây là công trình lớn của Ủy ban Châu Âu về nội vụ và tư pháp đánh giá tổng quan về việc bồi thường cho những nạn nhân của tội phạm ở khu vực Cộng đồng Châu Âu và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc bồi thường cho nạn nhân của tội phạm.

Wallter Woon (Phó trưởng khoa Luật Đại học quốc gia Singapore): “*Compensation Orders in criminal cases*” (*Bồi thường trong vụ án hình sự*) năm 2009 [141]. Công trình xác định cơ sở, căn cứ của Luật TTHS Singapore cho phép Tòa án ra lệnh người bị kết án phải bồi thường cho nạn nhân, phân tích các nguyên tắc pháp lý về bồi thường trong vụ án hình sự, đồng thời đánh giá về những ưu điểm và hạn chế trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết bồi thường cho nạn nhân trong vụ án hình sự và đưa ra một số kiến nghị trong thực thi bồi thường của người bị kết án.

Hiệp hội Luật sư Mỹ (American Bar Association) với công trình: “*The victim in the criminal justice system*” (Nạn nhân trong hệ thống tư pháp hình sự), năm 2006 [133]. Theo công trình nghiên cứu trên thì vai trò của người bị hại (nạn nhân) trong tố tụng hình sự Mỹ không đáng kể, họ tham gia tố tụng với tư cách như một nhân chứng. Trong công trình này đã chỉ ra các vụ án xâm phạm sở hữu, người bị hại có quyền khởi kiện để được giải quyết về lợi ích dân sự, tuy nhiên cũng có trường hợp nạn nhân sẽ không tìm cách khởi kiện, không hợp tác với cảnh sát trong việc khởi tố một vụ án như trường hợp xâm phạm tài sản không đáng kể và được bồi thường thỏa đáng thì nạn nhân sẽ không ra làm chứng trước tòa và gây ra nhiều khó khăn cho việc xử lý người phạm tội.

Roger graef, tác giả của cuốn sách “*Repairing the harm caused by crime*” (*Khắc phục những thiệt hại do tội phạm gây ra*), NXB Calouste Gulbenkian Foundation năm 2001 [136] đã hệ thống hóa về mặt lý luận những thiệt hại về vật chất và tinh thần của chủ thể bị hành vi phạm tội gây ra đồng thời đưa ra những cơ chế khắc phục những thiệt hại, bù đắp những tổn thất cho nạn

nhân. Mặt khác tác giả cũng đề xuất những cơ sở, điều kiện để chủ thể bị tội phạm xâm hại được chủ động tham gia quy trình tố tụng hình sự để được đề xuất những biện pháp bảo đảm việc khắc phục thiệt hại được thực thi sau khi có bản án của Tòa án.

Một số công trình khác không trực tiếp nghiên cứu về việc bảo vệ quyền lợi dân sự của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra, nhưng có đề cập một cách gián tiếp về cơ chế bảo đảm thực thi quyền được bồi thường của nạn nhân như tác giả Bakiróp Azat Akhalovich với luận án tiến sĩ “*Quan điểm tố tụng hình sự về khám xét và thu giữ*”. Luận án bảo vệ năm 2009 tại thành phố Ufa. Luận án tìm hiểu về quá trình phát triển một hoạt động hỗ trợ cho công tác điều tra làm sáng tỏ các vụ án hình sự gọi là khám xét, thu giữ từ đầu thế kỉ thứ XV cho đến năm 2008 và những quan điểm pháp luật tố tụng hình sự trên cơ sở Bộ Luật tố tụng hình sự của Liên Xô trước đây và Liên Bang Nga hiện nay, cụ thể là quy định về cách thức triển khai các biện pháp này qua các thời kì. Trong luận án, tác giả nghiên cứu tỉ mỉ các vấn đề liên quan đến hoạt động khám xét, trong đó có đề cập đến quan điểm triết học về các quyền bất khả xâm phạm của con người, quyền sở hữu tài sản hợp pháp liên quan đến khám xét, thu giữ. Mặt khác tác giả cũng chứng minh vai trò quan trọng của việc khám xét, thu giữ vật chứng trong việc chứng minh hành vi phạm tội cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết những vấn đề dân sự khác trong vụ án hình sự ...;

Tác giả Sevelép Niholao Xegrâyevich, với luận án tiến sĩ: “*Vận dụng các khả năng của nghiệp vụ trình sát trong điều tra, khám phá vụ án xâm phạm sở hữu*” [85]. Luận án được bảo vệ năm 2010 tại thành phố Kratnođa. Công trình gồm 3 chương, trong công trình này, tác giả tập trung vào phân tích việc sử dụng các khả năng của nghiệp vụ trình sát khi thu thập và xử lý các thông tin hình sự về tội phạm xâm phạm sở hữu, phân tích bản chất và cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động nghiệp vụ trình sát, cũng như mối quan hệ giữa hoạt động tố tụng và hoạt động nghiệp vụ trình sát trong điều tra khám phá tội phạm xâm phạm sở hữu. Tại chương 2, tác giả nghiên cứu sâu hơn các hoạt động cụ thể khi thu thập, tích lũy thông tin trình sát và cách sử dụng hiệu quả các thông tin này

không chỉ phục vụ cho công tác khởi tố vụ án hình sự mà còn nhằm mục đích tạo tiền đề cho việc triển khai các biện pháp điều tra cụ thể sau khi khởi tố. Trong đó có đề cập đến các thông tin liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt nhằm hỗ trợ cho quá trình điều tra ban đầu, cũng như hỗ trợ cho các biện pháp điều tra cụ thể trong đó có hỗ trợ cho biện pháp khám xét, thu giữ khi điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.

Sách chuyên khảo của nhóm tác giả Andromachi Tseloni, Denise R. Osborn, Alan Trickett and Ken Peace (2001) “*Scientific modeling situation of property infringement crimes using crime survey in United Kingdom*” (Mô hình hóa tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu sử dụng phiếu điều tra tội phạm ở Anh) [132]. Nội dung cuốn sách hệ thống và mô hình hóa tình hình tội phạm sở hữu thông qua sử dụng kết quả các cuộc điều tra bằng phiếu xã hội học. Theo nhóm nghiên cứu, từ các dữ liệu của các cuộc Điều tra về tội phạm ở Anh đã được sử dụng để phát triển một loạt các mẫu thống kê để miêu tả tình hình tội phạm về sở hữu ở cấp độ khác nhau về chủ thể, về nạn nhân, về các loại tài sản bị chiếm đoạt. Từ đó đưa ra đánh giá tổng thể về tình hình tội phạm sở hữu và phân loại tội phạm sở hữu đồng thời phân tích mối liên hệ giữa tội phạm xâm phạm sở hữu với các khu vực địa lý khác nhau tại vương quốc Anh.

Ngoài các công trình trên, có một số bài viết trên một số tạp chí có nội dung liên quan đến vấn đề này như: “*Parallel criminal and civil proceedings*” (Thủ tục tố tụng hình sự và dân sự song song), của tác giả Robert B. Mitchell đăng trên tạp chí luật học Haward năm 2008 [137]. Nội dung của bài viết đề cập đến sự cần thiết và tầm quan trọng tiến hành song song các hoạt động tố tụng hình sự và dân sự để bảo đảm buộc tội chính xác và bảo vệ lợi ích dân sự thỏa đáng cho nạn nhân;

Các tác giả Lynae K. E. Olson và Joy A. Chapper với cuốn: “*Screening and Tracking Criminal Appeals: The Rhode Island Experience*” (Sàng lọc và theo dõi phiên tòa hình sự: Kinh nghiệm của đảo Rhode Island) [135]; Nxb National Center for State Courts (Mỹ). Công trình này nghiên cứu các phiên tòa xét xử tội phạm tại đảo Rhode Island (Rhode Island là tiểu bang của Hoa Kỳ, tên chính

thức của Rhode Island là The State of Rhode Island and Providence Plantations), Lynae K. E. Olson và Joy A. Chapper đã đi sâu phân tích: Về trình tự, thủ tục, thời gian, cách thức tiến hành giải quyết vụ án của đảo Rhode Island, so sánh với trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của các bang khác trong Liên bang Hoa Kỳ. Từ đó, các tác giả đã rút ra những điểm tối ưu khi xét xử vụ án của đảo Rhode Island trong giải quyết vụ án, đặc biệt là việc đảm bảo quyền lợi của người bị buộc tội và đồng thời bảo đảm quyền lợi của nạn nhân trong đó có quyền được bù đắp lợi ích vật chất.

Như vậy, thực tế cho đến nay chưa có một công trình cụ thể nào nghiên cứu chuyên sâu việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Các công trình nước ngoài mà chúng tôi khảo sát, nghiên cứu mới chỉ đề cập đến những vấn đề có liên quan trên những bình diện khác nhau và cơ bản là xu hướng bảo vệ và mở rộng các quyền tố tụng chủ động của người bị hại trong giải quyết vụ án hình sự nói chung và trong đảm bảo những lợi ích dân sự nói riêng.

### **1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu**

Qua tìm hiểu, nghiên cứu, có thể thấy đề tài về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung đã được một số nhà khoa học pháp lý và những người làm công tác thực tiễn quan tâm. Từ nghiên cứu tổng quan về các công trình có liên quan đến đề tài này, có thể nhận định: *Thứ nhất*, cho tới thời điểm hiện nay chưa có một công trình của tác giả nước ngoài nào nghiên cứu, đánh giá về việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự xâm phạm sở hữu của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam. *Thứ hai*, nhiều nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu trong nước đã có những nghiên cứu, đánh giá bước đầu về giải quyết vấn đề dân sự trong tố tụng hình sự nói chung, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố và xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu. *Thứ ba*, các công trình nước ngoài nghiên cứu vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thường gắn với quyền của nạn nhân và xác định cơ chế tăng cường vị trí của nạn nhân trong khi họ tham gia tố tụng để họ tự đưa ra yêu cầu và bảo vệ quyền lợi của mình trong đó có quyền lợi

về dân sự, chính vì vậy các công trình thường đề cập đến quy định của pháp luật tố tụng về địa vị pháp lý, vị trí tố tụng của nạn nhân trong các vụ án hình sự, các công trình này không đề cập đến trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ quyền lợi dân sự khi họ thực hiện chức năng của mình. *Thứ tư*, nhiều công trình trong nước đã phân tích một số vấn đề lý luận, pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên về mặt lý luận mới chỉ đề cập đến những bình diện chung như quy định của pháp luật về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, về trách nhiệm dân sự của người phạm tội. Các quy định của pháp luật là cơ sở để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự như quy định về đương sự, quy định về định giá, giám định chưa được nghiên cứu đầy đủ. Về mặt thực tiễn, các công trình chủ yếu nghiên cứu về giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự cụ thể ở giai đoạn xét xử, các vấn đề dân sự khác cần phải giải quyết ở giai đoạn điều tra, truy tố chưa được nghiên cứu toàn diện. *Thứ năm*, một số công trình nghiên cứu liên quan đến các tội phạm xâm phạm sở hữu nhưng đối tượng nghiên cứu trọng tâm là việc xác định tội danh, nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các tội phạm xâm phạm sở hữu, vấn đề xác định thiệt hại nói chung. Việc giải quyết vấn đề dân sự được đề cập tới chỉ mang tính chất hỗ trợ cho những nhận xét, đánh giá tính chất, mức độ của tội phạm cũng như những khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án chứ không mang tính chất là một nội dung khoa học cần phải giải quyết triệt để cả về lý luận và thực tiễn. *Thứ sáu*, nhìn chung các công trình nghiên cứu đã công bố đã xác định vai trò quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự song mỗi công trình mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh nhất định của vấn đề các quy định pháp luật. Dưới góc độ đó, một số công trình đã đề cập đến vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự nhưng chưa có tính hệ thống và mới chỉ dưới hình thức bài báo khoa học và một số ít luận văn thạc sĩ. Riêng đối với các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, có thể khẳng định rằng cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về lý luận và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu.

Vì vậy, nghiên cứu đề tài: Giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu để đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả việc giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm sở hữu là một vấn đề mang tính thời sự, không trùng lặp với các công trình đã thực hiện.

#### **1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án**

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của những công trình đã được công bố và căn cứ vào mục tiêu nghiên cứu đã được xác định, công trình này được định hướng tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những vấn đề cơ bản sau:

*Một là*, nghiên cứu, làm sâu sắc thêm hệ thống trí thức lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu như: khái niệm, đặc điểm của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; khái niệm và đặc điểm của giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu; xác định phạm vi các vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu cần phải giải quyết và các nguyên tắc phải tuân thủ trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.

*Hai là*, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu như: các quy định của pháp luật về bị hại và các đương sự; quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu gây ra; quy định về hoàn trả lại tài sản bị hành vi phạm tội chiếm đoạt; các quy định có liên quan khác như quy định về giám định, về định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó hệ thống hóa cũng như phát hiện những điểm còn bất cập trong quy định về giải quyết vấn đề dân sự trong giải quyết vụ án hình sự nói chung cũng như trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.

*Ba là*, đánh giá khái quát thực trạng tội phạm xâm phạm sở hữu trong thời gian vừa qua, đặc biệt là tổng kết, đánh giá về thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu. Cụ thể là: thực trạng áp dụng pháp luật trong xác định và bảo đảm các quyền của

bị hại và các đương sự tham gia tố tụng; thực trạng áp dụng quy định của pháp luật giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu gây ra, giải quyết việc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản; thực trạng áp dụng quy định của pháp luật về giám định, định giá tài sản phục vụ việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.

*Bốn là*, xác định những nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự và đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu;



## Chương 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU

#### **2.1. Khái niệm, đặc điểm của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự**

##### *2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*

Trong lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam, việc giải quyết các quyền lợi dân sự của bị hại và những chủ thể có liên quan trong vụ án hình sự đã được đề cập, quy định ở nhiều mức độ khác nhau. Trước năm 1945, luật pháp của các triều đại phong kiến Việt Nam không có sự phân định rõ ràng về hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, mọi vi phạm pháp luật đều được coi là có tội và xử lý bằng hình luật. Luật hình một mặt quy định những hình phạt hà khắc để trừng trị người phạm tội, một mặt quy định những hình thức thu hồi tài sản trả cho người bị hại, bồi thường cho người bị hại, phạt tiền sung vào ngân khố triều đình như Hình thư thời nhà Lý quy định: “Khi tranh chấp ruộng ao, kẻ nào dùng hung khí đánh chết người hoặc làm bị thương bị xử phạt 80 trượng, xử tội đồ, phải bồi thường ruộng ao cho người bị hại” [6, tr.168], luật Hồng Đức thời nhà Lê có điều khoản quy định; “Kẻ nào làm hỏng hay xâm phạm tài sản riêng phải bồi thường” [6, tr.171]. Có thể coi đây là hình thức sơ khai của việc xử lý các hệ lụy của hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tài sản và sự thiệt hại của những người bị hại. Giai đoạn từ sau 1945 đến nay, với sự phát triển của hệ thống pháp luật, sự tách biệt rạch ròi các ngành luật khác nhau, những tranh chấp dân sự thuần túy sẽ được áp dụng luật Dân sự và luật Tố tụng dân sự giải quyết, các vụ án hình sự sẽ được áp dụng quy định của BLHS và BLTTHS. Tuy nhiên thực tế nhiều vụ án hình sự, hành vi phạm tội đã gây thiệt hại đến nhiều lợi ích dân sự của người bị hại và các chủ thể có liên quan khác, nếu không giải quyết các nội dung này thì việc giải quyết vụ án hình sự sẽ không triệt để, không công bằng, khách quan và đặc biệt là không kịp thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của các chủ thể bị thiệt hại hoặc chủ thể có liên

quan. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, pháp luật tố tụng đã từng bước xác định và ghi nhận việc phải giải quyết các yêu cầu dân sự trong vụ án hình sự. BLTTHS năm 1988 đã quy định về người bị hại tại Điều 39 với những quyền và nghĩa vụ cụ thể, trong đó có quyền đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường. BLTTHS năm 1988 cũng quy định về các chủ thể có liên quan đến việc giải quyết quyền lợi dân sự trong vụ án hình sự như nguyên đơn dân sự (Điều 40), bị đơn dân sự (Điều 41), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Điều 42). Ngoài ra, trong giai đoạn này, một số văn bản của ngành Tòa án đã đề cập đến việc áp dụng quy định của pháp luật về giải quyết phần dân sự trong thực tiễn như: Công văn số 16/1999/KHXX, ngày 01/02/1999 của TAND tối cao về việc giải đáp một số vấn đề hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng; Công văn số 121/2003/KHXX, ngày 19/09/2003 của TAND tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự. Trong công văn này đã liệt kê các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự và gọi các vấn đề này là phần dân sự trong vụ án hình sự. [95, tr.1]. Có thể nói, những quy định của BLTTHS năm 1998 và hướng dẫn của TAND tối cao là những cơ sở pháp lý quan trọng và những chỉ dẫn thiết thực để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, đây mới chỉ là quy định mang tính chất xác định địa vị pháp lý của chủ thể tham gia tố tụng của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và căn cứ pháp lý để họ thực hiện được vai trò tố tụng cũng như bảo vệ quyền lợi nói chung của mình, những chỉ dẫn mang tính chất áp dụng cho một số vụ việc cụ thể, việc giải quyết các quyền lợi dân sự trong vụ án hình sự chưa được coi là một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự.

BLTTHS năm 2003 ra đời, lần đầu tiên xác định và ghi nhận giải quyết vấn đề dân sự là một nguyên tắc cơ bản trong Tố tụng hình sự Việt Nam: *“Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi*

*thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự*” (Điều 28). Trong BLTTHS năm 2015, nguyên tắc này được quy định tại Điều 30, nhưng về nội dung được giữ nguyên, không có gì thay đổi. Khi đã xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự có nghĩa rằng đây là tư tưởng chỉ đạo, định hướng yêu cầu, phương châm thực hiện trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự từ điều tra, truy tố, xét xử. Đây cũng là lần đầu tiên, trong văn bản pháp luật tố tụng Việt Nam đưa ra thuật ngữ: “*Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”. Để việc áp dụng nguyên tắc này một cách có hiệu quả trong quá trình tiến hành tố tụng, cần phải làm sáng tỏ khái niệm “*vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*” từ đó làm rõ phạm vi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Nếu xem xét dưới góc độ văn bản quy phạm pháp luật tố tụng, ngoài quy định về nguyên tắc khi tiến hành giải quyết vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề dân sự (Điều 28 BLTTHS năm 2003, Điều 30 BLTTHS năm 2015) chưa có một điều, khoản nào đưa ra định nghĩa hoặc xác định phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự một cách cụ thể, rõ ràng. Trong BLHS có quy định về việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai nhưng đây được coi là một trong hệ thống các biện pháp tư pháp. Chính vì vậy, trong thực tiễn áp dụng cũng như trong khoa học pháp lý, có nhiều quan điểm khác nhau về phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Quan điểm thứ nhất cho rằng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là việc bồi thường và bồi hoàn về tài sản [107, tr. 27]. Cơ sở của quan điểm này, tác giả dựa vào phần nội dung thứ hai của Điều 28 về tách việc bồi thường, bồi hoàn tài sản trong vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự: “*...Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự*”. Như vậy, tác giả coi đây là một cách giải thích gián tiếp cho phần nội dung thứ nhất của nguyên tắc đồng thời xác định phạm vi nội dung vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, theo tác giả việc bồi hoàn thuộc vấn đề dân

sự trong vụ án hình sự chỉ giới hạn là việc cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp những tài sản, vật có giá trị chứng minh hành vi phạm tội, là vật chứng của vụ án. Quan điểm thứ hai cho rằng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ là yêu cầu về bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra [55, tr 15]. Quan điểm thứ ba cụ thể hơn, xác định vấn đề dân sự được hiểu là những quan hệ về đòi tài sản; đòi bồi thường giá trị tài sản do bị can, bị cáo chiếm đoạt nhưng bị mất hoặc bị hủy hoại; yêu cầu sửa chữa tài sản bị hư hỏng, bị hủy hoại; đòi bồi thường thiệt hại gắn về lợi ích liên với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục do tài sản bị chiếm đoạt; đòi bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị hành vi phạm tội gây ra [54, tr.15]. Khái niệm này được xây dựng dựa trên cơ sở Công văn số 121/2003/KHXX, ngày 19/9/2003 của TAND tối cao hướng dẫn về giải quyết vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự. Quan điểm thứ tư mang tính chất khái quát hơn, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là những quan hệ bồi thường thiệt hại phát sinh do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, tổ chức bị tội phạm xâm hại [51, tr.15].

Nhìn chung, các quan điểm trên đều thống nhất xác định bản chất của vấn đề dân sự là sự khắc phục hậu quả thiệt hại về tài sản, thể chất, tinh thần mà tội phạm gây ra. Tuy nhiên, các quan điểm trên cũng có sự không thống nhất về phạm vi: có quan điểm xác định phạm vi bao gồm cả bồi thường và trách nhiệm hoàn trả tài sản của cơ quan tiến hành tố tụng. Có quan điểm khác lại cho rằng phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thuần túy là yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra, có quan điểm khẳng định vấn đề dân sự là các quan hệ xã hội về những việc liên quan đến những thiệt hại trực tiếp và gián tiếp do hành vi phạm tội gây ra.

Để xác định đúng bản chất và phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trước hết chúng ta phải xác định được những đặc điểm pháp lý đặc thù của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

*Thứ nhất*, khi nói đến vấn đề dân sự cần xác định nội hàm của nó là quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản. Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân của cá nhân và các tổ chức [116, tr. 8], quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản [116, tr.6]. Trong đời sống dân sự, các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản được phát sinh trên rất nhiều căn cứ khác nhau, trong đó có căn cứ là hành vi trái pháp luật của một chủ thể nào đó xâm hại và gây ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, những quyền và lợi ích khác của chủ thể khác. Như vậy hành vi phạm tội cũng là một căn cứ làm phát sinh quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản giữa người phạm tội với bị hại, giữa người phạm tội với các đương sự khác, giữa các đương sự trong vụ án hình sự với bị hại. Trong đó người phạm tội xâm hại và gây ra những thiệt hại về tài sản, về giá trị nhân thân cho bị hại phải hoàn trả tài sản, phải bồi thường thiệt hại, phải bù đắp những tổn thất về tinh thần cho nạn nhân, người có nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự phải hoàn trả những tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Ở một góc độ khác, khi tiến hành giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể thu giữ và quản lý những đồ vật (tài sản) nhưng không phải là vật chứng của vụ án cũng là cơ sở làm phát sinh trách nhiệm hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

*Thứ hai*, các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân được coi là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự khi có mối quan hệ nội tại với vụ án hình sự cụ thể. Tức là vấn đề dân sự là một phần nội dung của vụ án hình sự và cần phải làm sáng tỏ để chứng minh hành vi phạm tội, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Mặt khác, cơ sở làm phát sinh quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong vụ án hình sự là hành vi phạm tội, vì vậy khi giải quyết trách nhiệm hình sự cần phải được giải quyết vấn đề dân sự mới bảo vệ được đầy đủ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của bị hại và chủ thể có liên quan khác. Với phạm vi giới hạn như vậy, những yêu cầu về dân sự không có mối quan hệ nội tại với vụ án hình sự không phải là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

*Thứ ba*, cơ sở để xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bao gồm cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý. Cơ sở thực tế xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình

sự là hành vi của người phạm tội, hậu quả thiệt hại về tài sản, về tinh thần do hành vi phạm tội gây cho bị hại, những hành vi của đương sự khác xâm hại đến quyền tài sản của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan như hành vi chiếm giữ tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Cơ sở pháp lý xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là những quy định trong BLDS và BLHS. BLDS quy định về các căn cứ làm phát sinh quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân, chúng ta đã xác định nội hàm của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự cũng là quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Ngoài ra, BLDS quy định phạm vi trách nhiệm dân sự của chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ dân sự, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Những quan hệ nói trên có thể được phát sinh từ hành vi phạm tội, vì vậy xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự cũng phải dựa trên căn cứ pháp lý mà BLDS quy định.

BLHS không có quy định cụ thể về căn cứ xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên trong quy định về biện pháp tư pháp đối với người phạm tội, BLHS quy định một số biện pháp liên quan đến khắc phục hậu quả thiệt hại tài sản và tổn thất về tinh thần do hành vi của người phạm tội. Trong đó buộc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt, phải sửa chữa tài sản bị làm hư hỏng, phải bồi thường nếu gây thiệt hại và phải xin lỗi công khai nếu gây tổn thất tinh thần cho bị hại. Những biện pháp trên thực chất là nghĩa vụ dân sự mà nhà nước buộc người phạm tội phải thực hiện trong xử lý quan hệ dân sự cụ thể phát sinh trong vụ án hình sự. Từ đây, chúng ta có thể xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là quan hệ hoàn trả tài sản, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm xin lỗi công khai, sửa chữa khắc phục tài sản bị hư hỏng.

*Thứ tư*, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bao gồm phần dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án hình sự và phần dân sự không ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án hình sự. Phần dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án hình sự là phần dân sự có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Phần dân sự không ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án hình sự là những lợi ích dân sự bị xâm phạm và bị gây

thiệt hại, việc xác định nó không có giá trị đối với việc xác định cấu thành tội phạm, xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Việc xác định phần dân sự này thuần túy là nhằm khôi phục những lợi ích bị xâm phạm, bồi thường những thiệt hại và bù đắp những tổn thất cho bị hại hoặc nguyên đơn dân sự.

*Thứ năm*, những thiệt hại về tài sản, về nhân thân do hành vi phạm tội gây ra làm phát sinh các quan hệ bồi thường, hoàn trả tài sản được coi là vấn đề dân sự trong vụ án hình sự khi đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được phát sinh trước khi khởi tố vụ án hình sự nhưng chỉ được xem xét giải quyết sau khi đã khởi tố vụ án hình sự.

Từ những phân tích các đặc điểm pháp lý nói trên có thể hiểu *vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là những quan hệ dân sự phát sinh trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự liên quan đến tài sản và quyền nhân thân của các chủ thể có quan hệ nhất định đến vụ án hình sự và xử lý vụ án hình sự.*

Như vậy, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thực chất là những quan hệ xã hội phát sinh thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chủ yếu là quan hệ hoàn trả tài sản phát sinh từ hành vi chiếm đoạt, chiếm đoạt, chiếm giữ, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật do người phạm tội hoặc của đương sự khác thực hiện; quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh từ hành vi phạm tội gây thiệt hại cho bị hại hoặc người có quyền lợi khác; quan hệ nghĩa vụ dân sự khác như nghĩa vụ sửa chữa tài sản, nghĩa vụ xin lỗi công khai phát sinh từ hành vi gây tổn hại tinh thần của bị hại.

### *2.1.2. Ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*

Trong vụ án hình sự, hành vi phạm tội không chỉ xâm hại đến những quan hệ xã hội do pháp luật hình sự bảo vệ mà nhiều trường hợp còn gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật dân sự bảo vệ nên có hai loại trách nhiệm được đặt ra khi giải quyết vụ án hình sự, đó là trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thực chất là việc xem xét, xác định trách nhiệm dân sự phát sinh do hành vi phạm tội và người phạm tội không chỉ chịu trách nhiệm hình sự mà còn chịu trách nhiệm dân sự, đó có thể là trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm hoàn trả tài sản do chiếm hữu, sử dụng,

được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Trong vụ án hình sự, nếu phát sinh trách nhiệm dân sự thì có thể thấy giữa trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự có mối quan hệ mật thiết với nhau, trách nhiệm hình sự là tiền đề của trách nhiệm dân sự, ngược lại nội dung của trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Chẳng hạn như hậu quả thiệt hại mà hành vi của người phạm tội gây ra cho bị hại không chỉ là căn cứ để giải quyết việc bồi thường thiệt hại mà còn là cơ sở để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong một vụ án hình sự đều được xác định trên cơ sở hành vi, lỗi của người phạm tội. Vì vậy, khi giải quyết vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chỉ chứng minh, truy cứu và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội mà còn phải xem xét, chứng minh, giải quyết việc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho bị hại hoặc cho các đương sự khác, giải quyết các quan hệ liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt, bị làm hư hỏng để bảo vệ quyền lợi cho các đương sự. Chính cơ sở phát sinh trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, mối quan hệ giữa trách nhiệm dân sự với trách nhiệm hình sự đặt ra việc cần thiết phải giải quyết trách nhiệm dân sự cùng với việc giải quyết trách nhiệm hình sự.

Việc giải quyết vấn đề dân sự ngay trong vụ án hình sự là một yêu cầu đặt ra trong thực tế tố tụng hình sự. Tuy tính chất là các vấn đề dân sự nhưng lại phát sinh trong vụ án hình sự và đương nhiên nó là một phần nội dung trong vụ án hình sự mà một trong những yêu cầu của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án là khách quan, toàn diện và đầy đủ. Mặt khác, mục đích cuối cùng của việc giải quyết vụ án hình sự là bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng, lợi ích của bị hại và các đương sự khác trong vụ án là những lợi ích dân sự, trong đó có những quyền, lợi ích của bị hại, đương sự chỉ có thể được thực hiện và đảm bảo trong tố tụng hình sự chẳng hạn như quyền được tham gia các hoạt động tố tụng hình sự của bị hại, quyền được Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chứng minh, xác định thiệt hại. Nếu phần bồi thường thiệt hại được tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác thì những quyền trên của bị hại



không còn nữa, bởi vì trong tố tụng dân sự không có chủ thể tham gia tố tụng với tư cách là bị hại. Lúc này, để được bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, bị hại trong vụ án hình sự phải nộp đơn yêu cầu bồi thường và họ tham gia với vai trò là nguyên đơn trong vụ án dân sự, họ phải tự chứng minh thiệt hại của mình, cơ quan điều tra cũng không có trách nhiệm phải chứng minh các tình tiết liên quan đến việc bồi thường nữa vì đây là tình tiết của vụ án dân sự. Chính vì vậy, có những vấn đề dân sự nhất thiết phải được giải quyết trong vụ án hình sự chứ không thể tách ra để giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự.

Quá trình cải cách tư pháp hiện nay cũng đặt ra yêu cầu hiệu quả kinh tế, tiết kiệm công sức, thời gian và chi phí. Nếu vấn đề dân sự được giải quyết ngay trong vụ án hình sự không phải tách để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sẽ tránh được các hoạt động tố tụng trùng lặp không cần thiết như chứng minh hành vi của người phạm tội, chứng minh hậu quả thiệt hại, chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả thiệt hại, chứng minh lỗi của người gây thiệt hại. Mặt khác, nếu vấn đề dân sự được giải quyết ngay trong vụ án hình sự thì CQĐT, VKSND có thể làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, từ đó đề xuất phương án giải quyết để Tòa án xem xét, quyết định. CQĐT, VKSND cũng có thể quyết định hoàn trả tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc người thứ ba đang chiếm hữu không có căn cứ cho người chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản nếu việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vấn đề dân sự được tách để giải quyết theo thủ tục của vụ án dân sự thì CQĐT không có trách nhiệm tham gia giải quyết. Điều này cũng là sự lãng phí khi không tận dụng được kết quả các cơ quan nói trên khi mà nguồn gốc phát sinh trách nhiệm dân sự cũng chính là hành vi phạm tội. Hơn nữa, các chủ thể là bị can, bị cáo, bị hại, các đương sự lại một lần nữa phải tham gia tố tụng và tự chứng minh cho các yêu cầu của mình. Như vậy, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không những tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí cho chủ thể tiến hành tố tụng mà còn tiết kiệm thời gian, chi phí cho cả những chủ thể tham gia tố tụng.

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, trong đó phải kể đến giải

quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho bị hại hoặc cho đương sự khác cũng chính là việc hiện thực hóa nguyên tắc mọi thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra phải được toàn bộ và kịp thời.

## **2.2. Khái niệm, đặc điểm và phạm vi giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu**

### *2.2.1. Khái niệm và đặc điểm giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu*

Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, khách thể của tội phạm là quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân, hành vi của người phạm tội xâm phạm và gây thiệt hại về tài sản và những giá trị nhân thân của bị hại. Vì vậy, trong các vụ án xâm phạm sở hữu luôn xuất hiện vấn đề dân sự và đòi hỏi đặt ra là khi các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì đồng thời họ cũng phải xác định trách nhiệm dân sự phát sinh từ hành vi phạm tội. Việc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự xác định trách nhiệm dân sự từ hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu và đưa ra các biện pháp bảo vệ và khôi phục những quyền lợi dân sự của bị hại và các chủ thể có liên quan chính là giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu. Như vậy, *giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là việc cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng căn cứ vào quy định của pháp luật tố tụng hình sự, hình sự, dân sự và các quy định liên quan khác để xử lý đúng đắn các quan hệ dân sự xuất hiện trong quá trình CQĐT, VKSND, TAND khởi tố điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.*

Về bản chất, vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu là các quan hệ pháp luật dân sự nhưng lại phát sinh trực tiếp từ hành vi phạm tội, vì vậy việc giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu có những đặc điểm đặc thù khác với việc giải quyết quan hệ pháp luật dân sự thuần túy.

- Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm về sở hữu chủ yếu là giải quyết quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và quan hệ hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một loại trách nhiệm pháp lý, theo đó người có hành vi trái pháp luật xâm phạm, gây thiệt hại đến lợi ích vật chất và tinh thần của chủ thể khác phải bồi thường và gánh chịu những hậu quả bất lợi khác. Đặc điểm nổi bật của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là quan hệ bồi thường phát sinh từ hành vi trái pháp luật của chủ thể gây thiệt hại, chủ thể gây thiệt hại và chủ thể bị thiệt hại không có mối quan hệ hợp đồng hoặc việc bồi thường không liên quan đến hợp đồng. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu luôn hàm chứa đầy đủ các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. *Thứ nhất*, hành vi của người phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu luôn gây ra những thiệt hại thực tế về tài sản hoặc tinh thần cho chủ thể bị xâm hại. Bởi vì, thực chất hành vi khách quan của các tội phạm xâm phạm sở hữu là hành vi chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản, sử dụng trái phép tài sản, hủy hoại, làm hư hỏng, làm mất mát, làm lãng phí tài sản... Những hành vi nói trên xâm phạm đến quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt của chủ tài sản, làm cho chủ tài sản mất khả năng thực hiện các quyền năng của chủ sở hữu và hậu quả của những hành vi đó là tài sản bị mất mát, bị hư hỏng, bị hủy hoại, không còn giá trị sử dụng. Mặt khác, các hành vi khách quan trong các tội xâm phạm sở hữu còn có thể gây ra những thiệt hại về mặt tính mạng, sức khỏe và tinh thần cho người bị xâm phạm như hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản, bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, hành hung để tẩu thoát. Như vậy, hậu quả của hành vi phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu chính là những thiệt hại thực tế về tài sản và thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người bị xâm hại. Đây chính là điều kiện tiên quyết để áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng bởi mục đích của loại trách nhiệm này là khắc phục những thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra. *Thứ hai*, hành vi của người phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu chính là hành vi trái pháp luật, một trong những căn cứ quan trọng làm phát sinh trách

nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hành vi trái pháp luật trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng không phải chỉ là hành vi trái pháp luật dân sự (mặc dù quan hệ bồi thường là quan hệ pháp luật dân sự) mà còn là hành vi trái các quy định của các quy phạm pháp luật khác. Hành vi phạm tội là hành vi trái với quy định của pháp luật hình sự và nếu gây thiệt hại về vật chất và tinh thần thì đó là một trong những căn cứ làm phát sinh quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. *Thứ ba*, trong những vụ án xâm phạm sở hữu, hành vi phạm tội của người phạm tội và những hậu quả thiệt hại về tài sản và nhân thân thực tế xảy ra có mối quan hệ nhân quả với nhau. Tức là hành vi phạm tội là nguyên nhân dẫn đến hậu quả thiệt hại, thiệt hại thực tế xảy ra là kết quả tất yếu của hành vi phạm tội. *Thứ tư*, trong những vụ án xâm phạm sở hữu, lỗi của người thực hiện tội phạm được xác định hoặc là lỗi cố ý nếu như hành vi của họ cấu thành các tội cướp tài sản, công nhiên chiếm đoạt, cưỡng đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản... hoặc là lỗi vô ý nếu như hành vi của họ cấu thành các tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Dấu hiệu lỗi của người thực hiện hành vi phạm tội là căn cứ quan trọng để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời nó cũng là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của người thực hiện hành vi phạm tội đối với chủ thể bị thiệt hại về vật chất và tinh thần. Như vậy, trong những vụ án xâm phạm sở hữu, người phạm tội không chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự mà họ còn phải chịu trách nhiệm dân sự là bồi thường thiệt hại về vật chất, bù đắp những tổn thất về tinh thần do hành vi phạm tội của họ gây ra. Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu đồng thời phải tiến hành giải quyết việc bồi thường thiệt hại do hành vi của người thực hiện tội phạm gây ra. Đó là một phần nội dung của vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.

Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, tài sản là đối tượng tác động của tội phạm và đa số hành vi của người phạm tội có tính chất chiếm đoạt. Chiếm đoạt là hành vi cố ý dịch chuyển trái pháp luật tài sản thuộc sự quản lý của chủ tài sản

thành tài sản của mình [114, tr. 12]. Như vậy, về mặt thực tế, chiếm đoạt là quá trình làm cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý hợp pháp tài sản bị mất quyền sở hữu hoặc mất quyền chiếm hữu thực tế tài sản đồng thời tạo cho người chiếm đoạt tài sản đó thực hiện được quyền chiếm hữu tài sản trên thực tế. Việc chiếm hữu tài sản của người phạm tội là không có căn cứ pháp luật, hay nói một cách khác là bất hợp pháp. Vì vậy họ phải hoàn trả lại tài sản và những hoa lợi, lợi tức từ tài sản cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Đây cũng là một phần nội dung của vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu cần phải được giải quyết một cách kịp thời để bảo vệ lợi ích vật chất cho chủ thể bị xâm hại. Điều này đòi hỏi, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xác định những tài sản bị chiếm đoạt, xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, những lợi ích gia tăng từ tài sản trong thời gian người thực hiện phạm tội chiếm hữu tài sản. Từ đó làm cơ sở để buộc người phạm tội phải hoàn trả những tài sản đã chiếm đoạt và những lợi ích gia tăng từ tài sản bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần phải xác định rằng quan hệ hoàn trả tài sản là vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ phát sinh giữa người thực hiện hành vi phạm tội với chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý hợp pháp mà còn phát sinh chủ thể đang thực tế nắm giữ tài sản đó với chủ sở hữu tài sản hoặc chủ thể quản lý hợp pháp tài sản. Ví dụ, Nguyễn Văn A cướp giật dây chuyền của chị H sau đó tặng người yêu là chị T chiếc dây chuyền mà A đã chiếm đoạt, sau đó A bị bắt và khai nhận hành vi cũng như xác định chị T là người đang nắm giữ chiếc dây chuyền. Trường hợp này, chị T có trách nhiệm hoàn trả chiếc dây chuyền cho chị H. Chị T tham gia tố tụng với vai trò là người có nghĩa vụ liên quan, mà cụ thể là nghĩa vụ hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, để chứng minh tội phạm, xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành thu giữ tài sản, đồ vật. Nếu tài sản, đồ vật là vật chứng của vụ án thì việc hoàn trả theo quy định tố tụng về xử lý vật chứng. Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội,

vật mang dấu vết của tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội [73, tr 59]. Nếu tài sản, đồ vật bị thu giữ không phải là vật chứng thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Điều này đòi hỏi, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Ngoài ra, đối với một số tội như Cướp tài sản, Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Cường đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể kê biên tài sản. Việc kê biên tài sản cũng là căn cứ làm phát sinh một số quan hệ dân sự cần phải giải quyết trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo.

Tóm lại, giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu chủ yếu là việc các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và quan hệ hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp phát sinh do hành vi phạm tội và phát sinh trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự.

*- Giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu được bắt đầu sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự và được các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thực hiện trong các giai đoạn tố tụng hình sự*

Vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu phát sinh do hành vi của người phạm tội, cho nên đây là một nội dung của vụ án hình sự, vấn đề dân sự không còn là quan hệ pháp luật dân sự thuần túy mặc dù bản chất của nó là quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Vì vậy vấn đề dân sự chỉ được đặt ra và xem xét giải quyết sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là văn bản pháp lý tố tụng xác định có sự việc phạm tội, làm cơ sở để tiến hành các hoạt động điều tra [50, tr. 80]. Quyết định khởi tố vụ án hình sự làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng giữa cơ quan tiến hành tố tụng với những người tham gia tố tụng, đồng thời là cơ sở pháp lý đầu tiên để CQĐT tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để làm rõ nội dung, tình tiết của vụ án. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, xác định vấn

đề dân sự gắn liền với việc xác định người phạm tội và chứng minh hành vi phạm tội như việc xác định và chứng minh chủ thể thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản, sử dụng trái phép tài sản, hủy hoại tài sản, CQĐT phải xác định tài sản bị chiếm đoạt, bị hủy hoại, bị chiếm giữ, bị sử dụng trái phép, xác định giá trị tài sản. Như vậy, chỉ sau khi có quyết định khởi tố một vụ án xâm phạm sở hữu cụ thể, các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự mới được tiến hành và vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án đó mới được xem xét, giải quyết.

Ở một phương diện khác, chúng ta cần phải xác định rằng khi đã có quyết định khởi tố vụ án xâm phạm sở hữu, thì vấn đề dân sự trong vụ án đó đương nhiên phải được xem xét, giải quyết mà các đương sự không cần phải thực hiện thủ tục khởi kiện về dân sự. Đây chính là điểm khác biệt của việc xác định và bảo vệ quyền lợi dân sự của đương sự trong vụ án hình sự với việc xác định, bảo vệ quyền và lợi ích dân sự của đương sự trong vụ án dân sự. Trong vụ án dân sự, việc xác định và bảo vệ quyền lợi của đương sự được xem xét trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này có nghĩa rằng, các đương sự để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tất yếu phải thông qua thủ tục khởi kiện. Trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng, vấn đề dân sự sẽ được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, giải quyết ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự mà không cần phải có thủ tục khởi kiện dân sự và quyết định khởi tố vụ án hình sự được coi là cơ sở pháp lý để tiến hành giải quyết các vấn đề dân sự có liên quan. Điều này cũng dẫn đến một điểm khác biệt nữa là trong vụ án dân sự việc giải quyết quyền lợi dân sự của các bên chỉ thuộc thẩm quyền của TAND, còn việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, ngoài TAND còn có sự tham gia giải quyết của CQĐT, VKSND ở các giai đoạn tố tụng hình sự.

Về các giai đoạn tố tụng hình sự hiện nay trong khoa học pháp lý tố tụng hình sự có nhiều quan điểm khác nhau dựa trên những tiêu chí khác nhau. Nếu dựa vào tiêu chí bản chất pháp lý, vai trò của giai đoạn tố tụng và chủ thể tiến hành tố tụng thì quy trình tố tụng hình sự được phân chia thành năm giai đoạn:

giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, giai đoạn điều tra vụ án hình sự, giai đoạn truy tố vụ án hình sự, giai đoạn xét xử và giai đoạn thi hành án [37, tr. 2]. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, vấn đề dân sự được xem xét, giải quyết khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự có thể coi là thời điểm kết thúc giai đoạn khởi tố và chuyển sang giai đoạn điều tra vụ án. Bởi vì giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.[50, tr.73]. Mặt khác, trong giai đoạn thi hành án, việc giải quyết vấn đề dân sự thực chất là thực thi nội dung bản án, quyết định của Tòa về phần dân sự còn các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án đã được xác định và được các cơ quan tiến hành tố tụng ở các giai đoạn trước đưa ra cách thức, phương án giải quyết. Như vậy trong các vụ án xâm phạm sở hữu, chúng ta có thể xác định việc giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử vụ án, nội dung của việc giải quyết vấn đề dân sự phụ thuộc vào thẩm quyền của chủ thể tiến hành tố tụng ở giai đoạn đó và vai trò của giai đoạn tố tụng đó trong cả quá trình tố tụng.

Trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT được áp dụng mọi biện pháp mà BLTTHS quy định dưới sự kiểm sát của VKSND để thu thập, củng cố chứng cứ, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đồng thời bảo đảm cho việc hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. CQĐT phải chứng minh những vấn đề cơ bản của vụ án là người thực hiện hành vi phạm tội, hành vi và thủ đoạn thực hiện tội phạm, những tài sản bị chiếm đoạt và người bị hại trong vụ án.... Trong đó việc chứng minh tài sản bị chiếm đoạt cần phải làm rõ chủng loại, số lượng, giá trị tài sản, đặc điểm, nguồn gốc của tài sản bị chiếm đoạt, xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Đối với việc chứng minh bị hại cần phải làm rõ ai là bị hại, mức độ thiệt hại, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của người thực hiện tội phạm với thiệt hại thực tế xảy ra. Như vậy hoạt



động giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu của CQĐT trong giai đoạn này thể hiện ở chỗ:

*Thứ nhất*, CQĐT tiến hành những hoạt động như khám xét, tạm giữ, kê biên, thu giữ tài sản, trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của bị hại. Các hoạt động này vừa để chứng minh tội phạm vừa để tạo tiền đề, cơ sở cho việc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản, bồi thường thiệt hại cho bị hại.

*Thứ hai*, CQĐT tiến hành hoàn trả tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

Có quan điểm cho rằng việc trả lại tài sản không phải là vật chứng của CQĐT không phải là giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự vì việc hoàn trả là trách nhiệm của CQĐT trong quan hệ pháp luật tố tụng giữa CQĐT với chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản chứ không phải là quan hệ giữa người thực hiện hành vi phạm tội với bị hại, người chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Theo tác giả, quan điểm như vậy là chưa phù hợp, trong vụ án xâm phạm sở hữu, hành vi của người phạm tội xâm phạm vào quan hệ sở hữu làm cho chủ sở hữu mất khả năng thực hiện được quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản của mình. Đây là cơ sở phát sinh quan hệ pháp luật dân sự trong vụ án hình sự, trong đó chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản phải được trả lại tài sản bị chiếm đoạt. Trong quá trình điều tra vụ án, CQĐT phải tiến hành thu giữ, tạm giữ tài sản, nếu tài sản bị thu giữ là vật chứng thì việc hoàn trả là một phương thức xử lý vật chứng theo quy định của BLTTHS, nếu tài sản bị thu giữ, tạm giữ không phải là vật chứng thì đương nhiên làm phát sinh quan hệ hoàn trả tài sản. Như vậy, khi có căn cứ pháp luật, CQĐT trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng trong vụ án thì thực chất cũng là việc xử lý quan hệ pháp luật dân sự.

*Thứ ba*, trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT, cụ thể là Điều tra viên có thể hướng dẫn bị can chủ động, tự nguyện, sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội. Hoạt động này không phải là trách nhiệm tố tụng bắt buộc của Điều tra viên nhưng nó lại có ý nghĩa

quan trọng đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như xử lý trách nhiệm dân sự, có ý nghĩa tích cực đối với bị can cũng như đối với chủ thể bị thiệt hại. Đối với truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu bị can thực hiện việc sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội một cách tự nguyện thì đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với trách nhiệm dân sự trong vụ án thì đảm bảo cho việc bồi thường, bồi hoàn một cách kịp thời, đầy đủ, nhanh chóng. Mặt khác, việc giải quyết vấn đề dân sự trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo sẽ thuận lợi hơn.

Trong giai đoạn truy tố vụ án xâm phạm sở hữu, VKSND đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu của vụ án hình sự do CQĐT chuyển đến, trên cơ sở đó, ra quyết định truy tố bị can bằng bản cáo trạng; trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc là đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án. Thực tế việc giải quyết vấn đề dân sự ở giai đoạn này không trực tiếp giống như giai đoạn điều tra, tức là VKSND không trực tiếp giải quyết các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án mà chủ yếu là trên cơ sở thẩm quyền tố tụng của mình, VKSND xem xét nội dung về dân sự trong mối quan hệ hữu cơ với các nội dung khác của vụ án để thực hiện vai trò tố tụng của mình. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, có những vụ án mà phần dân sự có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Đối với những vụ án này, VKSND xem xét các chứng cứ chứng minh phần dân sự như những thiệt hại về tài sản và những thiệt hại khác do hành vi phạm tội gây ra, nếu thấy chưa đủ cơ sở, VKSND có thể trả hồ sơ và yêu cầu CQĐT điều tra bổ sung hoặc quyết định trưng cầu giám định để làm rõ những mức độ thiệt hại. Đối với các vụ án xâm phạm sở hữu, phần dân sự không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, không liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, VKSND sẽ xem xét các quyết định, các biện pháp liên quan đến tài sản mà CQĐT đã thực hiện trong giai đoạn điều tra có hợp pháp và cần thiết không, nếu thấy các quyết định, các biện pháp áp dụng liên quan đến tài sản không có căn cứ và trái pháp luật, VKSND ra quyết định hủy bỏ các quyết định của CQĐT để đảm bảo những quyền dân sự của chủ thể. Mặt khác, để bản cáo trạng thể

hiện tính toàn diện, đầy đủ cũng như đảm bảo hiệu quả trong việc chuẩn bị cho giai đoạn xét xử, VKSND trên cơ sở tài liệu từ CQĐT, xác định rõ tư cách các đương sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.

Trong giai đoạn xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, việc giải quyết vấn đề dân sự được TAND tiến hành từ khi chuẩn bị xét xử cho đến ra bản án, quyết định. Tất cả các vụ án xâm phạm sở hữu, phần dân sự đều liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm hoặc liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, khi nhận được hồ sơ vụ án cùng quyết định truy tố bị can của VKSND, TAND (cụ thể là Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa) phải kiểm tra, xem xét, phân tích, đánh giá những tài liệu, chứng cứ là căn cứ chứng minh phần dân sự như tổng số thiệt hại về tài sản, tỷ lệ thiệt hại về sức khỏe, thiệt hại về tính mạng và mối quan hệ nhân quả của những thiệt hại đó với hành vi phạm tội của người phạm tội. Nếu thấy chưa đủ căn cứ để xác định phần dân sự và xét thấy không thể bổ sung làm rõ được tại phiên tòa thì TAND trả hồ sơ cho VKSND để điều tra bổ sung, nếu thấy có thể bổ sung, làm rõ được tại phiên tòa, Tòa án có thể tiến hành những việc cần thiết trong thời hạn chuẩn bị xét xử để làm rõ phần dân sự như: yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, có thể triệu tập bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng để lấy lời khai hoặc các việc khác theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự...

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện nội dung của vụ án, trong vụ án xâm phạm sở hữu hành vi phạm tội và hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là những yếu tố mà Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm bởi đây là những yếu tố then chốt xác định trách nhiệm hình sự đồng thời là căn cứ để xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự phát sinh do hành vi phạm tội của vụ án. Vì vậy trong quá trình thẩm vấn, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, một yêu cầu đặt ra là Hội đồng xét xử sẽ xác định một cách khách quan và công khai những yếu tố dân sự trong vụ án. Mặt khác, Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự cũng như những thỏa thuận của

họ. Trên những cơ sở đó, Hội đồng xét xử sẽ đưa ra quyết định giải quyết các quan hệ dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu trong nội dung bản án của mình như xác định chủ thể và mức bồi thường thiệt hại, yêu cầu hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản, mức bù đắp những tổn thất về mặt tinh thần cho người bị thiệt hại ...

Tóm lại, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là hoạt động tố tụng bắt buộc bởi vì những yếu tố dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu có liên quan trực tiếp đến việc xác định cấu thành tội phạm hoặc liên quan trực tiếp đến xác định tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong các giai đoạn tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng với chức năng, thẩm quyền và vai trò tố tụng của mình phải thực hiện các hoạt động nhằm xác định và làm rõ phần dân sự trong vụ án. Vì vậy việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu được bắt đầu khi có quyết định khởi tố vụ án và được tiến hành ở tất cả các giai đoạn tố tụng.

*- Thủ tục giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu là thủ tục được quy định trong BLTTHS*

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng thực chất là các quan hệ pháp luật dân sự, nhưng điều đặc biệt là các quan hệ pháp luật dân sự này không phát sinh trong đời sống dân sự thông thường trên cơ sở tự do, tự nguyện, thiện chí, bình đẳng của các bên mà được phát sinh do hành vi phạm tội. Vì vậy nó không chỉ thuần túy là các quan hệ dân sự mà còn là một phần nội dung quan trọng của vụ án mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải giải quyết. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, vấn đề dân sự còn là căn cứ quan trọng cho việc xác định cấu thành tội phạm, quyết định hình phạt cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Vì vậy, khi xem xét, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, về nội dung phải dựa trên các quy định của BLDS để xác định rõ quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên chủ thể nhưng về hình thức phải tuân theo trình tự, thủ tục cũng như tư cách chủ thể được quy định trong BLTTHS.

Trình tự, thủ tục giải quyết vấn đề dân sự được BLTTHS quy định nằm trong tổng thể trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự, gắn liền với các hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong từng giai đoạn tố tụng hình sự.

Khác với trình tự giải quyết trong tố tụng dân sự, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng không bắt đầu bằng việc khởi kiện của nguyên đơn mà bắt đầu bằng quyết định khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự không chỉ là văn bản tố tụng đánh dấu sự khởi đầu chính thức của tiến trình tố tụng đối với vụ án hình sự cụ thể mà còn là cơ sở pháp lý cho việc giải quyết vấn đề dân sự. Sau khi có quyết định khởi tố vụ án, CQĐT phải xác định rõ đối tượng chứng minh, chủ thể bị thiệt hại do hành vi phạm tội, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, triệu tập và lấy lời khai của họ để làm rõ vấn đề dân sự. Mặt khác, sau khi có quyết định khởi tố vụ án, bị hại, nguyên đơn dân sự được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và tham gia vào quá trình tố tụng hình sự để được bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình. Đây cũng là một trong những căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng xác định phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án.

Quá trình chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự cũng khác biệt so với trình tự của tố tụng dân sự. Trong tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh những lợi ích dân sự bị xâm phạm thuộc về các đương sự, cụ thể là nguyên đơn dân sự chứng minh những hành vi của bị đơn gây thiệt hại cho mình, chứng minh tính hợp pháp và có căn cứ của những yêu cầu mà mình đưa ra, bị đơn có thể chứng minh tính không có căn cứ, không hợp pháp các yêu cầu của nguyên đơn. Còn khi giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình TTHS, việc chứng minh phần dân sự liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự là nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Điều 15 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trong phạm vi quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”. Như vậy, cơ quan tiến hành tố tụng phải thu thập chứng

cứ để chứng minh tội phạm mà cụ thể là chứng minh hành vi phạm tội, người phạm tội, lỗi của người phạm tội, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra và thực chất những đối tượng chứng minh nói trên cũng là những đối tượng chứng minh của yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu hoàn trả tài sản, cũng là cơ sở để xác định trách nhiệm dân sự phát sinh trong vụ án hình sự. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, các vấn đề dân sự như thiệt hại về tài sản là yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định cấu thành tội phạm như các vụ án công nhiên chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hủy hoại tài sản... hoặc là liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo.

Trong quá trình xét xử, việc giải quyết vấn đề dân sự cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục tố tụng của phiên tòa hình sự. Bởi vì bản chất của việc xét xử vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là xét xử vụ án hình sự, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì Hội đồng xét xử giải quyết cả vấn đề dân sự phát sinh do tội phạm gây ra. Như vậy việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng cũng được thực hiện trong trình tự: Bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Trong trình tự bắt đầu phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét sự có mặt của những người tham gia tố tụng trong đó có bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sự có mặt của họ có vai trò quan trọng trong việc xác định toàn diện các tình tiết của vụ án. Đối với những vụ án mà vấn đề dân sự trong vụ án là một trong những yếu tố xác định tội danh hoặc là yếu tố định khung hình phạt đối với bị cáo thì nó là một phần không thể tách rời khỏi vụ án hình sự và phải được giải quyết đồng thời với vụ án hình sự. Trong trường hợp này lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa rất quan trọng đối với việc giải quyết phân trách nhiệm hình sự của vụ án, đồng thời cũng là cơ sở để giải quyết phân trách nhiệm dân sự, vì vậy sự có mặt của họ là bắt buộc, nếu họ vắng mặt Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên tòa.

Khi tiến hành xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử hỏi bị cáo, về những tình tiết của vụ án, trong đó có những tình tiết xác định hậu quả thiệt hại, hỏi bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ về những tình tiết liên quan đến họ, đặc biệt là những tình tiết về thiệt hại, về tài sản bị chiếm đoạt, bị hư hỏng, bị chiếm giữ trái phép. Trong quá trình tranh luận tại phiên tòa, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền phát biểu ý kiến tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Như vậy việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện theo trình tự, thủ tục mà BLTTHS quy định chứ không phải là trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, bên cạnh việc áp dụng các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn có thể áp dụng một số nguyên tắc của BLTTDS để giải quyết như nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đương sự, nguyên tắc bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự, nguyên tắc hòa giải.v.v..

### *2.2. 2. Phạm vi vấn đề dân sự phải giải quyết trong vụ án xâm phạm sở hữu*

Cũng giống như các vụ án hình sự khác, phạm vi vấn đề dân sự bao gồm các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án, đó là quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quan hệ hoàn trả tài sản, các quan hệ nghĩa vụ dân sự khác như nghĩa vụ sửa chữa tài sản bị làm hư hỏng, nghĩa vụ công khai xin lỗi bị hại. Vì vậy giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là giải quyết bồi thường thiệt hại cho bị hại, giải quyết việc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản, buộc người gây hư hỏng tài sản phải sửa chữa khôi phục tình trạng ban đầu, buộc phải xin lỗi công khai. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nghĩa vụ sửa chữa tài sản có thể được thực hiện trong quan hệ hoàn trả tài sản hoặc trong quan hệ bồi thường. Bởi vì trước khi hoàn trả tài sản người gây hư hỏng thường phải sửa chữa khôi phục lại tình trạng sử dụng ban đầu, nếu không sửa chữa thì phải bồi thường chi phí sửa chữa. Mặt khác, các tội phạm xâm phạm sở hữu, hành vi của người phạm tội chủ yếu gây thiệt hại về tài sản, ít gây thiệt hại về tinh thần cho bị hại. Chính vì vậy, tác giả xác định rằng vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu chủ yếu là bồi thường thiệt hại và hoàn trả

tài sản. Mặt khác, để giải quyết đúng đắn, đầy đủ việc bồi thường và hoàn trả tài sản, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định đúng tư cách chủ thể là bị hại, đương sự và đồng thời áp dụng các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, hoàn trả tài sản.

*- Xác định đúng tư cách chủ thể của bị hại, đương sự tham gia tố tụng trong vụ án xâm phạm sở hữu*

Bảo vệ lợi ích của bị hại, các đương sự trong vụ án hình sự là một trong những định hướng quan trọng trong cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng hình sự của nước ta hiện nay. Trong các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, người phạm tội thực hiện hành vi xâm phạm và gây thiệt hại đến tài sản, thậm chí là tính mạng, sức khỏe, tự do của người khác. Vì vậy, khi một vụ án hình sự xâm phạm sở hữu xảy ra thì thực tế không chỉ làm phát sinh trách nhiệm hình sự mà còn làm phát sinh cả trách nhiệm dân sự đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết mới bảo đảm tính chất kịp thời, đầy đủ, khách quan và toàn diện của quá trình giải quyết vụ án. Việc giải quyết trách nhiệm dân sự thực chất là việc các Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, Người tiến hành tố tụng phải xử lý các quan hệ dân sự phát sinh từ vụ án hình sự, từ hành vi thực hiện tội phạm của người phạm tội nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của các chủ thể trong các quan hệ dân sự đó. Để giải quyết đúng đắn vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, việc xác định đúng tư cách chủ thể của bị hại, các đương sự khác là rất quan trọng, là tiền đề để áp dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của họ.

*- Giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra trong vụ án xâm phạm sở hữu*

Trong các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, người phạm tội bao giờ cũng có hành vi xâm hại tới tài sản (đối tượng của quan hệ sở hữu). Bên cạnh đó hành vi của người thực hiện tội phạm có thể xâm hại đến tính mạng, sức khỏe (hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, hành vi hành hung để tẩu thoát), xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người (hành vi bắt cóc để tống tiền), thậm chí cũng có thể gây thiệt hại đến uy tín của cá nhân hoặc tổ chức (sử dụng



đanh nghĩa của các cá nhân, tổ chức để thực hiện hành vi lừa đảo). Như vậy, hành vi của người phạm tội gây ra thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, thậm chí cả thiệt hại về uy tín của cá nhân, tổ chức khác. Đây là cơ sở phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại giữa người phạm tội với chủ thể bị thiệt hại và là loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là loại trách nhiệm dân sự theo đó chủ thể có hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và những lợi ích khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án xâm phạm sở hữu đương nhiên là vấn đề dân sự cần phải giải quyết của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Cũng như các vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khác, việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án xâm phạm sở hữu cũng phải căn cứ vào các yếu tố: Hành vi trái pháp luật; Hậu quả thiệt hại xảy ra; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả thiệt hại; lỗi của chủ thể gây thiệt hại [38, tr.417]. Tuy nhiên trong vụ án xâm phạm sở hữu, hành vi trái pháp luật chính là hành vi phạm tội của chủ thể thực hiện tội phạm, người phạm tội có lỗi (có tội là cố ý, có tội là lỗi vô ý), vì vậy vấn đề mấu chốt trong giải quyết bồi thường thiệt hại là xác định được thiệt hại, chủ thể bị thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với thiệt hại thực tế xảy ra. Để xác định mức thiệt hại cụ thể, pháp luật dân sự quy định các cách thức xác định cho từng loại thiệt hại cụ thể.

Đối với thiệt hại về tài sản, hành vi phạm tội có thể gây ra thiệt hại một cách trực tiếp hoặc thiệt hại gián tiếp. Những thiệt hại trực tiếp về tài sản được xác định là tài sản bị mất mát, tài sản bị hủy hoại (mức độ thiệt hại chính là giá trị tài sản bị mất mát, bị hủy hoại) tài sản bị hư hỏng (mức độ thiệt hại là phần giá trị tài sản bị giảm sút), những thiệt hại gián tiếp về tài sản được xác định là những lợi ích từ việc sử dụng tài sản mà người chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đã không thụ hưởng được do hành vi của người phạm tội, những chi phí để ngăn chặn thiệt hại, những chi phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra.

Đối với thiệt hại về tính mạng, mức bồi thường được căn cứ trên cơ sở các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc cho người bị hại trước khi chết, thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị, các chi phí hợp lý cho việc mai táng, khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm hại [98, tr.6]

Đối với thiệt hại về sức khỏe, mức bồi thường căn cứ trên tổng số các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, các chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm; [98, tr.4]

Những thiệt hại về danh dự, nhân phẩm uy tín bị hành vi phạm tội xâm hại được xác định trên cơ sở những chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại (ví dụ những chi phí cho việc cải chính thông tin mà người phạm tội đưa tin không đúng sự thật trong vụ án lừa đảo ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân, tổ chức); những khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút do uy tín, danh dự bị xâm phạm; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm.

Về mặt nguyên tắc, những thiệt hại do hành vi phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu gây ra đều phải được Cơ quan tiến hành tố tụng xác định và chứng minh vì đây là yếu tố liên quan đến xác định tội danh hoặc xác định khung hình phạt. Tuy nhiên, thực chất việc xác định và chứng minh thiệt hại để phục vụ việc truy cứu trách nhiệm hình sự có mức độ khác so với xác định và chứng minh thiệt hại phục vụ việc giải quyết bồi thường thiệt hại. Chẳng hạn, việc xác định và chứng minh hậu quả thương tích của nạn nhân do hành vi dùng vũ lực của người phạm tội cướp tài sản nhằm để định khung hình phạt ở khoản 1, khoản 2, khoản 3 hoặc khoản 4 thì Cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xác định và chứng minh về số lượng người bị thương tích và tỷ lệ tổn thương trên cơ thể của nạn nhân. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở mức độ chứng minh và xác định hậu quả

như vậy thì không đủ cơ sở để giải quyết bồi thường thiệt hại cho nạn nhân. Vì vậy vấn đề giải quyết bồi thường không chỉ đơn thuần là dựa vào sự chứng minh hậu quả thiệt hại mang tính chất xác định mức độ để phục vụ việc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài việc xác định thiệt hại, để giải quyết việc bồi thường thiệt hại, các Cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được chủ thể bị thiệt hại và chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu với hậu quả thiệt hại thực tế xảy ra. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, những chủ thể bị thiệt hại là bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan. Bị hại là chủ thể đương nhiên tham gia tố tụng, tư cách chủ thể của họ được mặc nhiên thừa nhận khi có quyết định khởi tố vụ án mà họ không cần phải có bất kỳ hành vi tố tụng nào. Đối với nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan đến vụ án lại khác, tư cách chủ thể của họ không phải mặc nhiên được thừa nhận mà phải thông qua hành vi tố tụng của họ và của Cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác để xác định trách nhiệm bồi thường của bị can, bị cáo, Cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả thiệt hại thực tế xảy ra, nếu không có mối quan hệ nhân quả thì bị can, bị cáo không phải bồi thường. Sự thiệt hại đó do chủ thể khác gây ra và có thể giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự độc lập.

*- Giải quyết việc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu*

Hoàn trả tài sản là quan hệ nghĩa vụ dân sự, theo đó người chiếm hữu, sử dụng tài sản mà không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp (người quản lý hợp pháp tài sản), người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả khoản lợi đó cho chủ sở hữu tài sản hoặc người có quyền được hưởng khoản lợi đó.

Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, loại trừ các tội Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178); Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179); Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180), các tội còn lại đều có tính chất

chiếm đoạt tài sản hoặc có tính chất chiếm giữ để được lợi về tài sản. Điều này thể hiện thông qua hành vi khách quan của tội phạm và mục đích của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Bản chất việc chiếm hữu thực tế tài sản và được lợi về tài sản của người phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu là bất hợp pháp (chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật), những người không phải là chủ thể thực hiện hành vi phạm tội nhưng thực tế đang chiếm hữu tài sản thông qua giao dịch dân sự trực tiếp với người thực hiện hành vi phạm tội hoặc thông qua các giao dịch phát sinh, giao dịch của họ là giao dịch vô hiệu nên việc chiếm hữu tài sản cũng là không có căn cứ pháp luật. Như vậy, vấn đề dân sự phát sinh đầu tiên trong giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu là việc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

Tài sản phải hoàn trả trong vụ án xâm phạm sở hữu là tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, sử dụng trái phép, phần giá trị tài sản gia tăng từ việc khai thác, sử dụng tài sản chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, những tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án. Trong vụ án xâm phạm sở hữu, việc hoàn trả có thể do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong trường hợp thu giữ, tạm giữ tài sản không phải là vật chứng hoặc trường hợp người phạm tội hoặc các đương sự khác tự nguyện giao nộp tài sản để trả lại cho chủ sở hữu. Ngoài ra, việc hoàn trả tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu cũng có thể do các đương sự trong vụ án trực tiếp tiến hành hoàn trả cho nhau nếu điều này không ảnh hưởng đến tính đúng đắn, khách quan trong giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng. Chẳng hạn như việc chủ thể được lợi về tài sản chủ động hoàn trả tài sản là phần lợi ích gia tăng từ việc khai thác, sử dụng tài sản (hoa lợi, lợi tức) một cách tự nguyện và không có tranh chấp hoặc trong trường hợp tài sản bị chiếm đoạt đã mất, người phạm tội hoặc người đại diện của họ đã hoàn trả cho người bị hại bằng một tài sản là vật cùng loại khác hoặc trường hợp người phạm tội hoàn trả khoản tiền cho người đã mua tài sản họ phạm tội mà có sau khi tài sản đó bị thu hồi để trả cho chủ sở hữu.

Để thực hiện việc hoàn trả tài sản, điều kiện tiên quyết là xác định về chủng loại và giá trị của tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, xác định được chủ thể

có hành vi chiếm đoạt, xác định chủ thể đang chiếm hữu thực tế tài sản, xác định chủ thể là chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Như vậy, việc hoàn trả tài sản là vấn đề dân sự gắn liền với việc giải quyết vụ án hình sự xâm phạm sở hữu, cụ thể nó phải dựa trên cơ sở là kết quả của việc chứng minh người thực hiện hành vi chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, tài sản bị chiếm đoạt, giá trị tài sản bị chiếm đoạt, chủ thể là người chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

Bên cạnh hoàn trả tài sản, việc khắc phục, sửa chữa tài sản bị hư hỏng trong vụ án xâm phạm sở hữu cũng là một vấn đề dân sự được đặt ra, trong các tội phạm xâm phạm sở hữu, có một số tội không có tính chất chiếm đoạt mà có tính chất làm hư hỏng tài sản, làm cho tài sản không khai thác được tính năng, tác dụng chính hoặc làm giảm giá trị sử dụng của tài sản (Tội sử dụng trái phép tài sản; Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản...). Ngoài ra, những tội có tính chất chiếm đoạt, hành vi của người phạm tội cũng có thể làm hư hỏng tài sản, làm cho tài sản bị thất thoát bộ phận dẫn đến giá trị sử dụng giảm sút không như tình trạng khi tài sản chưa bị chiếm đoạt. Đối với những hậu quả thiệt hại ở dạng này, trách nhiệm của người có hành vi gây ra buộc phải thực hiện nghĩa vụ sửa chữa những hư hỏng của tài sản, khắc phục những khiếm khuyết của tài sản, khôi phục lại tình trạng bình thường, bảo đảm giá trị sử dụng như trước khi có hành vi phạm tội xảy ra và phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa khắc phục tài sản bị hư hỏng. Đây chính là một nội dung của trách nhiệm dân sự có thể phát sinh trong các vụ án xâm phạm sở hữu. Việc khắc phục, sửa chữa tài sản bị hư hỏng xuất phát từ yêu cầu của bị hại hoặc nguyên đơn dân sự, cơ sở của việc giải quyết yêu cầu này là chứng minh những hư hỏng thực tế của tài sản so với trước khi tài sản bị xâm phạm và những hư hỏng thực tế đó là do hành vi phạm tội gây ra. Để đánh giá được tài sản đã được sửa chữa, khắc phục hay chưa cần phải xác định tài sản đã cơ bản được khôi phục như tình trạng trước khi hành vi phạm tội xâm phạm đến tài sản, những tính năng, tác dụng chính của tài sản vẫn được bảo đảm.

Như vậy, bên cạnh yêu cầu bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản và yêu cầu buộc phải sửa chữa, khắc phục tài sản bị hư hỏng do hành vi phạm tội gây ra

cũng là một vấn đề dân sự mà Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải giải quyết trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu.

*- Bảo đảm việc bồi thường, hoàn trả tài sản trong giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu*

Để bảo đảm giải quyết bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản, hoàn trả chi phí, khắc phục những hậu quả thiệt hại, các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét, áp dụng các biện pháp bảo đảm thực hiện như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản.

Kê biên tài sản là một biện pháp cưỡng chế được luật tố tụng quy định nhằm bảo đảm việc thi hành án, trong thời gian kê biên tài sản chủ thể bị áp dụng biện pháp này sẽ bị hạn chế về các quyền tài sản. Trong bản án của các vụ án xâm phạm sở hữu luôn có phần dân sự, việc kê biên tài sản của cơ quan tiến hành tố tụng chính là nhằm mục đích bảo đảm thi hành phần dân sự trong bản án.

Phong tỏa tài sản là một biện pháp cưỡng chế tài chính, theo đó cơ quan chức năng phối hợp với Kho bạc nhà nước, Tổ chức tín dụng mà chủ thể có tài khoản để kê biên số tiền trong tài khoản và chấm dứt toàn bộ hoặc một phần giao dịch từ tài khoản đó nhằm bảo đảm xử lý vụ việc có liên quan đến tài sản của chủ tài khoản. Có thể nói phong tỏa tài khoản là một biện pháp kê biên và tạm giữ tài sản đặc biệt, tài sản bị kê biên ở đây là số tiền trong tài khoản chứ không phải là các loại tài sản khác như vật, giấy tờ có giá. Chủ thể tạm giữ tài sản không phải là cơ quan tiến hành tố tụng mà là tổ chức tín dụng hoặc kho bạc quản lý tài khoản của người bị phong tỏa. Quy định về phong tỏa tài khoản trong tố tụng hình sự là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thi hành các bản án có hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản, bảo đảm việc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Như vậy kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản là một tiền đề quan trọng của việc giải quyết bồi hoàn, bồi thường. Cho nên, nếu nhìn nhận trong một phạm vi bao quát hơn, việc thực hiện biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản cũng là một phần trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng là rất phức tạp, nó liên quan đến nhiều quy định của các ngành luật khác nhau, phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự cũng có thể được nhìn nhận, tiếp cận ở nhiều phương diện khác nhau, vì thế dễ dẫn đến cách hiểu và quan niệm khác nhau. Từ đó dẫn đến việc áp dụng pháp luật trên thực tế vào giải quyết vấn đề dân sự không thống nhất, thậm chí có sai sót. Thực tế đó đòi hỏi phải có sự nhận thức thống nhất, xuyên suốt cả về lý luận cũng như cơ sở pháp lý cụ thể về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Lý luận chung về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu bắt đầu từ nền tảng cốt lõi là bản chất, phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Bản chất và phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải được thể hiện trong nội hàm khái niệm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Với cách nhìn nhận bao quát, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được hiểu là những quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản phát sinh trực tiếp từ hành vi phạm tội cần phải được xác định và làm sáng tỏ để giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn, khách quan, toàn diện, bảo vệ những lợi ích chính đáng, hợp pháp của bị hại và các chủ thể có liên quan trong vụ án hình sự. Trên cơ sở đó xây dựng và nhìn nhận vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, nhận thức đúng mối quan hệ nội tại giữa trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong cùng một vụ án hình sự, làm rõ những đặc điểm của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, xác định phạm vi quan hệ dân sự cụ thể phát sinh từ hành vi phạm tội trong vụ án xâm phạm sở hữu. Hiểu rõ mối quan hệ giữa trách nhiệm dân sự với trách nhiệm hình sự, đặc điểm của giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là tiền đề lý luận quan trọng để xác định rõ vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với giải quyết vấn đề dân sự ở từng giai đoạn tố tụng hình sự khác nhau.

Những vấn đề lý luận về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ là vấn đề bản chất và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề dân sự cùng với sự giải quyết trách nhiệm hình sự trong vụ án

mà còn là vấn đề làm rõ mối quan hệ giữa việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế, việc xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến lợi ích dân sự trong vụ án với việc giải quyết việc bồi thường thiệt hại, việc hoàn trả tài sản. Nếu nhìn nhận một cách tổng thể, trong một quá trình giải quyết vụ án, có thể coi việc xác định tư cách chủ thể, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế có tính chất bảo đảm thi hành án về phần dân sự là một bộ phận của quá trình giải quyết vấn đề dân sự. Từ cách nhìn nhận mang tính lý luận này, việc giải quyết vấn đề dân sự mới thực sự có hiệu quả trên thực tiễn.



**Chương 3**  
**PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP**  
**DỤNG TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ**  
**CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU**

**3.1. Pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu**

**3.1.1. Nguyên tắc tố tụng giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu**

*3.1.1.1. Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*

Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự lần đầu tiên được quy định tại Điều 28 BLTTHS năm 2003, trong BLTTHS năm 2015, nguyên tắc này được giữ nguyên tại Điều 30: “*Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự*”. Theo quy định này, nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có hai nội dung:

*Thứ nhất:* vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự phải được xem xét giải quyết cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Nói chính xác hơn là trách nhiệm dân sự phát sinh trong vụ án hình sự phải được giải quyết đồng thời cùng với việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là xu hướng được thể hiện trong quy định của BLTTHS nhiều nước trên thế giới, điển hình như BLTTHS của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1979, sửa đổi năm 2012 quy định về kiện dân sự trong vụ án hình sự tại Chương VII, phần một, trong đó Điều 77 và Điều 78 ghi rõ: “*Nếu người bị thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo thì có quyền nộp đơn kiện dân sự trong quá trình tố tụng hình sự; Nếu gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, tập thể thì khi khởi tố vụ án, Viện kiểm sát nhân dân có thể khởi tố vụ kiện dân sự*” và “*việc kiện dân sự phải tiến hành xét xử đồng thời với vụ án hình sự*” [124]; Bộ luật TTHS của Cộng hòa Pháp năm 2000 quy định

ngay Thiên mở đầu là quyền công tố và kiện dân sự, trong đó Điều 3 của Thiên mở đầu quy định: *“Quyền kiện dân sự có thể thực hiện đồng thời với việc thực hiện truy tố và cùng tòa án. Cho phép bất kỳ nguyên nhân từ việc thiệt hại nào, kể cả vật chất, sức khỏe hay tinh thần nảy sinh từ hành vi bị truy tố”* [48]; Bộ luật TTHS của Cộng hòa liên bang Đức năm 1987, sửa đổi năm 2014 quy định tại chương III, phần 5 về bồi thường cho bị hại, trong đó Điều 403 quy định: *“Trong quá trình tố tụng, người bị hại hoặc người thừa kế của người bị hại có thể khiếu nại về mặt tài sản đối với bị cáo đã phạm tội hình sự nếu như việc khiếu nại đó thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tài phán và không được giải quyết bởi một tòa án khác”* Điều 404 xác định quyền đưa ra yêu cầu dân sự của bị hại, theo đó bị hại có quyền đưa ra yêu cầu để Tòa án bảo vệ quyền lợi dân sự của họ, quyền yêu cầu của bị hại sẽ có hiệu lực tương tự như đưa một hành vi ra khỏi kiện dân sự. [122]; Bộ luật TTHS Cộng hòa liên bang Nga năm 2001, sửa đổi năm 2006 không quy định giải quyết vấn đề dân sự mang tính nguyên tắc, nhưng trong các quy định về địa vị pháp lý của bị hại, nguyên đơn dân sự tại Điều 42 và Điều 44 đều xác định một trong các quyền cơ bản của bị hại, nguyên đơn dân sự là được bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, mức bồi thường do Tòa án xét xử hình sự quyết định. [121] Như vậy vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự cũng được BLTTHS của nhiều nước quan tâm, xác định là một nội dung của vụ án hình sự. Tuy có thống nhất về sự cần thiết phải giải quyết song song trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự trong tiến trình giải quyết vụ án hình sự, nhưng có sự khác nhau về phạm vi vấn đề dân sự và thủ tục giải quyết vấn đề dân sự. Điều này là hiển nhiên bởi quan điểm của các Nhà nước khác nhau và trường phái xây dựng pháp luật của các nước cũng khác nhau.

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự cũng có nghĩa rằng chủ thể có thẩm quyền giải quyết là các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng, thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng hình sự và được tiến hành trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự là điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Với nội dung giải quyết vấn đề dân sự trong các giai đoạn tố tụng hình sự đòi hỏi pháp luật TTHS phải có những quy định cụ thể về các chủ thể có quyền và nghĩa vụ đối

với vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, đó là: bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, bị can, bị cáo. Trong đó bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết bồi thường thiệt hại, giải quyết hoàn trả tài sản hoặc bảo vệ các lợi ích dân sự khác cùng với quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Có thể nói với yêu cầu này của nguyên tắc, BLTTHS năm 2015 đã triển khai đầy đủ qua các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của bị hại và các đương sự trong phần các chủ thể tham gia tố tụng. Nội dung vấn đề dân sự phải được giải quyết cùng với việc truy cứu trách nhiệm hình sự cũng đòi hỏi pháp luật TTHS phải quy định rõ chức năng và thẩm quyền, phạm vi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự của CQĐT, VKSND, TAND. Thực tế chỉ thấy vai trò của TAND trong giải quyết vấn đề dân sự được thể hiện trong quy định của BLTTHS, còn đối với CQĐT, VKSND chưa được thể hiện một cách rõ nét. Đây có lẽ cũng là một hạn chế dẫn đến tâm lý cho rằng giải quyết vấn đề dân sự là trách nhiệm của TAND và thực tế CQĐT cũng chưa thể hiện hết vai trò của mình trong giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự.

Để thực hiện đúng được nội dung thứ nhất của nguyên tắc, nhiệm vụ trước tiên của các cơ quan tiến hành tố tụng là xác định đúng phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Thực tế cho thấy, do không xác định đúng phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự dẫn đến hệ quả là nhiều vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng xác định cả vấn đề dân sự (những khoản tiền, tài sản trong quan hệ vay, mượn, mua bán giữa bị cáo và người bị hại, nguyên đơn dân sự...) không liên quan đến hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự để xem xét giải quyết và ngược lại có những vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự không được xem xét giải quyết đồng thời với việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Cả hai khuynh hướng này đều vi phạm nguyên tắc và dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Hiện nay chưa có một quy định nào trong pháp luật TTHS quy định về phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, thực tế các giải quyết nội dung dân sự trong các vụ án hình sự, các Tòa án dựa trên Công văn 121 của Tòa án nhân dân tối cao ngày 19/9/2003, hướng dẫn về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi

thường thiệt hại trong vụ án hình sự, trong đó có hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp xác định vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bao gồm việc đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, đòi bồi thường thiệt hại về tài sản và những thiệt hại khác, buộc sửa chữa tài sản bị hư hỏng. Tuy nhiên, Công văn 121 không còn phù hợp cả về hình thức và nội dung nên một quy định cụ thể dưới hình thức văn bản dưới luật xác định phạm vi vấn đề dân sự là cần thiết hiện nay.

*Thứ hai*, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có thể được tách để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc tách chỉ được thực hiện khi có căn cứ mà nguyên tắc đã đưa ra. Đó là phần dân sự “*chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự*”. Với nội dung thứ hai của nguyên tắc một đòi hỏi đặt ra là thế nào là chưa có điều kiện chứng minh và phần dân sự nào ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự, phần dân sự nào không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự.

- Phần dân sự chưa có điều kiện để chứng minh là những quan hệ pháp luật dân sự phát sinh trong vụ án hình sự mà cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã xác định được nhưng chưa thể làm sáng tỏ các yếu tố cần thiết để giải quyết việc hoàn trả tài sản, việc bồi thường thiệt hại. Cụ thể là:

+ Chưa xác định được bị hại hoặc nguyên đơn dân sự. Thực tế trong nhiều vụ án xâm phạm sở hữu, các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định được những tài sản bị chiếm đoạt, những thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra nhưng chưa xác định được ai là chủ sở hữu tài sản để hoàn trả tài sản, chưa xác định được ai là bị hại để hướng dẫn họ yêu cầu bồi thường. Trong trường hợp này vấn đề dân sự không thể giải quyết được vì chưa chứng minh được chủ thể trong quan hệ bồi thường, hoàn trả tài sản.

+ Bị hại hoặc nguyên đơn dân sự có yêu cầu nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của họ. Mặc dù, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không thuần túy là một vụ việc dân sự được pháp luật dân sự điều chỉnh, tuy nhiên việc giải quyết vấn đề dân sự, cụ thể là giải quyết yêu cầu được hoàn trả tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự vẫn phải tuân thủ quy định của BLDS và BLTTDS, theo đó các đương sự phải

cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại hoặc hoàn trả lại tài sản. Chẳng hạn bị hại yêu cầu bị can, bị cáo, bị đơn dân sự phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe thì họ phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút như hóa đơn thanh toán viện phí, hóa đơn thanh toán đơn thuốc, hóa đơn thanh toán các xét nghiệm chuẩn đoán, bảng lương hoặc hợp đồng lao động trước khi bị xâm phạm về sức khỏe, giấy tờ xác nhận thu nhập của họ sau khi bị xâm phạm.v.v...Nếu như bị hại không đưa ra đầy đủ các tài liệu nói trên, cơ quan tiến hành tố tụng không thể giải quyết được vấn đề dân sự mà họ yêu cầu và đây cũng là trường hợp vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chưa có điều kiện để chứng minh.

+ Bị hại và nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Về mặt nguyên tắc, nếu vấn đề dân sự đó không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, tức là chỉ giải quyết vấn đề dân sự khi người bị hại, nguyên đơn dân sự yêu cầu. Trường hợp bị hại, nguyên đơn dân sự chưa có yêu cầu giải quyết thì cũng không có cơ sở pháp lý để tiến hành chứng minh, vì vậy đây cũng được coi là trường hợp phần dân sự chưa có điều kiện để chứng minh.

Ngoài các trường hợp trên, việc người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa mà việc vắng mặt của họ thật sự gây trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự cũng được coi là trường hợp không có điều kiện để chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự.

- Phần dân sự ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự là phần dân sự có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm; liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo [95].

Khi một vụ án hình sự xảy ra, để xác định tội danh cần phải xác định hành vi của chủ thể thỏa mãn cấu thành tội phạm của tội nào. Trong BLHS, có nhiều tội mà cấu thành cơ bản đòi hỏi phải xác định rõ cả hành vi và hậu quả thiệt hại về tài sản của hành vi đó. Ví dụ tại Khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 quy

định: “Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, tài sản là di vật, cổ hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa hoặc tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...” Như vậy, trong cấu thành xác định rõ hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản nếu không thuộc các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, tài sản bị xâm phạm không phải là phương tiện kiếm sống chính, không thuộc trường hợp đã bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án về tội này thì hành vi phải gây ra thiệt hại về tài sản ở mức độ nhất định (2 triệu đồng). Đây là phân dân sự liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm.

Phân dân sự liên quan đến việc xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thực chất là hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thỏa mãn cấu thành tăng nặng hoặc cấu thành giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (dấu hiệu định khung).

- Vấn đề dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự là phân dân sự không có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo.

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS nên những nội dung của nguyên tắc thể hiện tư tưởng chỉ đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước là đồng thời giải quyết trách nhiệm dân sự cùng với trách nhiệm hình sự trong vụ án hình sự, chỉ được tách để giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự khi không có cơ sở để giải quyết ngay trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Với tính chất là nguyên tắc cơ bản của BLTTHS nên tư tưởng và định hướng nói trên chi phối toàn bộ quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và cả thi hành án. Vì vậy các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài việc chứng minh, giải quyết phần trách nhiệm hình sự còn phải chứng minh và giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án một cách khách quan, toàn diện, chính xác, bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và các đương sự tham gia tố tụng hình sự.

### *3.1.1.2. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án*

Quá trình giải quyết vụ án hình sự thông qua các giai đoạn tố tụng khác nhau, mỗi một giai đoạn tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng với chức năng, thẩm quyền, nhiệm vụ của mình luôn xác định một mục tiêu trọng tâm cụ thể, trong giai đoạn điều tra, mục tiêu của CQĐT là thu thập chứng cứ, củng cố chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội và người phạm tội, trong giai đoạn truy tố, mục tiêu của VKSND là kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các hành vi tố tụng mà CQĐT đã áp dụng để bảo đảm cho các quyết định của VKSND được chính xác và khách quan truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng người và đúng pháp luật, trong giai đoạn xét xử, mục tiêu cơ bản của Tòa án là đánh giá toàn bộ chứng cứ, căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra bản án, quyết định. Tuy nhiên, xét dưới góc độ vai trò chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng thì các giai đoạn tố tụng luôn có một mục tiêu chung là xác định là sự thật của vụ án. Đây là một nguyên tắc tố tụng quy định tại Điều 15 BLTTHS năm 2015. Theo đó, CQĐT, VKSND, TAND phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Như vậy xác định sự thật của vụ án là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, họ phải làm rõ có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, làm rõ hình thức lỗi của người thực hiện hành vi phạm tội, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, động cơ và mục đích của người phạm tội, nhân thân của người phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ khác..v.v. Những vấn đề dân sự phát sinh do hành vi phạm tội là một phần nội dung của vụ án hình sự, đó cũng là một sự thật khách quan cần xác định và chứng minh. CQĐT, VKSND, TAND phải có trách nhiệm làm rõ những vấn đề dân sự nảy sinh trong vụ án hình sự.

Để xác định sự thật của vụ án, CQĐT, VKSND, TAND được áp dụng mọi biện pháp hợp pháp trong quá trình thực hiện chức năng và thẩm quyền tố tụng của mình. Các biện pháp hợp pháp bao gồm các biện pháp được BLHS quy định như các biện pháp tư pháp, được BLTTHS quy định như các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ và các biện pháp khác do pháp luật quy định. Để xác định, chứng minh vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng cũng được quyền áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định như khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, lấy lời khai của bị can, bị cáo, của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, cơ quan tiến hành tố tụng còn được áp dụng các biện pháp do BLDS, BLTTDS quy định như áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa tài khoản trong ngân hàng, tài khoản trong các tổ chức tín dụng khác, tài khoản trong kho bạc nhà nước để phục vụ công tác tố tụng.

Một đòi hỏi của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án là CQĐT, VKSND, TAND trong quá trình chứng minh những tình tiết thuộc nội dung của vụ án phải khách quan, toàn diện và đầy đủ. Điều đó có nghĩa là khi xem xét, đánh giá tình tiết của vụ án phải trên cơ sở những chứng cứ phản ánh đúng sự tồn tại khách quan của nó, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không được chủ quan suy diễn. Mặt khác mọi tình tiết thuộc nội dung của vụ án phải được làm sáng tỏ, không chỉ tập trung vào một phương diện chứng minh để nhằm buộc tội mà còn phải quan tâm đến những chứng cứ xác định vô tội, không chỉ chú ý đến những cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn phải giải quyết các vấn đề dân sự khác do hành vi phạm tội gây ra. Riêng đối với vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự, tính chất toàn diện đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định đầy đủ các quan hệ pháp luật dân sự phát sinh trong vụ án hình sự, những thiệt hại về tài sản, về nhân thân do hành vi phạm tội gây ra, xác định đầy đủ những chủ thể là bị hại, là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.



Như vậy, khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần phải tuân thủ và áp dụng nguyên tắc xác định sự thật của vụ án bởi vì vấn đề dân sự là một phần nội dung của vụ án hình sự, nếu không làm rõ được vấn đề dân sự trong vụ án hình sự thì việc giải quyết vụ án hình sự không toàn diện và đầy đủ. Mặt khác, tuân thủ nguyên tắc này chính là cơ sở, là điều kiện để thực hiện được nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự một cách có hiệu quả.

### *3.1.1.3. Nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân*

Nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự. Theo đó, mọi công dân đều có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản đều bị xử lý theo pháp luật. Mặt khác, nguyên tắc này cũng xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo vệ bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác cũng như những người thân thích của họ khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của họ bị đe dọa. Nguyên tắc này có ý nghĩa là phương châm, là định hướng chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự trong đó có hoạt động giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Thực tế, hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của công dân không chỉ làm phát sinh trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội mà còn làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Với tinh thần của nguyên tắc là mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản đều phải được xử lý theo quy định của pháp luật thì ngoài việc truy cứu trách nhiệm hình sự còn phải xác định và giải quyết trách nhiệm dân sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Những thiệt hại mà người thực hiện hành vi phạm tội gây ra cho chủ thể khác phải được bồi thường một cách kịp thời và đầy đủ, những tài sản bị chiếm đoạt phải được hoàn trả cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật dân sự. Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với tư cách là chủ thể thực hiện việc bảo hộ xác định cụ thể những quan hệ pháp luật dân sự phát sinh trong vụ án hình sự, giải quyết những quan hệ đó để nhằm bảo vệ những quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản bị xâm phạm. Trong quá trình thực hiện chức năng tố tụng, nếu có nguy cơ gây thiệt hại về quyền lợi dân sự của người bị hại và những chủ thể tham gia tố tụng khác, cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại như phong tỏa tài khoản, kê biên, tạm giữ, thu hồi tài sản.v.v..

Như vậy, giữa nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự với nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân có mối quan hệ nội tại, hữu cơ với nhau. Việc quán triệt và thực hiện đầy đủ nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân chính là phương châm, là cơ sở, nền tảng cho việc thực hiện nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Ngược lại, thực hiện đúng đắn, đầy đủ, có hiệu quả nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự góp phần bảo đảm mục đích bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân. Mặt khác, nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự chính là sự bổ sung quan trọng và cần thiết cho nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân. Tính chất của bảo hộ là bảo vệ, giữ gìn, che trở không để bị tổn thất [120, tr.36], nhưng những hành vi phạm tội đã xâm phạm và gây ra những tổn thất về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác. Vì vậy việc thực hiện giải quyết bồi thường cho bị thiệt hại, hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người có quyền lợi liên quan có ý nghĩa khắc phục những hậu quả thiệt hại, bù đắp những tổn thất thực tế và tính chất bảo hộ được thực thi toàn diện hơn.

#### *3.1.1.4. Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự*

Về mặt bản chất, vấn đề sự trong vụ án hình sự chính là các quan hệ dân sự và việc giải quyết vấn đề dân sự chính là việc các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự áp dụng các quy định của pháp luật để điều chỉnh các quan hệ đó. Vì vậy khi

giải quyết vấn đề dân sự, các cơ quan tiến hành tố tụng bên cạnh việc áp dụng các nguyên tắc được quy định trong BLTTHS còn áp dụng các nguyên tắc được quy định trong BLTTDS. Quan hệ dân sự được hình thành, thực hiện, thay đổi, chấm dứt trên cơ sở tự do, tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, cho nên để bảo đảm quyền lợi của các đương sự, các cơ quan tiến hành tố tụng luôn phải quán triệt và thực hiện nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, ngay cả khi quan hệ dân sự này phát sinh trong vụ án hình sự.

Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 BLTTDS năm 2015. Theo đó, *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách không trái pháp luật và đạo đức xã hội”*

Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự thể hiện quan điểm của Nhà nước tôn trọng quyền tự do ý chí của đương sự, đương sự tự quyết định và tự mình lựa chọn hành vi tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng không giống như giải quyết một vụ án dân sự. Trong vụ án dân sự, các đương sự có quyền khởi kiện hoặc không khởi kiện và khi đương sự khởi kiện, lúc đó Tòa án mới thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết. Còn giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu không nhất thiết phải có đơn yêu cầu của đương sự mà cơ sở là khi đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự và những chứng cứ xác định những thiệt hại cụ thể cũng như những lợi ích dân sự khác mà hành vi phạm tội xâm hại. Mặc dù vậy, quyền quyết định và tự định đoạt vẫn thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau như: Bị hại có quyền đưa ra mức bồi thường, nguyên đơn dân sự có quyền làm đơn yêu cầu bồi thường và tự đưa ra mức bồi thường. Khi nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu, lúc đó cơ quan tiến hành tố tụng mới xem xét, giải quyết trong phạm vi đơn yêu cầu của họ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có quyền đưa ra những yêu

cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong quá trình cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự, các đương sự cũng có thể thỏa thuận với nhau, tự nguyện thực hiện các nghĩa vụ pháp luật dân sự phát sinh do hành vi phạm tội miễn sao việc thỏa thuận đó không ảnh hưởng đến truy cứu trách nhiệm hình sự, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội. Theo quy định của pháp luật TTHS, khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng không có trách nhiệm phải tiến hành hòa giải giữa các bên, tuy nhiên trên tinh thần kết hợp linh hoạt nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên thực tiễn các cơ quan tiến hành tố tụng luôn tạo điều kiện cho các bên tự thỏa thuận với nhau để giải quyết. Kết quả của sự tự thương lượng, thỏa thuận giữa các đương sự cũng là một căn cứ quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra những quyết định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Việc áp dụng nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên cần phải xác định rằng đây là nguyên tắc quy định trong TTDS nhưng lại được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự với hình thức TTHS, vì vậy việc thực hiện nguyên tắc này phải được kết hợp một cách linh hoạt và hài hòa với các nguyên tắc, các quy định của TTHS. Mặt khác, với bản chất là vụ án hình sự nên phạm vi áp dụng nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự cũng có giới hạn nhất định mặc dù là giải quyết vấn đề dân sự. Chẳng hạn như việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm thi hành án như kê biên tài sản thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chủ động áp dụng khi có căn cứ mà không phụ thuộc vào việc có yêu cầu hay không của bị hại. Điều này khác so với việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản trong TTDS là chỉ khi có yêu cầu của bị hại hoặc nguyên đơn trong vụ án yêu cầu thì Tòa án mới tiến hành kê biên tài sản. Như vậy quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong TTDS rộng hơn so với đương sự trong vụ án hình sự. Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự không chỉ áp dụng trong giải quyết vụ án

dân sự mà còn được áp dụng khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục TTHS và việc áp dụng nguyên tắc này luôn nằm trong mối quan hệ tổng thể, hài hòa, linh hoạt với các nguyên tắc cơ bản, đặc thù của TTHS.

Giải quyết vấn đề dân sự là một tiến trình bộ phận của quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng, vì vậy nó chịu sự chi phối của các nguyên tắc cơ bản trong BLTTHS. Tuy nhiên, với tính chất đặc thù thì những nguyên tắc mà chúng tôi phân tích ở trên có sự tác động rõ nét nhất đến tiến trình giải quyết vấn đề dân sự, là cơ sở quan trọng định hướng cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện giải quyết vấn đề dân sự. Mặc dù vậy, việc không xác định phạm vi vấn đề dân sự trong nội dung các nguyên tắc thực sự là một hạn chế gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Sự hướng dẫn của TAND tối cao thông qua Công văn 121 chỉ là một biện pháp tình thế, chưa phải là giải pháp căn cơ, lâu dài, phạm vi trong hoạt động xét xử, không phải trong toàn bộ các giai đoạn tố tụng. Vì vậy, một định hướng thống nhất, toàn diện về phạm vi vấn đề dân sự, về trình tự thủ tục giải quyết là một yêu cầu thực sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

### ***3.1.2. Quy định về chủ thể của các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu***

#### ***3.1.2.1 Quy định về bị hại***

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 62 BLTTHS năm 2015: “*Bị hại là cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra*”. Như vậy, khái niệm về bị hại trong tố tụng hình sự được xác định trên hai dấu hiệu cơ bản:

*Thứ nhất*, bị hại là cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín. Đây là dấu hiệu xác định loại thiệt hại mà hành vi phạm tội gây ra cho người bị hại. Thực tế hành vi phạm tội của người phạm tội có thể gây ra nhiều hậu quả thiệt hại khác nhau như thiệt hại về con người (tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do của cá nhân bị xâm hại), thiệt hại về tài sản (tài sản bị chiếm đoạt, bị làm hư hỏng, bị hủy hoại, bị chiếm

giữ trái phép, sử dụng trái phép), thiệt hại về xã hội (trật tự xã hội bị mất ổn định, an ninh quốc gia bị đe dọa, lợi ích công cộng bị xâm hại). Tuy nhiên, đối với bị hại trong vụ án xâm phạm sở hữu thì những thiệt hại được xác định một cách cụ thể là thiệt hại về thể chất, về tinh thần và thiệt hại về tài sản.

Những thiệt hại về thể chất biểu hiện ở sự biến đổi tình trạng bình thường thực thể tự nhiên của con người [52, tr.63]. Những thiệt hại về thể chất của con người bao gồm thiệt hại về tính mạng và thiệt hại về sức khỏe. Người bị thiệt hại về thể chất có nghĩa là tình trạng tự nhiên hiện có về tính mạng, sức khỏe bị hành vi phạm tội làm biến đổi với tính chất xấu đi, cụ thể như tính mạng bị tước đoạt, sức khỏe bị tổn hại. Những thiệt hại về về thể chất có thể định lượng được bằng những đại lượng đo lường cụ thể như tỷ lệ thương tật, số người chết.

Thiệt hại về tinh thần của người bị hại thể hiện ở những tổn thương về tình cảm (buồn bã, đau khổ), những tổn hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín do hành vi phạm tội gây ra [39, tr.13]. Những thiệt hại về tinh thần của người bị hại khó có thể xác định bởi một đại lượng đo lường cụ thể.

Thiệt hại về tài sản, theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thiệt hại về tài sản được bồi thường bao gồm: *“Tài sản bị mất; tài sản bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại”*. Như vậy, thiệt hại về tài sản bao gồm thiệt hại trực tiếp là tài sản bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng và thiệt hại gián tiếp là mất lợi ích từ việc khai thác, sử dụng tài sản và những chi phí hạn chế, khắc phục thiệt hại.

Ngoài ra, tội phạm xâm phạm sở hữu cũng có thể gây ra thiệt hại về uy tín cho bị hại, thiệt hại về uy tín của tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp (gọi chung là tổ chức) có thể hiểu là sự giảm sút niềm tin của mọi người đối với tổ chức. Sự giảm sút niềm tin này dẫn đến những thiệt hại cụ thể khác như doanh thu giảm sút, chất lượng công việc của tổ chức giảm sút, việc xác lập và thực hiện các giao dịch khác bị trở ngại. Những thiệt hại đó không phải xuất phát từ nội tại hoạt động của tổ chức mà do hành vi phạm tội dẫn đến hậu quả này. Thiệt hại về uy

tín của tổ chức rất khó định lượng, vì vậy cần phải có hướng dẫn cụ thể để có căn cứ xác định.

*Thứ hai*, nguyên nhân dẫn đến thiệt hại về thể chất, tinh thần và tài sản của bị hại là do hành vi phạm tội gây ra. Trong TTHS, nhiều chủ thể có thể bị thiệt hại, nhưng không phải sự thiệt hại nào của chủ thể bị thiệt hại cũng bắt nguồn từ hành vi phạm tội. Có những chủ thể bị thiệt hại trong vụ án hình sự mà nguyên nhân không phải từ hành vi phạm tội như trường hợp chủ thể bị thiệt hại do bị tạm giữ, tạm giam oan không đúng quy định của pháp luật tố tụng, trường hợp chủ thể bị thiệt hại là người bị mất thu nhập do chăm sóc nạn nhân trong vụ án hình sự, trường hợp chủ thể bị thiệt hại do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng gây ra khi thực thi công vụ. Những trường hợp nói trên, chủ thể bị thiệt hại không được coi là bị hại, chỉ những chủ thể mà những thiệt hại về thể chất, tinh thần, uy tín và về tài sản của họ do hành vi phạm tội gây ra thì họ mới được coi là bị hại trong TTHS.

Như vậy, khái niệm bị hại trong TTHS gồm hai thành tố là chủ thể bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, uy tín, tài sản và hậu quả thiệt hại đó do hành vi phạm tội gây ra. So với quy định về người bị hại trong BLTTHS năm 2003, định nghĩa bị hại trong BLTTHS năm 2015 đã xác định cụ thể, rõ ràng những chủ thể là bị hại trong vụ án hình sự, mở rộng phạm vi chủ thể bị hại không chỉ là cá nhân mà còn bao gồm cả cơ quan, tổ chức (có hoặc không có tư cách pháp nhân). Điều này bảo đảm sự thống nhất trong xác định tư cách bị hại cũng như bảo đảm quyền lợi chính đáng của bị hại trong quá trình áp dụng pháp luật giải quyết vụ án hình sự. Đặc biệt là đối với tổ chức, khi tổ chức được xác định là bị hại, thì tổ chức đó chủ động tham gia vào tố tụng để cung cấp chứng cứ và được cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ mà họ không cần phải có đơn yêu cầu, khi tổ chức được coi là bị hại thì đương nhiên họ có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy thì việc bảo vệ quyền lợi của tổ chức bị hành vi phạm tội gây thiệt hại mới được công bằng, bình đẳng với các chủ thể khác cũng như bảo đảm tính toàn diện khi giải quyết vụ án hình sự [39, tr.27].

Tóm lại, có thể hiểu thống nhất rằng bị hại trong TTHS là cá nhân hoặc tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến và đe dọa gây ra những thiệt hại về thể chất, tinh thần và tài sản.

Địa vị pháp lý của bị hại trong tố tụng hình sự thể hiện bởi các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. So với quy định của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 có sự sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung một số quyền mới đối với bị hại, đó là:

- Quyền đưa ra chứng cứ, bên cạnh quyền đưa ra tài liệu, đồ vật và yêu cầu như trước đây, Bộ luật TTHS năm 2015 bổ sung thêm *“Bị hại có quyền đưa ra chứng cứ”*. Quy định này phù hợp với quy định mới về định nghĩa chứng cứ, đồng thời mở rộng quyền của bị hại trong quá trình chứng minh người phạm tội, chứng minh hành vi của người phạm tội, chứng minh những thiệt hại của mình là do hành vi phạm tội gây ra, thậm chí bị hại có thể đưa ra các chứng cứ để chứng minh cả những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án đặc biệt là có ý nghĩa trong việc giải quyết quyền lợi của mình như việc giải quyết bồi thường thiệt hại.

- Quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và những người tham gia phiên tòa. Có thể nói đây là quyền rất đặc biệt đối với bị hại, nếu như trước đây, bị hại chỉ tham gia phiên tòa một cách thụ động thể hiện qua quyền được trình bày ý kiến tại phiên tòa và thực tế xét xử mà chúng tôi quan sát qua một số vụ, thì bị hại cũng chỉ trình bày ý kiến khi chủ tọa phiên tòa hỏi, chủ tọa phiên tòa cũng chủ yếu hỏi về phần thiệt hại và yêu cầu bị hại trình bày ý kiến về mức bồi thường. Với quy định về quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và những người tham gia phiên tòa, BLTTHS năm 2015 đã trao quyền chủ động cho bị hại khi tham gia phiên tòa và nâng cao vị thế tố tụng của bị hại trong quá trình tham gia tố tụng nói chung và tham gia phiên tòa nói riêng. Đồng thời thông qua quyền này, bị hại có thể truy vấn những vấn đề mà bị hại đặt ra hoặc những nội dung, tình tiết của vụ án mà bị hại thấy rằng việc chứng minh còn chưa khách quan toàn diện ảnh hưởng đến lợi ích của bị hại.

- Quyền được tham gia một số hoạt động tố tụng, đây là quyền mới được bổ sung đối với bị hại thể hiện vị trí và vai trò của bị hại khi họ tham gia tố tụng.



Những quy định về quyền của người bị hại trong BLTTHS năm 2003 phản ánh vai trò của bị hại chỉ thực sự được thể hiện trong giai đoạn xét xử, bởi khi đó, bị hại mới thực hiện yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi của mình và thực chất vai trò này cũng tương đối mờ nhạt. Với quyền được tham gia một số hoạt động TTHS thì vai trò của bị hại đã được coi trọng hơn, theo quy định trên, họ có thể được tham gia vào một số hoạt động điều tra của CQĐT, (trước đây bị hại chỉ có quyền được thông báo kết quả điều tra), bị hại cũng có thể tham gia vào hoạt động tố tụng của Tòa án như đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và những người tham gia phiên tòa. Trên cơ sở quyền được tham gia một số hoạt động tố tụng, bị hại chủ động hơn trong việc bảo vệ quyền lợi của mình như họ có được thông tin từ CQĐT mà không phải chờ đến khi kết thúc điều tra, họ chủ động đưa ra câu hỏi và yêu cầu chủ tọa phiên tòa hỏi chứ không phải chờ đến khi chủ tọa đề nghị cho biết ý kiến. Tuy nhiên, cũng cần phải nhận thức rằng việc tham gia một số hoạt động tố tụng của bị hại phải tuân thủ những điều kiện nhất định chẳng hạn như việc tham gia đó không ảnh hưởng đến tính khách quan, không gây khó khăn và cản trở đến hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của người thân khi bị đe dọa.

Bị hại trong TTHS là chủ thể tham gia tố tụng có địa vị pháp lý độc lập, là một bên có quyền cáo buộc đối với bị can, bị cáo. Quyền cáo buộc của họ mang tính chất truy cứu trách nhiệm dân sự (trong trường hợp họ yêu cầu bồi thường thiệt hại, bồi hoàn tài sản hoặc những yêu cầu dân sự khác), thậm chí mang tính chất truy cứu trách nhiệm hình sự (trong trường hợp bị hại thực hiện quyền buộc tội trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại). Chính vì tính chất đối lập như vậy đối với bị can, bị cáo, bị hại có nguy cơ bị đe dọa hoặc bị trực tiếp xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản trong quá trình tham gia tố tụng hình sự. Để bảo đảm an toàn cho bị hại, BLTTHS quy định thêm quyền rất thiết thực cho bị hại là họ được yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ cho họ và người thân của

họ khi họ nhận thấy thực sự có nguy cơ bị xâm hại hoặc có căn cứ cụ thể về những hành vi đe dọa họ nhằm gây sức ép hoặc cản trở quyền tố tụng của họ. Việc BLTTHS năm 2015 quy định quyền này có ý nghĩa bảo đảm cho bị hại yên tâm thực hiện các quyền khác khi họ tham gia tố tụng đồng thời đòi hỏi trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, tự do, tài sản của bị hại trong suốt quá trình tố tụng.

Bên cạnh những điểm mới bổ sung về quyền của bị hại, BLTTHS năm 2015 tiếp tục kế thừa và chỉnh lý một số quyền cơ bản khác để bảo vệ quyền lợi chính đáng của bị hại và phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay. Chẳng hạn như quyền đưa ra mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường, được chỉnh lý thành quyền đề nghị hình phạt, đưa ra mức bồi thường, biện pháp bảo đảm bồi thường; quyền yêu cầu khởi tố của bị hại, BLTTHS năm 2015 không quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại đối với tội xâm phạm quyền tác giả như BLTTHS năm 2003;...

Ngoài những điểm mới về quyền của bị hại, BLTTHS năm 2015 cũng sửa đổi một số nghĩa vụ của bị hại theo hướng cụ thể trách nhiệm của bị hại trong quá trình tham gia tố tụng, đồng thời gắn liền với đó là các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm nghĩa vụ của bị hại phải được thực thi trên thực tế.

Nghĩa vụ phải chấp hành các quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Nghĩa vụ này đòi hỏi bị hại phải có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thể hiện trong các quyết định tố tụng. Nếu như theo quy định tại khoản 4 Điều 51 BLTTHS năm 2003, bị hại không có nghĩa vụ này, họ chỉ có nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng mà thôi. Nhưng với quy định hiện nay, bị hại phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt hoặc có hành vi gây khó khăn, cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải.

Tóm lại, bị hại trong vụ án hình sự là chủ thể bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại và gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Bị hại, với tư cách là chủ

thể tham gia tố tụng có địa vị pháp lý tố tụng độc lập với những quyền và nghĩa vụ cụ thể được quy định trong BLTTHS.

### 3.1.2.2. Quy định về đương sự

Đương sự là những chủ thể liên quan trực tiếp đến vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, bảo vệ quyền lợi và xác định trách nhiệm dân sự của đương sự phải dựa trên cơ sở quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong BLTTHS. Trong BLTTHS năm 2015 đã có sự chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung một số quy định về đương sự trong vụ án hình sự theo hướng hoàn thiện khái niệm, kế thừa, phát triển và cụ thể hóa quyền và nghĩa vụ liên quan đến lợi ích dân sự của đương sự.

*Thứ nhất*, về hoàn thiện khái niệm đương sự

BLTTHS năm 2015 lần đầu tiên khái niệm về đương sự trong vụ án hình sự: “*Đương sự bao gồm nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự*” [75 Điều 4]. Với quy định này, phạm vi đương sự trong vụ án hình sự không bao gồm cả bị hại như quy định trong BLTTHS năm 2003. Mặc dù trong BLTTHS năm 2003 không có điều khoản quy định đương sự trong vụ án bao gồm những chủ thể nào, nhưng thông qua quy định về người bảo vệ quyền lợi của đương sự thì mọi người đều hiểu đương sự bao gồm người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án [73 Điều 59]. Điểm mới này cho thấy, BLTTHS năm 2015 đã xác định đúng bản chất của đương sự, họ là cá nhân, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự nhưng họ có quyền tự định đoạt, sự tham gia tố tụng hình sự của họ (thời điểm và mức độ tham gia) thông qua đơn yêu cầu của họ gửi đến cơ quan tiến hành tố tụng. Còn bị hại là cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp gây thiệt hại, về mặt nguyên tắc, họ tham gia tố tụng hình sự từ khi khởi tố vụ án hình sự phải được các cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không phụ thuộc vào việc họ có đơn yêu cầu hay không. Với tư cách này, họ không tương đồng với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền, lợi ích liên quan. Tinh thần này một lần nữa được thể hiện trong quy định về người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự tại Điều 84 BLTTHS năm 2015. Nội dung của điều luật này luôn xác

định bị hại và đương sự là hai loại chủ thể khác nhau. Chúng tôi cho rằng khái niệm đương sự trong vụ án hình sự là hợp lý, thể hiện đúng vị trí, vai trò của đương sự. Mặt khác, quy định về đương sự như BLTTHS năm 2015 tương thích với định nghĩa về đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS năm 2015.

Cùng với việc đưa ra khái niệm về đương sự, BLTTHS năm 2015 tiếp tục kế thừa, chỉnh lý và bổ sung định nghĩa về nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Theo đó, định nghĩa về nguyên đơn dân sự được giữ nguyên, chỉnh lý định nghĩa về bị đơn dân sự trong vụ án hình sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. So với định nghĩa bị đơn dân sự quy định tại Điều 53 BLTTHS năm 2003 có sự lược bỏ cụm từ “*đối với thiệt hại do tội phạm gây ra*”, nhưng không ảnh hưởng đến tinh thần của điều luật. Đặc biệt là BLTTHS năm 2015 đã bổ sung định nghĩa về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Chúng tôi cho rằng đây là sự bổ sung quan trọng, bởi vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự là chủ thể tham gia tố tụng, họ có thể chủ động tham gia tố tụng khi tự họ nộp đơn yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, họ cũng có thể phải tham gia tố tụng để thực hiện những nghĩa vụ nhất định khi Tòa án đưa họ vào tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong BLTTHS năm 2003 không định nghĩa về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà chỉ quy định về quyền và nghĩa vụ cụ thể của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Vì vậy, thực tế có một số cách hiểu khác nhau về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự. Có quan điểm cho rằng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người không tham gia và việc thực hiện tội phạm hoặc tham gia vào việc thực hiện tội phạm mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng vẫn phải đưa vào tham gia tố tụng để xử lý theo pháp luật về quyền và nghĩa vụ về tài sản của họ có liên quan đến tội phạm [126, tr. 64]. Quan điểm này nhìn nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự dưới góc độ lợi ích vật chất, yếu tố liên quan ở người có quyền, nghĩa vụ liên quan là tài sản. Có quan điểm khác xem xét dưới góc độ lợi ích bị tác động bởi bản án, quyết định của

Tòa án cho rằng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quyết định của Tòa án và nên hiểu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án một cách tách biệt trong những trường hợp cụ thể, có trường hợp là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, có trường hợp họ là người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án và có trường hợp họ là người vừa có quyền lợi vừa có nghĩa vụ liên quan đến vụ án [58, tr. 2].

BLTTHS năm 2015, tại Điều 65 bổ sung định nghĩa về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự.*” Sự bổ sung quan trọng này sẽ tạo ra cách nhìn nhận thống nhất về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trên cơ sở kết hợp định nghĩa trên với các quy định về quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vai trò và mục đích tham gia tố tụng, có thể hiểu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án một cách thống nhất là chủ thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không phải là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự nhưng việc giải quyết vụ án hình sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ và được Tòa án chấp nhận xác định họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Có thể nói, việc quy định khái niệm đương sự và sự kế thừa, chính lý, bổ sung các định nghĩa về nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của BLTTHS năm 2015 đã tạo nên sự thống nhất trong xác định phạm vi cũng như vị trí và vai trò chủ thể là đương sự trong vụ án hình sự.

*Thứ hai*, về kế thừa, phát triển và cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

BLTTHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận và phát triển các quyền cơ bản của các đương sự trong vụ án hình sự, đặc biệt là các quyền liên quan đến yêu cầu và chứng minh cho yêu cầu của đương sự như quyền đưa ra chứng cứ, đồ vật, tài liệu, yêu cầu; quyền đưa ra mức bồi thường thiệt hại và biện pháp bảo đảm việc bồi thường; quyền được thông báo kết quả điều tra; quyền khiếu nại, kháng cáo bản án, quyết định của Tòa liên quan đến phần dân sự... Có thể nói, những quyền này là nền tảng quan trọng cho việc giải quyết vấn đề dân sự liên quan đến các

đương sự, chẳng hạn như quyền đề nghị mức bồi thường của nguyên đơn dân sự. Mục đích của Nguyên đơn dân sự khi tham gia tố tụng là được bồi thường thiệt hại. Vì vậy đây là quyền cơ bản nhất và rất quan trọng đối với nguyên đơn dân sự, quyền này là cơ sở bảo đảm cho việc bồi thường được thực thi trên thực tế một cách kịp thời và đầy đủ. Nguyên đơn dân sự có quyền yêu cầu bị can, bị cáo và bị đơn dân sự bồi thường, tuy nhiên để được bồi thường thì phải định lượng cụ thể làm đơn vị để bồi thường. Pháp luật tố tụng cho phép nguyên đơn dân sự có quyền đưa ra mức bồi thường cụ thể.

Bên cạnh những quyền cơ bản được chỉnh lý và hoàn thiện, BLTTHS năm 2015 bổ sung một số quyền mới và cụ thể hóa các nghĩa vụ có ý nghĩa thiết thực đối với việc bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của đương sự trong đó có quyền lợi dân sự của đương sự trong vụ án hình sự. Cụ thể như một số quyền sau đây:

- Quyền yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cho rằng, đây là sự bổ sung cần thiết để bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự. Trước đây, có lẽ với quan điểm cho rằng trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng khi thấy cần thiết trong quá trình chứng minh vụ án, nguyên đơn dân sự chỉ là chủ thể tham gia và yêu cầu bồi thường của họ sẽ được giải quyết trên những căn cứ mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã chứng minh, bị đơn dân sự bảo vệ quyền lợi của mình theo nội dung đơn kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong phạm vi mà Tòa án yêu cầu, vì vậy không quy định quyền yêu cầu giám định, định giá tài sản cho đương sự. Tuy nhiên, thực tiễn tố tụng cho thấy, việc trưng cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng chủ yếu để chứng minh tội phạm, xác định cấu thành tội phạm và giải quyết bồi thường cho bị hại. Điều này dẫn đến kết luận giám định, định giá tài sản không đủ cơ sở để chứng minh thiệt hại của nguyên đơn, nguyên đơn chủ động gửi đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng bị động về chứng minh thiệt hại. Với sự bổ sung thêm quyền này, nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự sẽ chủ động hơn trong quá trình chứng minh thiệt hại của mình để đưa ra mức yêu cầu được bồi thường hợp lý nhất. Ngược lại, bị đơn dân sự cũng chủ động để

có căn cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cơ sở để yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền lợi của mình. Mặt khác, BLTTHS 2015 quy định cho cả nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền này thể hiện sự thừa nhận tính chất bình đẳng trong quan hệ của họ mặc dù quan hệ đó được nảy sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Điều này khẳng định rằng tính chất dân sự trong quan hệ của họ được Nhà nước tôn trọng và được thể chế bằng một quyền tố tụng cụ thể.

- Quyền được tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

BLTTHS năm 2003, trong các điều khoản quy định về quyền của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xác định quyền này, nội dung của quyền này chỉ được thể hiện một phần thông qua quy định về người bảo vệ quyền lợi của đương sự tại Khoản 1 Điều 59 nhưng vẫn không phản ánh đầy đủ phạm vi của quyền được tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ, đặc biệt là tinh thần, tính chất tranh tụng trong việc thực hiện quyền của đương sự. BLTTHS năm 2015 với sự chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung trong các chế định luôn thể hiện tinh thần nâng cao quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp theo hướng tăng cường tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa của người buộc tội, quyền được tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ lợi ích của các chủ thể tham gia tố tụng khác. Đương sự là các chủ thể tham gia tố tụng hình sự, họ có lợi ích liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự. Để bảo đảm sự dân chủ, công bằng, khách quan, nâng cao vai trò, vị thế của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm quyền được tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đó, nguyên đơn dân sự có quyền đưa ra những chứng cứ, tài liệu và bằng lý lẽ của mình để chứng minh cho yêu cầu của mình là chính đáng, có căn cứ và hợp pháp, bị đơn dân sự cũng có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu và bằng lý lẽ của mình để phủ nhận, bác bỏ

những cáo buộc, những yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền chứng minh những lợi ích của mình cần phải được tôn trọng và bảo vệ. Nếu như đương sự không đủ tự tin để tự bảo vệ quyền lợi của mình, họ có quyền nhờ người có chuyên môn mà họ tin tưởng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Người có chuyên môn có thể bảo vệ quyền lợi của họ là luật sư, người đại diện, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý. Có thể nói đây là quyền cơ bản, là cơ sở để thực hiện các quyền khác như quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi người tham gia phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa... Chúng tôi cho rằng nếu các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền này, tính chất tranh tụng tại phiên tòa sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ hiệu quả đối với việc giải quyết các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án hình sự mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án hình sự, góp phần giải quyết vụ án được toàn diện và triệt để.

- Quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ mà pháp luật TTHS quy định cho họ.

Địa vị pháp lý của đương sự trong TTHS được thể hiện thông qua các quyền và nghĩa vụ được BLTTHS quy định. BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ cho đương sự. Điểm mới này bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực thi và là cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ. Chính vì tầm quan trọng này, ngoài quy định cụ thể ở Điều 63, Điều 64 và Điều 65, BLTTHS năm 2015 còn quy định một nguyên tắc quan trọng là bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Theo nội dung nguyên tắc này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm, thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, cho bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền mà BLTTHS quy định.

Mặc dù chỉ là quyền mang tính chất hình thức tố tụng nhưng lại là cơ sở để triển khai các quyền khác. Nếu đương sự không nắm được và hiểu rõ về các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, họ không thể tham gia tố tụng hình sự một



cách chủ động để tự bảo vệ quyền lợi của họ, họ cũng không thể tham gia tranh tụng trong xét xử vụ án để làm rõ sự thật khách quan, họ không thể tự chứng minh tính hợp lý cho yêu cầu của họ. Qua việc bổ sung quyền được thông báo và giải thích về quyền và nghĩa vụ, các đương sự trong vụ án hình sự đã được đối xử bình đẳng hơn với các chủ thể tham gia tố tụng khác. Trước đây chỉ có bị can, bị cáo và bị hại mới có quy định được thông báo và giải thích về quyền và nghĩa vụ.

- Bị đơn có quyền chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Đây là một quyền cụ thể được bổ sung riêng cho bị đơn dân sự, BLTTHS năm 2015 quy định quyền này thay thế cho quyền khiếu nại việc đòi bồi thường của nguyên đơn dân sự trong Điều 53 BLTTHS năm 2003. Việc quy định quyền chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu thể hiện đúng bản chất và vai trò tố tụng của bị đơn. Nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng với mục đích để được bồi thường thiệt hại, vì vậy họ đưa ra yêu cầu bị can, bị cáo hoặc bị đơn dân sự phải bồi thường, đồng thời đưa ra mức bồi thường cụ thể. Bị đơn dân sự tham gia tố tụng hình sự để xác định trách nhiệm bồi thường của mình, bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Nếu thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý thì bị đơn có thể chấp nhận, nếu thấy việc yêu cầu bồi thường là không có cơ sở, mức bồi thường không có căn cứ hoặc vượt quá so với thiệt hại thực tế thì bị đơn dân sự có quyền bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trên cơ sở kế thừa các quy định về yêu cầu đặt ra đối với đương sự trong BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã chỉnh lý phân định cụ thể các nghĩa vụ của đương sự trong vụ án hình sự, theo đó họ có ba nghĩa vụ cơ bản là: có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ; chấp hành các quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Việc quy định rõ ràng, cụ thể các nghĩa vụ của đương sự, BLTTHS năm 2015 đã xây dựng cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm sự thông suốt trong tiến trình tố tụng ngay cả khi nội dung của vụ án hình sự có

những vấn đề dân sự không thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự có các quyền mà pháp luật tố tụng quy định để bảo vệ lợi ích chính đáng nhưng đồng thời họ cũng có nghĩa vụ và phải thực hiện các nghĩa vụ đó, nếu không tiến trình tố tụng có thể bị cản trở, việc xử lý vụ án bị kéo dài, tính khách quan bị ảnh hưởng...

Những quy định về chủ thể của các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án với sự xác định địa vị pháp lý rõ ràng, các quyền và nghĩa vụ cụ thể là một trong những cơ sở pháp lý để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự có được giải quyết triệt để hay không phụ thuộc rất lớn vào việc các quyền và nghĩa vụ của bị hại, các đương sự được quy định trong BLTTHS có được bảo đảm thực hiện hay không. Ngoài trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tính chất khả thi trong các quy định pháp luật là nhân tố bảo đảm quyền và nghĩa vụ của bị hại, đương sự được thực thi trên thực tế. Qua nghiên cứu, phân tích, có thể thấy rằng còn một số quy định về quyền và nghĩa vụ chưa được cụ thể dẫn đến tính khả thi bị hạn chế như quyền được tham gia tố tụng của bị hại nhưng không rõ được tham gia từ giai đoạn nào và tham gia vào hoạt động tố tụng cụ thể gì; quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ khi bị đe dọa, nhưng không rõ đe dọa ở mức độ nào thì quyền này phát sinh, cơ quan tiến hành tố tụng nào phải bảo vệ...; quyền đưa ra mức bồi thường nhưng không bao gồm yêu cầu hình thức, phương thức bồi thường; nguyên đơn có quyền nộp đơn yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại nhưng thời hạn nộp đơn không được xác định cụ thể; không có quy định về dẫn giải trong trường hợp người có nghĩa vụ liên quan cố ý không có mặt theo giấy triệu tập và gây trở ngại cho hoạt động tố tụng.v.v..Những thiếu sót này cần phải được chỉnh lý, bổ sung hoặc hướng dẫn cụ thể thì mới áp dụng để giải quyết trong các vụ án thực tế.

### ***3.1.3. Quy định về giải quyết bồi thường thiệt hại phát sinh do hành vi phạm tội gây ra trong vụ án xâm phạm sở hữu***

Giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra thực chất là giải là xử lý quan hệ dân sự giữa người có hành vi phạm tội với chủ thể bị thiệt hại

trong vụ án hình sự. Việc giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra trong vụ án hình sự được thừa nhận trong pháp luật tố tụng hình sự của nhiều nước trên thế giới, như BLTTHS Liên bang Nga năm 2001, sửa đổi năm 2006 (các Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 54, Điều 55,...) BLTTHS Cộng hòa Pháp năm 2000 (từ Điều 2 đến Điều 10), BLTTHS Cộng hòa liên bang Đức năm 1987, sửa đổi năm 2014 (từ Điều 403 đến Điều 406h), BLTTHS của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1979, sửa đổi năm 2012 (Điều 77, Điều 78)... Trong BLTTHS 2015 của nước ta, việc giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra được thể hiện trong quy định về nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự (Điều 30 BLTTHS), trong quy định về quyền được bồi thường thiệt hại của bị hại và các đương sự khác trong vụ án hình sự (Điều 62, 63, 63 và Điều 65 BLTTHS), trong quy định về thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (Điều 36, Điều 41, Điều 44 BLTTHS). Theo các quy định nói trên, việc giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra phải được giải quyết cùng với việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, các chủ thể bị thiệt hại do hành vi phạm tội được bảo vệ và phục hồi các quyền, lợi ích dân sự bị xâm phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra. Tuy nhiên, để giải quyết việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không chỉ dựa vào các quy định của BLTTHS mà còn phải căn cứ vào quy định của pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bởi vì thực chất thiệt hại do tội phạm gây ra làm phát sinh quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Các quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chính là quy định nội dung và giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra thực chất là việc các cơ quan tiến hành TTHS áp dụng các quy định nội dung này theo trình tự, thủ tục TTHS để bảo vệ quyền lợi dân sự của bị hại.

BLDS năm 2015 quy định về chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại chương XX, từ Điều 584 đến Điều 608. Theo đó xác định rõ căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nguyên tắc bồi thường thiệt hại, năng lực bồi thường của chủ thể là cá nhân và phương thức xác định thiệt

hại. Giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể áp dụng các quy định của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trên các quy định cụ thể sau đây:

- *Căn cứ pháp lý và điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại*

Căn cứ pháp lý và điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường là rất quan trọng, đây là cơ sở để cơ quan tiến hành tố tụng đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại phát sinh trong vụ án hình sự. Theo Điều 584 BLDS năm 2015, người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại phải bồi thường. Theo Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng bao gồm: Có hành vi trái pháp luật; có thiệt hại xảy ra; người gây ra thiệt hại có lỗi; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả thiệt hại xảy ra. Trong vụ án xâm phạm sở hữu, có đầy đủ căn cứ pháp lý và điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người phạm tội. *Thứ nhất*, người phạm tội có hành vi xâm phạm đến tài sản, thậm chí xâm phạm cả đến tính mạng, sức khỏe, tự do của người bị hại. Đây là hành vi trái với pháp luật hình sự và hình thức của hành vi trong các tội xâm phạm sở hữu là ở dạng hành động; *thứ hai*, trong vụ án xâm phạm sở hữu hậu quả thiệt hại chủ yếu là thiệt hại về tài sản, tuy nhiên cũng có nhiều trường hợp hành vi của người phạm tội gây ra cả những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần như hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản, hành vi bắt cóc con tin nhằm chiếm đoạt tài sản...; *thứ ba*, người thực hiện hành vi phạm tội, gây ra thiệt hại luôn có lỗi. Trong các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Chương XVI BLHS năm 2015 thì có 11 tội được thực hiện do lỗi cố ý, chỉ có 02 tội được thực hiện do lỗi vô ý, đó là Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179) và Tội vô ý gây

thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180); *thứ tư*, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với thiệt hại thực tế xảy ra.

*- Những nguyên tắc trong giải quyết bồi thường thiệt hại*

Giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra không những phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong BLTHS, để bảo đảm giải quyết việc bồi thường được thực hiện khách quan, thống nhất, cơ quan tiến hành tố tụng còn phải tuân thủ các nguyên tắc cụ thể về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định tại Điều 585 BLDS năm 2015, theo đó, nguyên tắc chung là thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền hoặc bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần. Đây là nguyên tắc chung mang tính công bằng, hợp lý phù hợp với mục đích phục hồi của chế định bồi thường. Trên tinh thần này, bị can, bị cáo trong vụ án xâm phạm sở hữu, nếu hành vi phạm tội của họ gây thiệt hại thì họ phải bồi thường toàn bộ và kịp thời cho chủ thể bị thiệt hại. Tuy rằng tính chất của tố tụng trong giải quyết vụ án hình sự không có sự thỏa thuận, nhưng ở trường hợp này, bị can, bị cáo và chủ thể bị thiệt hại có thể thỏa thuận với nhau về hình thức, phương thức và mức bồi thường. Để nguyên tắc này có hiệu quả trong thực tế áp dụng, chúng tôi cho rằng cần có một cơ chế thỏa thuận đặc thù giữa bị can, bị cáo và chủ thể bị thiệt hại, vì sự thỏa thuận này không chỉ có tính dân sự thuần túy mà còn ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hình sự.

Bên cạnh nguyên tắc chung về bồi thường, các nguyên tắc bồi thường áp dụng cho những trường hợp cụ thể cũng có ý nghĩa quan trọng trong giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án xâm phạm sở hữu, đó là các nguyên tắc: người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình; khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì người bị thiệt hại hoặc người gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi mức bồi thường; khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra; bên có

quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình.

Những nguyên tắc nói trên không những có ý nghĩa là tư tưởng chỉ đạo cho việc giải quyết bồi thường trong vụ án xâm phạm sở hữu mà còn là căn cứ pháp lý cụ thể để áp dụng trên thực tế. Chẳng hạn như nguyên tắc giảm mức bồi thường đã xác định phạm vi chủ thể được xem xét giảm mức bồi thường là người chịu trách nhiệm bồi thường (có nghĩa là có thể là người đã gây ra thiệt hại nhưng cũng có thể không phải là người đã gây ra thiệt hại nhưng có nghĩa vụ liên đới phải bồi thường) và cũng bởi lẽ đó điều kiện để được xem xét giảm mức bồi thường là không có lỗi hoặc lỗi có lỗi vô ý. Như vậy, trong vụ án xâm phạm sở hữu, bị can, bị cáo chỉ có thể được xem xét giảm mức bồi thường khi họ phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179 BLHS), tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180 BLHS) và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của họ. Cũng cần phải xác định rằng, nguyên tắc giảm mức bồi thường đối với người có trách nhiệm bồi thường chỉ mang tính định hình chứ không định tính. Việc giảm cụ thể như thế nào, mức bồi thường cụ thể là bao nhiêu phụ thuộc vào quyết định của Tòa án trong từng trường hợp cụ thể trên cơ sở xem xét hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, việc quy định chủ thể không có lỗi là trường hợp để xem xét giảm mức bồi thường có thể dẫn đến sự hiểu nhầm là xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người gây thiệt hại không cần xác định hình thức lỗi, bởi vì không có lỗi cũng phải bồi thường. Điều này sẽ dẫn đến việc áp dụng không đúng quy định giải quyết việc bồi thường, vì vậy cần phải có quy phạm hướng dẫn cụ thể nguyên tắc giảm mức bồi thường.

*- Xác định năng lực trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ thể*

Để giải quyết bồi thường trong vụ án xâm phạm sở hữu, điều cần thiết là phải xác định chủ thể có trách nhiệm bồi thường. Điều đương nhiên, chủ thể nào có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho người khác có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Vì vậy, bị can, bị cáo luôn được xác định là chủ thể có trách nhiệm bồi

thường thiệt hại do hành vi phạm tội của họ gây ra. Tuy nhiên, để đưa ra phán quyết về việc bồi thường trong từng vụ án cụ thể, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét kỹ lưỡng năng lực trách nhiệm bồi thường của bị can, bị cáo. BLHS chỉ quy định về năng lực trách nhiệm hình sự của chủ thể có hành vi phạm tội, không có quy định về năng lực trách nhiệm bồi thường, những quy phạm quy định về năng lực bồi thường của chủ thể thuộc phạm vi của BLDS. Cụ thể Điều 586 và Điều 599 BLDS năm 2015 quy định về năng lực trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ thể. Khi giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải căn cứ vào những quy định nói trên để xác định năng lực trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị can, bị cáo. Theo nội dung của Điều 586, chúng ta có thể xác định năng lực trách nhiệm bồi thường của bị can, bị cáo như sau:

- + Bị can, bị cáo đủ 18 tuổi trở lên thì phải tự mình bồi thường thiệt hại;
- + Bị can, bị cáo chưa đủ 15 tuổi mà hành vi phạm tội của họ gây thiệt hại thì cha, mẹ của bị can, bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, nếu tài sản của cha mẹ không đủ để bồi thường mà bị can, bị cáo dưới 15 tuổi có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu;
- + Bị can, bị cáo đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu tài sản không đủ để bồi thường thì cha, mẹ của bị can, bị cáo phải bồi thường phần còn thiếu.

Ngoài ra, nếu bị can, bị cáo là người chưa thành niên nhưng không còn cha, mẹ thì người giám hộ của bị can, bị cáo dùng tài sản của bị can, bị cáo để bồi thường, nếu bị can, bị cáo không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình. Tuy nhiên, nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị can, bị cáo gây ra. Như vậy khi áp dụng quy định của pháp luật dân sự xác định năng lực trách nhiệm bồi thường của bị can, bị cáo cũng cần mở rộng xem xét đến quy định về giám hộ, thậm chí cả quy định về trách nhiệm của nhà trường, bệnh viện và pháp nhân có trách nhiệm quản lý liên quan. Tuy nhiên, qua thực tế chúng tôi

thấy rằng khi bị can, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì việc bồi thường được cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, giải quyết, còn khi liên quan đến cha, mẹ hoặc người giám hộ thì cơ quan tiến hành tố tụng có xu hướng tách việc bồi thường để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự. Điều này là một bất cập trong thực tế áp dụng và chưa đúng với tinh thần của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

*- Cơ sở xác định thiệt hại*

Trong giải quyết vụ án hình sự nói chung, việc chứng minh hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên việc chứng minh hậu quả thiệt hại của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chủ yếu là nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự nên giá trị đáp ứng cho việc giải quyết bồi thường có thể không toàn diện. Chúng ta cũng phải thừa nhận rằng ở một mức độ nào đó, chứng minh hậu quả thiệt hại của tội phạm khác với xác định thiệt hại. Chứng minh hậu quả thiệt hại của tội phạm có thể chỉ dừng lại ở mức độ có hay không có hậu quả xảy ra hoặc hậu quả xảy ra là lớn hay nhỏ còn xác định thiệt hại là ngoài việc chứng minh có hậu quả còn phải xác định hậu quả thiệt hại là bao nhiêu, trên cơ sở đó ấn định mức bồi thường cụ thể. Việc bồi thường thiệt hại chỉ có thể thực hiện được đầy đủ và chính xác khi xác định được toàn bộ thiệt hại bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp. Vì vậy, xác định thiệt hại do tội phạm gây ra không những dựa trên những phương thức theo quy định của BLTTHS như định giá tài sản, giám định thương tật mà còn phải dựa vào những phương thức xác định thiệt hại cụ thể mà BLDS quy định. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, hành vi của người phạm tội chủ yếu gây ra những thiệt hại về tài sản, nhưng cũng có thể gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Cách thức xác định những thiệt hại nói trên, BLDS năm 2015 quy định cụ thể từ Điều 589 đến Điều 592. Theo đó xác định thiệt hại như sau:

+ Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm tài sản bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng tài sản, khai thác tài sản bị mất, bị giám sát; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.



+ Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm các chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại, nếu thu nhập của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người chăm sóc thường xuyên thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị hại. Ngoài những khoản bồi thường nói trên, người gây thiệt hại còn phải bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại, mức bồi thường bù đắp do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định.

+ Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm những khoản bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ngoài ra người gây thiệt hại còn phải bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại. Mức bồi thường do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá một trăm lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định.

+ Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Ngoài ra, người gây thiệt hại phải bù đắp tổn thất về tinh thần, mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá mười lần mức lương cơ sở mà nhà nước quy định.

Những quy định của pháp luật để áp dụng giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng tương đối bao quát và thống nhất bao gồm cả những quy định hình thức và những quy định nội dung. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng, trong khi những quy định nội dung tương đối đầy đủ thì các quy định hình thức, tức là những quy định của BLTTHS về quyền hạn, trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra còn chưa

được mạch lạc, rõ ràng. Thực chất, những quy định của pháp luật tố tụng mới chỉ cho thấy quyền hạn giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án của Tòa án là rõ nét, còn cơ quan điều tra, viện kiểm sát vai trò giải quyết bồi thường mờ nhạt, chỉ dừng lại ở mức kiến nghị phương hướng giải quyết cho Tòa án. Điều này xuất phát từ thực trạng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giải quyết vấn đề dân sự nói chung, vấn đề bồi thường thiệt hại nói riêng mới chỉ dừng lại ở mức độ nguyên tắc và cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ của bị hại, các đương sự. Chính vì vậy phương hướng cụ thể hóa về thẩm quyền và trình tự thủ tục trong các giai đoạn tố tụng hình sự để giải quyết vấn đề dân sự nói chung, giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra nói riêng là hướng đi phù hợp và thiết thực. Có thể không nhất thiết phải thể chế thành quy định trong BLTTHS, nhưng cần thiết phải được cụ thể hóa bởi những quy phạm hướng dẫn.

#### ***3.1.4. Quy định về hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu***

Hoàn trả tài sản là một vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu, giải quyết hoàn trả tài sản phải dựa trên quy định của pháp luật về căn cứ phát sinh nghĩa vụ hoàn trả để xác định chủ thể có trách nhiệm hoàn trả, tài sản là đối tượng phải hoàn trả và những vấn đề có liên quan khác. Hoàn trả tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu bản chất là quan hệ nghĩa vụ dân sự, vậy căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ này trên cơ sở quy định của pháp luật dân sự. Khoản 1 Điều 579 BLDS năm 2015 quy định “*Người chiếm hữu, sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản đó....; người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật làm cho làm cho người khác bị thiệt hại thì phải hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại...*”. Theo quy định này, hành vi chiếm đoạt hoặc chiếm giữ trái phép tài sản của người phạm tội trong vụ án xâm phạm sở hữu là căn cứ phát sinh nghĩa vụ hoàn trả tài sản. Chủ thể có trách nhiệm hoàn trả là bị can, bị cáo trong vụ án hoặc là đương sự khác đang chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản là đối tượng do hành vi phạm tội chiếm đoạt mà có. Tuy nhiên trong vụ án xâm phạm sở hữu, tài sản bị chiếm đoạt, bị chiếm giữ trái phép

còn là vật chứng của vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền thu giữ để phục vụ việc điều tra, chứng minh hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như chứng minh những thiệt hại cụ thể đối với người bị hại. Vì vậy việc hoàn trả tài sản trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu phần lớn do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện thông qua hoạt động xử lý vật chứng. Khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án...”* Trong trường hợp vụ án được đình chỉ, thì đình chỉ ở giai đoạn tố tụng nào, cơ quan tiến tố tụng tiến hành giai đoạn đó thực hiện việc hoàn trả, nếu vụ án được đưa ra xét xử thì việc hoàn trả thuộc về Hội đồng xét xử vụ án.

Để thực hiện được việc hoàn trả tài sản nhất thiết phải xác định được tài sản là đối tượng phải hoàn trả, vấn đề này được quy định ở Điều 580 BLDS năm 2015, theo đó người chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả lại toàn bộ tài sản, nếu tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ là vật đặc định thì phải hoàn trả đúng tài sản đó, nếu vật đặc định bị mất hoặc bị hư hỏng thì phải đền bù bằng tiền, nếu là vật cùng loại mà bị hư hỏng hoặc bị mất thì phải hoàn trả bằng vật cùng loại hoặc đền bù bằng một khoản tiền, người được hưởng lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật thì phải trả khoản lợi về tài sản đó cho người bị thiệt hại bằng tiền hoặc bằng hiện vật.

Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, tài sản và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ, bị thiệt hại là yếu tố mà các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định, chứng minh bởi đó là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm để xác định tội danh hoặc xác định khung hình phạt. Vì vậy, việc thu giữ và bảo quản tài sản với tính chất là vật chứng trong vụ án vừa có ý nghĩa quan trọng đến việc chứng minh tội phạm vừa có ý nghĩa quan trọng đến giải quyết hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu. Điều 90 BLTTHS năm 2015 quy định về bảo quản vật chứng, trong đó xác định rõ *“vật chứng là tiền, vàng, kim khí, đá quý, đồ cổ...thì phải được giám*

*định ngay sau khi thu thập và chuyển ngay bảo quản tại kho bạc nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách khác*". Quy định này vừa bảo đảm giá trị chứng minh của vật chứng vừa bảo toàn về giá trị tài sản thu hồi để bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu khi hoàn trả lại tài sản cho họ. Liên quan đến vấn đề này, BLTTHS năm 2015 cũng quy định trách nhiệm của chủ thể bảo quản vật chứng nếu có hành vi tiêu dùng, sử dụng trái phép vật chứng, chuyển nhượng, đánh tráo, hủy hoại, làm hư hỏng hoặc là mất mát vật chứng. Theo Khoản 2 Điều 90 BLTTHS năm 2015, họ có thể bị truy cứu trách nhiệm kỷ luật hoặc trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm dân sự là bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu hoặc người có quyền đối với vật chứng.

Như vậy, theo các quy định nói trên, việc hoàn trả tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu có hai trường hợp, trường hợp thứ nhất có thể do các do bị can, bị cáo trực tiếp thực hiện việc hoàn trả, trường hợp thứ hai việc hoàn trả tài sản thông qua cơ quan tiến hành tố tụng. Nếu như việc hoàn trả thông qua cơ quan tiến hành tố tụng, quy trình và hình thức pháp lý có thể thấy là rõ ràng từ thu hồi, bảo quản, sử dụng để chứng minh và hoàn trả. Nhưng sự hoàn trả một cách tự nguyện, trực tiếp giữa bị can, bị cáo với bị hại và các đương sự khác chưa có sự quy định về quy trình và hình thức pháp lý. Chúng tôi cho rằng, việc hoàn trả tự nguyện và trực tiếp là tích cực, nhưng khi đã khởi tố vụ án hình sự xâm phạm sở hữu thì sự hoàn trả tài sản tự nguyện và trực tiếp không chỉ thuần túy là việc thực hiện nghĩa vụ dân sự nữa mà liên quan trực tiếp đến việc xử lý trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Vì vậy nhất thiết nó phải được thực hiện theo một quy trình tố tụng có sự minh giám của cơ quan tiến hành tố tụng và được minh chứng bởi một hình thức pháp lý nhất định. Thiếu quy định cụ thể về quy trình nói trên chắc chắn là một trở ngại không những đối với việc giải quyết vấn đề dân sự mà còn đối với cả việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng có một số quy định về xử lý vật chứng chưa thực sự bảo vệ quyền lợi dân sự của đương sự. Chẳng hạn như Điểm a Khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 quy định: "*Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy*". Việc quy định xử lý vật chứng như trên

là chưa bao quát hết các trường hợp, nó chỉ phù hợp khi vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội và thuộc sở hữu của người phạm tội hoặc của đồng phạm. Còn đối với trường hợp người phạm tội chiếm hữu, sử dụng tài sản của người khác làm công cụ, phương tiện phạm tội mà chủ sở hữu không biết thì việc tịch thu nộp ngân sách hoặc tiêu hủy là không công bằng thậm chí xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của chủ thể khác. Cũng quy định về xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng BLTTHS của Liên bang Nga quy định cụ thể vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội của bị can thì mới bị tịch thu hay chuyển cho cơ quan có thẩm quyền hoặc tiêu hủy còn những vật chứng là tài sản, vật có giá trị khác kể cả lợi ích phát sinh từ tài sản bị chiếm hữu đều được trả lại cho chủ sở hữu [121, Điều 81]

***3.1.5. Quy định có tính chất bảo đảm việc bồi thường, hoàn trả tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu***

Giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng quan trọng và cốt lõi nhất là việc bồi thường và hoàn trả tài sản. Tuy nhiên, việc bồi thường có được thực thi trên thực tế hay không, việc hoàn trả tài sản có được thực hiện và thực hiện đúng hay không phụ thuộc vào các điều kiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đó. Khác với bồi thường thiệt hại và hoàn trả lại tài sản trong quan hệ dân sự thuần túy, ở đó các chủ thể có thể đã thỏa thuận trước về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ngay từ khi xác lập mối quan hệ [79, Mục 5]. Trong vụ án xâm phạm sở hữu cũng như trong các vụ án hình sự khác, sự thực hiện nghĩa vụ bồi thường và hoàn trả tài sản chỉ có thể được bảo đảm thông qua việc áp dụng các quy định về tạm giữ đồ vật, kê biên tài sản; phong tỏa tài khoản của chủ thể phạm tội gây ra thiệt hại; các quy định về giám định và định giá tài sản.

***- Quy định về tạm giữ đồ vật, kê biên tài sản***

Khi tiến hành điều tra, Điều tra viên có quyền tạm giữ đồ vật là vật chứng và các tài liệu có liên quan đến vụ án. Thực chất khi tạm giữ đồ vật tức là Điều tra viên thay mặt CQĐT tạm thời xác lập quyền chiếm hữu đối với đồ vật đồng thời tước bỏ quyền chiếm hữu thực tế đối với đồ vật của chủ sở hữu trong thời

gian tạm giữ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích về tài sản của chủ sở hữu và có thể gây ra những hệ lụy khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như trong xử lý vật chứng như những đồ vật tạm giữ bị hư hỏng, giảm sút giá trị sử dụng, bị mất mát, thậm chí xảy ra tranh chấp về đồ vật thu giữ giữa cơ quan tiến hành tố tụng với chủ sở hữu đồ vật hoặc người quản lý. Để bảo đảm tính khách quan trong quá trình tạm giữ đồ vật cũng như bảo vệ quyền lợi chính đáng của chủ sở hữu đồ vật, BLTTHS năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục tạm giữ đồ vật. Cụ thể là: Đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành trước mặt chủ đồ vật hoặc đại diện gia đình, đại diện chính quyền và người chứng kiến. Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu khi tiến hành khám xét phải được lập biên bản. Biên bản tạm giữ được lập thành bốn bản: một bản giao cho người chủ đồ vật, tài liệu; một bản đưa vào hồ sơ vụ án; một bản gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và một bản giao cho cơ quan quản lý đồ vật, tài liệu bị tạm giữ.

BLTTHS năm 2015 xác định việc kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định có thể bị tịch thu tài sản hoặc phạt tiền cũng như đối với người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Kê biên tài sản là biện pháp được áp dụng để tạo điều kiện cho việc giải quyết vấn đề dân sự, cụ thể là chủ thể có trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản để bảo đảm thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại trong vụ án hình sự.

BLTTHS quy định những chủ thể có quyền ra quyết định kê biên tài sản là Viện trưởng, phó Viện trưởng VKSND và Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, phó chánh án TAND và Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán giữ chức vụ chánh tòa, Phó chánh Tòa phúc thẩm TAND tối cao; Hội đồng xét xử; Thủ trưởng, phó thủ trưởng CQĐT các cấp. Khi tiến hành kê biên tài sản phải tuân thủ nguyên tắc chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại, trong trường hợp có thể bị tịch thu toàn bộ tài sản hoặc mức độ bồi thường lớn thì việc kê biên vẫn phải để lại một phần tư liệu

sinh hoạt tối thiểu cần thiết cho gia đình bị can, bị cáo có điều kiện sinh sống, chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu của bị can bị cáo hoặc người có trách nhiệm bồi thường. Tài sản kê biên được giao cho chủ sở hữu hoặc người thân thích của chủ sở hữu bảo quản, người bảo quản không được có hành vi tiêu dùng, chuyển nhượng, cất giấu, đánh tráo, hủy hoại tài sản đã kê biên. Nếu họ có những hành vi nói trên, họ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy kê biên tài sản là một biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự được áp dụng trong những trường hợp nhất định với những điều kiện cụ thể và nhằm mục đích bảo đảm việc thi hành hình phạt tiền, biện pháp tư pháp tịch thu tài sản mà Tòa án áp dụng đối với người phạm tội. Biện pháp này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc giải quyết việc bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, hành vi của người phạm tội thường gây ra những thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Việc kê biên tài sản của người phạm tội là một yếu tố quan trọng, là tiền đề bảo đảm việc thi hành trách nhiệm bồi thường (phần dân sự) trong bản án hình sự.

*- Quy định về phong tỏa tài khoản*

Biện pháp phong tỏa tài khoản được quy định tại Điều 129 BLTTHS năm 2015, theo đó chỉ áp dụng biện pháp này đối với người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền, tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại và có căn cứ xác định người đó có tài khoản tại tổ chức tín dụng hoặc kho bạc nhà nước. Ngoài ra, biện pháp này cũng có thể được áp dụng đối với tài khoản của người khác nếu có căn cứ cho rằng số tiền trong tài khoản đó liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, bị cáo. Theo quy định, chỉ phong tỏa số tiền trong tài khoản tương ứng với mức có thể bị tịch thu tài sản, mức phạt tiền hoặc mức bồi thường thiệt hại.

Có thể nói phong tỏa tài khoản là một biện pháp kê biên và tạm giữ tài sản đặc biệt, tài sản bị kê biên ở đây là số tiền trong tài khoản chứ không phải là các loại tài sản khác như vật, giấy tờ có giá. Chủ thể tạm giữ tài sản không phải là cơ quan tiến hành tố tụng mà là tổ chức tín dụng hoặc kho bạc quản lý tài khoản của người bị phong tỏa. Quy định về phong tỏa tài khoản trong TTHS là cơ sở pháp lý quan

trọng trong việc thi hành các bản án có hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản, bảo đảm việc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, việc phong tỏa tài khoản của bị can, bị cáo, người có liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, bị cáo không chỉ có ý nghĩa bảo đảm cho việc bồi thường những thiệt hại về tài sản mà hành vi phạm tội gây ra cho chủ sở hữu tài sản mà còn có ý nghĩa bảo đảm việc hoàn trả tài sản. Chẳng hạn như người phạm tội có hành vi chiếm đoạt tài sản sau đó bán tài sản đã chiếm đoạt được và gửi khoản tiền bán tài sản đó vào tài khoản cá nhân của mình. Lúc này việc phong tỏa tài khoản của họ sẽ bảo đảm việc hoàn trả tài sản (hoặc giá trị tài sản tương đương) cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

*- Quy định về giám định và định giá tài sản*

Trong quá trình giải quyết các vụ án xâm phạm sở hữu, việc xác định đúng tài sản, đúng giá trị của tài sản bị hành vi của người phạm tội xâm phạm không những có ý nghĩa quan trọng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn đóng vai trò then chốt đến việc giải quyết trách nhiệm dân sự của bị can, bị cáo. Xác định đúng tài sản và giá trị của tài sản bị chiếm đoạt, bị hủy hoại hoặc bị làm hư hỏng là cơ sở cho việc bồi thường những thiệt hại về tài sản và hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu, cho người quản lý hợp pháp. Trong vụ án xâm phạm sở hữu có những trường hợp để xác định đúng tài sản BLTTHS quy định bắt buộc phải giám định như tài sản bị chiếm đoạt là vàng, bạc, kim khí, đá quý, đồ cổ. Bên cạnh đó BLTTHS cũng xác định các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền tiến hành trưng cầu giám định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Thời hạn giám định tài sản trong các vụ án xâm phạm sở hữu theo quy định điểm c Khoản 1 Điều 208 là không quá 09 ngày, bị can, bị cáo, bị hại và các đương sự khác có quyền được cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền thông báo kết luận giám định đồng thời được trình bày ý kiến về kết luận giám định, có quyền yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại. Ngoài ra về trình tự, thủ tục cũng như quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giám định, cơ quan, tổ chức tiến hành giám định được quy định cụ thể trong luật giám định tư pháp năm 2012.



Trong quy định về các tội xâm phạm sở hữu, yếu tố giá trị tài sản bị xâm phạm là một trong những dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm trong nhiều tội. Vì vậy xác định giá trị tài sản bị xâm phạm có ý nghĩa quan trọng và mang tính bắt buộc để xác định hành vi xâm phạm tài sản của người khác có phạm tội hay không. Bên cạnh đó, việc định giá tài sản còn là căn cứ để xác định khung hình phạt, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội khi quyết định hình phạt, quyết định mức bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại về tài sản. Khoản 1 Điều 215 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Khi cần xác định giá trị tài sản để giải quyết vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định tài sản”*, cũng tại Điều này, Khoản 4 xác định: *“Việc yêu cầu định giá tài sản để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự”*. Theo sự dẫn chiếu này, nếu như bị hại hoặc các đương sự trong vụ án hình sự nói chung yêu cầu định giá để làm cơ sở giải quyết bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản thì việc định giá thực hiện theo quy định tại Điều 104 BLTTDS năm 2015, theo đó các đương sự có quyền cung cấp giá tài sản tranh chấp; thỏa thuận giá tài sản đang tranh chấp; thỏa thuận tổ chức thẩm định giá tài sản để thực hiện thẩm định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án.

Việc định giá tài sản được tiến hành bởi một Hội đồng định giá, thành lập Hội đồng định giá trong TTHS hiện nay được quy định cụ thể trong Nghị định số 26/2005/NĐ – CP của Chính phủ ngày 02/03/2005 và Thông tư số 55/TT - BTC của Bộ Tài chính ngày 22/6/2006 hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 26/2005/NĐ – CP. Thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự hiện nay được quy định cụ thể trong Khoản 4 Điều 104 BLTTDS năm 2015 và Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP-BTC hướng dẫn về định giá, thẩm định giá tài sản.

Những quy định của pháp luật về tạm giữ đồ vật, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, giám định và định giá tài sản không những là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chứng minh trong vụ án xâm phạm sở hữu mà còn có vai trò như biện pháp bảo đảm cần thiết cho giải

quyết các vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, đặc biệt là bồi thường thiệt hại và hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu, cho người quản lý hợp pháp tài sản. Điều này được thể hiện trong các quy định về điều kiện áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, giám định và định giá tài sản như chúng tôi đã phân tích ở trên. Nhìn chung, các quy định nói trên đã bao quát cả về trình tự, thủ tục và nội dung yêu cầu, thẩm quyền, địa vị pháp lý của các chủ thể khi tham gia vào các hoạt động kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, giám định và định giá tài sản. Bên cạnh đó có sự liên thông, chỉ dẫn tương thích giữa quy định của BLTTHS với các quy định của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn khác. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy còn có thiếu sót, bất cập, vướng mắc trong quy định nói trên cần phải có sự chỉnh lý, sửa đổi và hướng dẫn. Chẳng hạn như quy định mức tài sản kê biên, số tiền phong tỏa trong tài khoản tương ứng với mức bồi thường thiệt hại là rất khó định lượng đối với CQĐT. Chúng ta biết rằng giai đoạn điều tra cần phải áp dụng các biện pháp kê biên hoặc phong tỏa tài khoản mới kịp thời nhưng giai đoạn này cũng chưa thể xác định được mức bồi thường thiệt hại trong vụ án là bao nhiêu. Hoặc quy định giám định tài sản để giải quyết vấn đề dân sự thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự như Khoản 4 Điều 215 cũng là một bất cập. Bởi vì nếu thực hiện như quy định trên thì nhiều vụ án, đặc biệt là các vụ án xâm phạm sở hữu phải thực hiện hai quy trình định giá tài sản là định giá tài sản phục vụ việc “*giải quyết vụ án hình sự*”, quy trình này theo quy định của BLTTHS và định giá tài sản để phục vụ việc “*giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, quy trình này thực hiện theo quy định của BLTTDS.

### **3.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu**

#### ***3.2.1. Tình hình có liên quan đến thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu***

Trong những năm vừa qua, tình hình diễn biến của tội phạm xâm phạm sở hữu có diễn biến phức tạp. Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm và

công nghệ thông tin của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cho thấy số vụ án xâm phạm sở hữu luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các vụ án hình sự, số lượng bị can trong các vụ án xâm phạm sở hữu cũng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số bị can trong vụ án hình sự. Cụ thể từ trong hơn 10 năm từ năm 2005 đến hết tháng 6 năm 2016, số vụ án hình sự đã khởi tố trên phạm vi cả nước là 705.457 vụ, trong đó số vụ án xâm phạm sở hữu là 296.277 vụ, chiếm tỷ lệ 41,99% so với tổng số vụ án hình sự. Số lượng bị can trong vụ án hình sự là 1.092.784, trong đó số lượng bị can trong vụ án xâm phạm sở hữu là 403.972, chiếm tỷ lệ 36,96% tổng số bị can. Số liệu của từng năm cũng cho thấy số vụ án xâm phạm sở hữu chiếm luôn tỷ lệ cao: Năm 2005, tổng số các vụ hình sự xảy ra trên cả nước là 69.566 vụ, trong đó các tội phạm xâm phạm sở hữu là 30.666 vụ, chiếm 31,8%; năm 2006, tổng số 79.186 vụ, trong đó các tội xâm phạm sở hữu: 36.102 vụ, chiếm 45,59%; năm 2007 tỷ lệ các tội xâm phạm sở hữu trong tổng số vụ án hình sự chiếm 45,14%; năm 2008 các vụ xâm phạm sở hữu chiếm 46,96%; năm 2009 chiếm 45,03%; năm 2010 vụ chiếm 38,38%; năm 2011, chiếm 41,99%; năm 2012 chiếm 42,24%; năm 2013 chiếm 41%; năm 2014, chiếm 33,6%; năm 2015 tội phạm xâm phạm sở hữu chiếm 44,9% trong tổng số các vụ hình sự và 6 tháng đầu năm 2016 tội phạm xâm phạm sở hữu chiếm 41,8% (Số liệu cụ thể xem bảng biểu tại phụ lục bảng 1.1)

Những thiệt hại do tội phạm xâm phạm sở hữu gây là lớn, đặc biệt thiệt hại về tài sản có dấu hiệu gia tăng đột biến, theo thống kê của cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an, trong năm 2014 xảy ra 27.180 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị thiệt hại lên đến hơn 259 tỉ đồng, tăng 7,8% so với năm 2013[14, tr.3]. Qua nghiên cứu tình hình của tội phạm xâm phạm trật tự xã hội nói chung trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác qua các Báo cáo Tổng kết công tác năm của Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố, chúng tôi nhận thấy thiệt hại về tài sản do tội phạm xâm phạm sở hữu gây ra là rất đáng kể và chiều hướng tăng nhanh, ở TP. Hồ Chí Minh, nếu năm 2010 giá trị tài sản bị thiệt hại là trên 133,1 tỷ đồng, thì năm 2015 giá trị tài sản bị thiệt hại là trên 176,2 tỷ (xem phụ lục bảng 1.5). Nếu tính tổng số thiệt hại về tài sản

do tội phạm xâm phạm sở hữu gây ra trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh trong 5 năm từ 2010 đến 2015 là 862 tỷ đồng, nếu so sánh với tổng số thiệt hại trong giai đoạn 5 năm từ 2005 đến 2009 là 470 tỷ đồng thì thiệt hại về tài sản gia tăng với tỷ lệ cao 59%. Ở một số tỉnh, thành phố khác, thiệt hại do tội phạm xâm phạm sở hữu gây ra cũng trên hàng trăm tỷ đồng (Xem bảng phụ lục 1.6; 1.7 và 1.8). Từ tình hình, diễn biến nói trên cho thấy thực trạng vấn đề dân sự cần phải giải quyết trong các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu là rất lớn, đặc biệt là việc giải quyết hoàn trả tài sản và bồi thường thiệt hại. Mặt khác, trong những năm gần đây có nhiều vụ án xâm phạm sở hữu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, điển hình như vụ án Huỳnh Thị Huyền Như lừa đảo chiếm đoạt 4.911 tỷ đồng của các Ngân hàng, Công ty và cá nhân khác (năm 2014). Vụ án đã được đưa ra xét xử, trách nhiệm hình sự đã được cơ quan tiến hành tố tụng cơ bản giải quyết, nhưng vấn đề dân sự vẫn chưa giải quyết xong vì số tài sản phải bồi thường cho bị hại là rất lớn, trong khi số tài sản thu hồi của bị cáo (khoảng 500 tỷ) là không đáng kể so với tổng số thiệt hại [98]; Vụ án Vũ Quốc Hảo và đồng phạm phạm tội tham ô tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó riêng Bị cáo Đặng Văn Hai bằng hành vi gian dối đã chiếm đoạt 91 tỷ đồng của các bị hại; Vụ án Phạm Ngọc Vân, lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng Internet đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền 375.472 USD và hơn 5 tỷ đồng Việt Nam, tuy nhiên qua quá trình xác minh thu hồi tài sản của Phạm Ngọc Vân để phục vụ giải quyết hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại, Cơ quan điều tra nhận thấy Vân không còn tài sản gì khác ngoài khu đất ở Lộc Châu, Bảo Lộc, Lâm Đồng do Vân nhận chuyển nhượng để thực hiện dự án khai thác cát với giá trị đầu tư ban đầu là hơn 300 triệu đồng; Gần đây vụ án 58 kg vàng kém giả do đối tượng người Trung Quốc bán cho ông Nguyễn Ngọc Sơn (chủ tiệm vàng tại Biên Hòa, Đồng Nai) với trị giá 10 tỷ đồng. (hiện vụ án đang tiếp tục được điều tra). Tuy nhiên, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài, nên việc giải quyết vấn đề dân sự gặp rất nhiều trở ngại.

Như vậy, một thực trạng nữa khi việc giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu là không đủ điều kiện về tài sản để giải quyết vấn đề dân sự một cách dứt điểm.

Ngoài hậu quả về tài sản, những năm gần đây tội phạm xâm phạm sở hữu gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe ngày càng nghiêm trọng, điển hình như vụ Đào Thị Ngọc (năm 2010) cướp tài sản bằng thủ đoạn sử dụng thuốc gây mê dầu độc nạn nhân, ngoài hậu quả số lượng lớn tài sản của người bị hại bị chiếm đoạt, hành vi của Đào Thị Ngọc còn gây ra hậu quả làm chết 03 người và 15 người bị tổn hại nặng nề về sức khỏe, vụ án Nguyễn Hữu Nhân và Nguyễn Văn Thông cướp giết tài sản vào ngày 31/1/2014, với hành vi chạy xe phân khối lớn, tốc độ cao giật mạnh túi xách của nạn nhân khiến chị Hồ Thị Bích Trâm mất thăng bằng lao xe vào trụ đèn dẫn đến tử vong, người mẹ ngồi sau bị thương nặng tử vong trên đường cấp cứu. Vụ án Hồ Duy Trác và đồng bọn cướp tài sản năm 2012 bằng hành vi “chém để đe dọa” chiếm đoạt hơn 600 triệu đồng của các nạn nhân, gây thương tích nghiêm trọng đối với nhiều nạn nhân, điển hình như vụ cướp xe SH tại cầu Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh vào tối ngày 24/11/2012. Có thể nói trên phạm vi cả nước tội phạm hình sự nói chung trong đó có tội phạm xâm phạm sở hữu gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng và sức khỏe đối với nạn nhân. (Xem phụ lục 1.5 đến 1.8)

Qua phân tích số liệu tổng thể, nghiên cứu một số vụ án xâm phạm sở hữu điển hình, khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy tình hình, diễn biến của tội phạm xâm phạm sở hữu và thực trạng vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu trong những năm gần đây nổi lên một số vấn đề đáng lo ngại sau đây: *Thứ nhất*, diễn biến của tội phạm xâm phạm sở hữu có chiều hướng gia tăng, tính chất của hành vi phạm tội ngày càng mạnh động, nguy hiểm. Trong số các vụ án xâm phạm sở hữu thì án cướp tài sản, cướp giết tài sản, cưỡng đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và án trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao. *Thứ hai*, hậu quả thiệt hại của các vụ án xâm phạm sở hữu ngày càng lớn cả về thiệt hại tài sản lẫn thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. *Thứ ba*, vấn đề dân sự trong các vụ án hình sự xâm phạm sở hữu rất phức tạp, điều này thể hiện ở chỗ tài sản bị chiếm đoạt đa dạng, việc thu hồi tài sản để giải quyết việc hoàn trả, bồi thường rất khó khăn do tài sản bị trao đổi, mua bán nhiều lần, thậm chí đã bị chuyển ra nước ngoài, chủ thể là người bị hại, là nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan có số lượng

nhiều và đan xen nhiều mối quan hệ dân sự, thương mại rất phức tạp, điển hình như vụ án Vũ Quốc Hảo và đồng phạm phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tham ô tài sản, cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, có 03 cá nhân tổ chức là nguyên đơn dân sự, nhưng có đến 62 cá nhân, tổ chức là chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.[100]; Vụ án Đặng Trần Hoàng lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty Gia Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh có 08 bị hại và 14 chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Hoặc vụ án Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, có 15 cá nhân, tổ chức là chủ thể bị hại và là nguyên đơn dân sự, 85 cá nhân, tổ chức là chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [99]. *Thứ tư*, vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số vụ án hình sự có vấn đề dân sự cần phải giải quyết. Qua khảo sát ban đầu thấy rằng tại TP. Hồ Chí Minh, tỷ lệ vụ việc dân sự trong án hình sự chiếm khoảng 40,4% trong tổng số các vụ việc dân sự phải thi hành; ở Tỉnh Đồng Nai, tỷ lệ vụ việc dân sự trong án hình sự chiếm khoảng 32,1%; Tỉnh Bình Phước vụ việc dân sự trong án hình sự chiếm 34,5% trong tổng số vụ việc dân sự phải thi hành [39, Tr. 123]. Trong đó vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu luôn chiếm tỷ lệ cao.

### ***3.2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu***

#### ***3.2.2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật xác định tư cách chủ thể và đảm bảo quyền của bị hại, đương sự trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu***

Trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, nhìn chung CQĐT, các Điều tra viên đã áp dụng các quy định của BLTTHS, BLTTDS và các quy định khác có liên quan đến việc giải quyết vấn đề dân sự một cách cơ bản, dựa trên những căn cứ là tình tiết của vụ án, các quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và nghĩa vụ cơ bản của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự. Trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm sở hữu, một trong những đối tượng chứng minh quan trọng, mấu chốt là người bị hại và hậu quả thiệt hại. Thực tế các Điều tra viên đã áp dụng đúng quy định về bị hại trong BLTTHS để xác định cụ thể trong từng vụ án. Các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội

gây ra đều được xác định là bị hại, các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại một cách gián tiếp do hành vi phạm tội và họ có đơn yêu cầu được xác định là nguyên đơn dân sự. Trong quá trình điều tra, các Điều tra viên đều lấy lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng trình tự pháp luật tố tụng quy định, bảo đảm quyền tố tụng của họ, đặc biệt là quan tâm đến các thông tin do bị hại cung cấp liên quan đến loại tài sản, giá trị tài sản, các đặc điểm về tài sản bị xâm phạm và bị gây thiệt hại. Đối với những vụ án không rõ hoặc chưa xác định hết bị hại, CQĐT luôn thực hiện thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn để bị hại chủ động liên hệ với CQĐT, bảo vệ quyền lợi của mình. Kết quả điều tra cũng được CQĐT thông báo cho người bị hại và nguyên đơn dân sự mặc dù nội dung còn hạn chế và thường là xuất phát từ yêu cầu của bị hại, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu nhiều hồ sơ vụ án và khảo sát thực tế, tác giả thấy có nhiều vụ án việc xác định tư cách của các đương sự còn chung chung và thiếu thống nhất. Thực trạng này được phản ánh ở biên bản ghi lời khai và kết luận điều tra của cơ quan điều tra. Theo mẫu biên bản ghi lời khai ban hành theo quyết định 1351 của Bộ Công an luôn có mục yêu cầu ghi tư cách tham gia tố tụng nhưng thực tế nhiều biên bản ghi lời khai chỉ xác định tư cách chung chung là đương sự trong khi không ghi rõ tư cách cụ thể là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không ít hồ sơ vụ án xâm phạm sở hữu mà bản kết luận điều tra ghi gộp chung, liệt kê tư cách người tham gia tố tụng trước rồi ghi tên, thông tin cá nhân và lời khai của từng người mà không xác định rõ tư cách của từng người kèm theo lời khai của họ. Cách ghi như vậy không xác định được ai là bị hại, ai là người làm chứng, ai là nguyên đơn dân sự, ai là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc áp dụng quy định của pháp luật bảo vệ quyền của bị hại và đương sự thực tế cũng có những hạn chế nhất định như giải thích không đầy đủ về các quyền và nghĩa vụ của bị hại theo quy định của BLTTHS. Kết quả khảo sát ý kiến 452 Điều tra viên và cán bộ điều tra qua phiếu khảo sát cho thấy khi trả lời

câu hỏi: Khi lấy lời khai của bị hại và các đương sự khác, ông (bà) giải thích cho họ biết về quyền và nghĩa vụ ở mức độ nào thì có gần 40% chọn đáp án chỉ nêu một số quyền, nghĩa vụ cơ bản, trên 40% chọn đáp án có nêu và giải thích một số quyền và nghĩa vụ cơ bản và chỉ có 13% chọn đáp án giải thích cụ thể, đầy đủ (xem phụ lục số 4.1 – câu 6). Bên cạnh đó, quyền được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án cũng chưa được áp dụng một cách đầy đủ và toàn diện. Thực tế kết quả điều tra được thông báo cho bị hại, đương sự chủ yếu là trong trường hợp có yêu cầu và nội dung thông báo cũng chủ yếu là phần liên quan đến quyền lợi của bị hại, nguyên đơn dân sự [39, Tr.123]. Về quyền đưa ra mức bồi thường và biện pháp bảo đảm bồi thường của bị hại, nguyên đơn dân sự cũng không có sự quan tâm đúng mức trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy 63,49% trong tổng số 452 ý kiến của Điều tra viên, cán bộ điều tra được hỏi cho biết không hỏi bị hại về mức bồi thường thiệt hại mà chỉ hỏi về thiệt hại trực tiếp mà hành vi phạm tội gây ra, khi bị hại chủ động đưa ra mức yêu cầu bồi thường thì nhiều trường hợp không ghi đề nghị đó vào biên bản ghi lời khai (Xem phụ lục 4.1)

Nguyên nhân của hạn chế trong áp dụng quy định của pháp luật xác định tư cách chủ thể đương sự và bảo đảm quyền của họ trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm sở hữu theo chúng tôi chủ yếu là nguyên nhân chủ quan. Trước hết là tâm lý không coi trọng vai trò của đương sự trong quá trình điều tra, thậm chí có trường hợp còn cho rằng đương sự có trách nhiệm phục vụ quá trình điều tra. Nhận thức về mục đích của việc lấy lời khai bị hại, các đương sự của Điều tra viên bị định kiến là nhằm củng cố chứng cứ chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, xem nhẹ mục đích củng cố căn cứ pháp lý để giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, coi đó là trách nhiệm của TAND, không phải là trách nhiệm của CQĐT.

*3.2.2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường và hoàn trả tài sản trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Qua nghiên cứu thực tế chúng tôi nhận thấy rằng, trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT không giải quyết toàn diện quan hệ bồi



thường thiệt hại phát sinh trong vụ án mà chỉ áp dụng pháp luật xử lý một phần của quan hệ bồi thường thiệt hại giữa bị can với bị hại. Phần áp dụng pháp luật phục vụ giải quyết bồi thường thiệt hại của CQĐT chỉ dừng lại ở mức độ xác định và chứng minh căn cứ, điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án xâm phạm sở hữu, hoạt động này được kết hợp đồng thời với việc chứng minh hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi phạm tội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả thiệt hại cũng như chứng minh lỗi của người phạm tội. Việc áp dụng pháp luật xác định căn cứ và điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường là rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc giải quyết bồi thường. Tuy nhiên, một thực trạng mà chúng tôi nhận thấy, nhiều vụ án kết quả chứng minh hậu quả thiệt hại của CQĐT không đủ cơ sở để giải quyết bồi thường thiệt hại. Trong các vụ án xâm phạm sở hữu, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là đối tượng chứng minh mang tính bắt buộc bởi đây là yếu tố ảnh hưởng và liên quan đến việc xác định tội danh và xác định khung hình phạt. Đương nhiên việc bồi thường thiệt hại cũng phải trên cơ sở chứng minh thiệt hại thực tế mà hành vi phạm tội đã gây ra cho người bị hại hoặc nguyên đơn dân sự. Nhưng mức độ chứng minh thiệt hại để phục vụ cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự khác với mức độ chứng minh thiệt hại phục vụ cho việc bồi thường thiệt hại. Nếu hành vi phạm tội trong vụ án xâm phạm sở hữu gây thiệt hại về tài sản, CQĐT chỉ cần chứng minh những thiệt hại trực tiếp (giá trị tài sản bị chiếm đoạt, bị mất mát, bị hư hỏng) là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự (xác định hành vi có cấu thành tội phạm hay không, thuộc cấu thành tăng nặng hay giảm nhẹ). Đối với những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, CQĐT, Điều tra viên chỉ cần chứng minh hậu quả thiệt hại ở mức độ số lượng người bị chết và tỷ lệ tổn hại sức khỏe (thông qua giám định pháp y) là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Chính vì vậy, một thực tế là CQĐT, Điều tra viên thường ít quan tâm đến những thiệt hại gián tiếp về tài sản như thu nhập phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tài sản mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đáng lẽ được thụ hưởng nếu không có hành vi phạm tội xâm phạm, những chi phí ngăn chặn, giảm bớt thiệt hại, chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả về tài

sản mà người chủ sở hữu bỏ ra. Những thiệt hại phái sinh khác từ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cũng không được quan tâm đúng mức như chi phí cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc, thu nhập bị mất.v.v.. Từ thực trạng trên dẫn đến việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án xâm phạm sở hữu cũng gặp những khó khăn nhất định. Về mặt nguyên tắc, thiệt hại phải được bồi thường kịp thời và đầy đủ, tức là người bị thiệt hại phải được bồi thường cả những thiệt hại trực tiếp và cả những thiệt hại gián tiếp. Tuy nhiên thực tế CQĐT, các Điều tra viên chỉ chứng minh những thiệt hại trực tiếp nên việc giải quyết yêu cầu bồi thường ở giai đoạn này là không đủ cơ sở và cũng không thể giải quyết bồi thường một cách triệt để được.

Thực trạng trên là do trong hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT, các Điều tra viên chỉ tập trung điều tra, chứng minh người phạm tội và hành vi phạm tội, chưa có sự quan tâm đúng mức đến việc điều tra, chứng minh các vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án. các Điều tra viên thường cho rằng, những thiệt hại gián tiếp họ không có trách nhiệm chứng minh, đó là trách nhiệm của TAND khi xét xử vụ án và là trách nhiệm của người bị hại hoặc nguyên đơn khi yêu cầu bồi thường. Qua phân tích 452 phiếu điều tra khảo sát đối với Điều tra viên, khi trả lời câu hỏi “Ông (bà) có quan tâm đến những thiệt hại gián tiếp của người bị hại trong điều tra vụ án xâm phạm sở hữu” cho kết quả cho thấy trên 65% trả lời ít quan tâm hoặc không quan tâm (Xem phụ lục 4.1). Mặt khác, CQĐT cũng như Điều tra viên không có chức năng, trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại giữa người phạm tội với bị hại và các nguyên đơn, vì vậy, trong quá trình điều tra vụ án, việc bồi thường giữa họ chủ yếu là tự giác, ít thấy sự tác động của chủ thể tiến hành tố tụng ở giai đoạn này.

Trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT, Điều tra viên áp dụng các quy định của pháp luật để hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản còn có những bất cập nhất định. Như đã phân tích, trong vụ án xâm phạm sở hữu, tài sản mà CQĐT thu giữ thông thường là vật chứng của vụ án, vì vậy việc hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản (có thể họ đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc

người có quyền lợi liên quan) chính là hoạt động xử lý vật chứng của CQĐT. Việc xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra được BLTTHS năm 2015 qui định tại Điều 106, theo đó CQĐT quyết định xử lý vật chứng nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra hoặc trong trường hợp không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, thi hành án thì CQĐT trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng, đối với các vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra, nếu vật chứng là tài sản không thuộc diện hàng cấm lưu hành và xác định rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì CQĐT trả lại ngay vật chứng là tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Như vậy, việc áp dụng pháp luật tố tụng để xử lý tài sản như trên của CQĐT là đúng đắn và bảo đảm lợi ích của chủ thể có tài sản bị thu giữ. Tuy nhiên, đối với việc áp dụng qui định về *“trả ngay vật chứng là tài sản cho người chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án”* thì vẫn còn có những hạn chế nhất định. Qua khảo sát điển hình 100 vụ án trộm cắp tài sản và 100 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chúng tôi nhận thấy rằng, trong những vụ án trộm cắp tài sản thông thường vật chứng tài sản của người bị hại bị hành vi phạm tội chiếm đoạt được CQĐT xem xét trả lại cho người bị hại ngay ở giai đoạn điều tra vụ án, nhưng trong những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì việc CQĐT trả lại tài sản cho người bị hại trong giai đoạn điều tra rất hạn chế, thường là khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án sang VKSND, CQĐT chuyển toàn bộ biên bản thu giữ và những giấy tờ liên quan đến vật chứng, tài sản bị kê biên, tạm giữ để VKSND quyết định có trả lại hay không. Chẳng hạn như vụ án Tôn Văn Hoàng lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bằng thủ đoạn lợi dụng đã từng là cai thầu xây dựng và từng có quan hệ làm ăn với Công ty sơn Ngọc Vân, Hoàng đã đề nghị Công ty Ngọc Vân bán sơn và dụng cụ sơn để thực hiện công trình và sẽ thanh toán sau, nhưng thực chất Hoàng không có công trình xây dựng nào, Hoàng mua sơn rồi đem bán lại cho các cửa hàng bán sơn lẻ khác trên địa bàn tỉnh Long An, chiếm đoạt số tiền của Công ty Sơn Ngọc Vân hơn 100 triệu đồng. Trong vụ án này Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Tân An, Công an tỉnh Long An đã làm rõ hành vi lừa đảo của Hoàng

và tạm giữ chiếc xe mà Hoàng sử dụng làm phương tiện phạm tội, tuy nhiên sau khi xác minh chiếc xe mang biển số 62F9-9513 không thuộc sở hữu của Hoàng mà thuộc sở hữu của chị Phan Thị Thanh Tâm. Khi kết thúc điều tra, CQĐT chuyển hồ sơ vụ án sang VKSND đề nghị truy tố nhưng vẫn tạm giữ chiếc xe mặc dù việc trả lại chiếc xe này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Một thực trạng nữa ảnh hưởng đến hoàn trả tài sản trong giai đoạn điều tra là nhiều vụ án xâm phạm sở hữu, quá trình điều tra không thu hồi được tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt, thậm chí không xác định được bị hại. Thực tế này không chỉ gây nhiều khó khăn cho hoạt động chứng minh tội phạm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc buộc hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Như chúng ta đã biết, trong các tội xâm phạm sở hữu, phần lớn là các tội có tính chất chiếm đoạt, vì vậy việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt không những có giá trị chứng minh hành vi phạm tội, người phạm tội mà còn để thực hiện giải quyết vấn đề dân sự quan trọng là hoàn trả lại tài sản cho chủ thể bị chiếm đoạt. Qua nghiên cứu thực tế, chúng tôi nhận thấy nhiều vụ cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... mặc dù CQĐT đã rất quyết tâm nhưng không thu hồi được tài sản. Điển hình như vụ án Hồ Duy Trú cùng đồng bọn phạm tội cướp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Hồ Duy Trú và đồng bọn đã gây 17 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt 19 chiếc xe máy các loại khác nhau, nhưng CQĐT chỉ thu hồi được 03 chiếc trả lại cho chủ sở hữu, 16 chiếc không thu hồi được. Cũng trong vụ án này có 03 vụ không xác định được bị hại, mặc dù CQĐT Công an TP. Hồ Chí Minh đã thông báo nhiều lần. (Theo bản kết luận điều tra vụ án Hồ Duy Trú và đồng bọn – can tội cướp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tàng trữ mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Số 39/KLĐT-PC45 - Đ7)

Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng nói trên là:

- Tài sản trong các vụ án lừa đảo thường liên quan đến nhiều chủ thể có mối quan hệ dân sự phức tạp nên việc xác minh chủ thể là chủ sở hữu, người

quản lý hợp pháp mất rất nhiều thời gian, trong khi đó giai đoạn điều tra chỉ có thời hạn nhất định theo quy định của luật tố tụng.

- Người phạm tội ngày càng có nhiều thủ đoạn tinh vi trong tẩu tán, tiêu thụ tài sản sau khi phạm tội như làm giấy tờ giả, hồ sơ giả để bán tài sản, tháo dỡ tài sản đồng bộ để lấy phụ tùng đem đi tiêu thụ, tạo đường dây để vận chuyển tài sản do phạm tội mà có sang nước ngoài tiêu thụ. Thực tế công tác điều tra, đấu tranh với tội phạm xâm phạm sở hữu đã phát hiện tội phạm tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có mang tính tổ chức, cấu kết thành những đường dây quy mô lớn vận chuyển tài sản sang Campuchia tiêu thụ như vụ án Trần Văn An và đồng phạm đã vận chuyển sang Campuchia tiêu thụ 40 xe mô tô do chính An và các đồng phạm trộm cắp và thu gom từ các đối tượng trộm cắp từ Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đã phải lập chuyên án mới có thể triệt phá được đường dây quy mô lớn này.

- Các hành vi phạm tội trong các vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ với hình thức mang tính “truyền thống” như trước đây mà còn biến thể với nhiều hình thức tinh vi khác như sử dụng Internet và mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản (như gần đây có tình trạng công khai rao bán tiền giả với số lượng lớn và mức giá hấp dẫn trên mạng Facebook, sau khi nhận được tiền thật để giao dịch, đối tượng lập tức cắt liên lạc, tiến hành rút tiền để chiếm đoạt); sử dụng các thẻ ngân hàng giả để rút tiền tại các cây ATM, đặc biệt là thủ đoạn móc nối, thông đồng với các đối tượng là chủ đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ (POS) để thực hiện hành vi thanh toán khống qua máy POS, chiếm đoạt tiền, chia nhau; xâm nhập tài khoản email của doanh nghiệp, thay đổi thông tin người nhận tiền để chiếm đoạt số tiền do đối tác của doanh nghiệp gửi thực hiện hợp đồng; giả danh cán bộ ngân hàng, nhân viên cung cấp dịch vụ viễn thông, giả mạo số điện thoại... Với những hình thức hành vi và thủ đoạn thực hiện hành vi nói trên làm cho nỗ lực truy tìm và thu hồi tài sản của CQĐT trở nên rất khó khăn và ít hiệu quả.

- Bên cạnh đó, cũng có nguyên nhân chủ quan là trong một số vụ án, Điều tra viên chưa kịp thời đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền ra lệnh khám xét và tổ chức tiến hành khám xét kịp thời để phát hiện và thu hồi tài sản. Vì vậy tạo thời gian để người phạm tội thực hiện hành vi tẩu tán và tiêu thụ tài sản.

Như vậy, không ít những vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT không truy tìm, thu hồi được tài sản hoặc chỉ thu hồi được một phần tài sản là một thực tế. Thực tế này do người phạm tội chủ động tìm cách cất giấu, tiêu thụ một cách tinh vi, hình thức và thủ đoạn thực hiện việc chiếm đoạt mang tính “công nghệ cao” và một phần là do CQĐT chưa kịp thời trong việc áp dụng pháp luật để thực hiện các biện pháp truy tìm và thu hồi tài sản. Thực tế này cần phải được khắc phục bởi nó không những gây khó khăn trong việc chứng minh, truy cứu trách nhiệm hình sự mà công tác giải quyết vấn đề dân sự trong giai đoạn điều tra cũng gặp nhiều trở ngại.

*3.2.2.3. Thực tiễn áp dụng quy định về biện pháp bảo đảm bồi thường, hoàn trả tài sản, quy định trưng cầu giám định, định giá tài sản trong điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Trong hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT khi tiến hành các biện pháp thu hồi, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS. Việc áp dụng các biện pháp nói trên đã đáp ứng tốt yêu cầu chứng minh tội phạm xâm phạm sở hữu, còn đối với yêu cầu bảo đảm cho việc bồi thường, hoàn trả tài sản trong vụ án xâm phạm sở hữu chúng tôi nhận thấy thực tế vẫn còn một số vấn đề cần phải cải thiện. Thứ nhất, trong nhiều vụ án cướp tài sản, cướp giật tài sản, công nhiên chiếm đoạt, trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản mà chúng tôi nghiên cứu, một điều dễ nhận thấy là CQĐT, Điều tra viên thường chỉ tập trung đến việc đấu tranh với người phạm tội để truy tìm và thu hồi tài sản mà người phạm tội đã chiếm đoạt, chứng minh đến giá trị tài sản bị hủy hoại hoặc làm hư hỏng, ít khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế để có sự bảo đảm về mặt tài sản cho giải quyết vấn đề dân sự như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản. Điều này dẫn đến hệ quả là nhiều vụ án đã được xét xử, phần dân sự là việc bồi

thường cũng đã được Tòa án giải quyết trong bản án nhưng vẫn không thực hiện được vì lúc này bị cáo không có tài sản để bồi thường (không đủ điều kiện để thi hành phần dân sự trong bản án hình sự). *Thứ hai*, trong những vụ án lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, khảo sát thực tế chúng tôi thấy CQĐT đã chủ động áp dụng các biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản và đem lại hiệu quả tích cực đối với việc bảo đảm thực thi phần dân sự trong bản án. Tuy nhiên thực trạng áp dụng các biện pháp này vẫn còn những hạn chế nhất định như kê biên tài sản không liên quan đến vụ án (thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của người khác), thực trạng này dẫn đến việc khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử phải quyết định hủy bỏ nhiều lệnh kê biên tài sản của CQĐT.

Có nhiều vụ án mà chúng tôi nghiên cứu để minh chứng cho thực trạng trên, điển hình như vụ án Phạm Thanh Tân, sinh năm 1962, phạm tội cướp tài sản, giết người tại Bình Dương. Trong vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tỉnh Bình Dương đã chứng minh hành vi phạm tội của Phạm Thanh Tân thu hồi được chiếc điện thoại và số tiền mà Tân chiếm đoạt của nạn nhân Nguyễn Thị Hồng Hạnh, nhưng không áp dụng biện pháp cưỡng chế bảo đảm bồi thường dân sự. Trong khi điều tra, đại diện gia đình bị hại yêu cầu bị can Tân bồi thường thiệt hại và khi xét xử Tòa án tuyên buộc bị cáo bồi thường cho 174.000.000 đồng, nhưng khi bản án có hiệu lực, bị cáo Tân thi hành án phạt tù, gia đình người bị hại vẫn chưa được bồi thường; vụ án Huỳnh Thị Huyền Như, nhiều biện pháp cưỡng chế được CQĐT áp dụng nhưng số tiền thu giữ không đáng kể với số thiệt hại mà bị cáo gây ra, không những thế nhiều lệnh kê biên tài sản áp dụng không đúng căn cứ, trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử đã hủy bỏ 05 lệnh kê biên tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an, trả lại tài sản cho các chủ thể sở hữu và chủ thể có quyền quản lý hợp pháp các tài sản bị kê. Trong vụ án Vũ Quốc Hảo và đồng phạm phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tham ô tài sản, cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hủy 02 lệnh kê biên tài sản của Cơ quan

Cảnh sát điều tra Bộ Công an. Một điều mà chúng tôi nhận thấy rằng, trong các vụ án nói trên, những tài sản bị kê biên trong lệnh kê biên bị hủy bỏ đều là những tài sản có giá trị lớn, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của các chủ thể bị kê biên tài sản. Lý do áp mà Hội đồng xét xử hủy bỏ lệnh là những tài sản bị kê biên chưa có tài liệu chứng minh có liên quan đến vụ án.

Về trung cầu giám định, định giá tài sản trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, chúng tôi nhận thấy, CQĐT áp dụng đúng các quy định về điều kiện, trình tự về trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản. Qua trao đổi trực tiếp với nhiều đồng chí là Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra, chúng tôi ghi nhận một bất cập là nhiều vụ án việc định giá không bảo đảm thời hạn theo yêu cầu của CQĐT. Qua kết quả phân tích phiếu điều tra, chúng tôi cũng nhận được phản ánh tương tự, có trên 60% trong tổng số 452 ý kiến được hỏi cho rằng việc định giá theo yêu cầu của CQĐT chưa bảo đảm về thời hạn theo yêu cầu (Xem phụ lục 4.1 – 26). Cũng theo các chuyên gia mà chúng tôi trao đổi trực tiếp, nguyên nhân chính của thực trạng trên là quy định của luật TTHS về thời hạn định giá không có tính ràng buộc trách nhiệm đối với Hội đồng định giá. Cơ chế phối hợp giữa CQĐT với Hội đồng định giá chưa có đầu mối chỉ đạo thường xuyên.

### ***3.2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu***

#### ***3.2.3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật xác định tư cách chủ thể và đảm bảo quyền của bị hại, đương sự trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu***

Trong giai đoạn truy tố vụ án xâm phạm sở hữu, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong đó có bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự thể hiện trong nội dung bản cáo trạng của VKSND, qua nội dung kiến nghị xử lý phân dân sự trong vụ án. Về cơ bản VKSND các cấp áp dụng đúng quy định về bị hại và các đương sự trong xác định tư cách tham gia tố tụng của họ. Mặc dù vậy, vẫn có những trường hợp xảy ra sai sót, nhầm lẫn, chưa thống nhất trong xác định tư cách của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền



lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Thực tế này xuất phát từ việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, Viện Kiểm sát chủ yếu dựa vào các quyết định tố tụng của CQĐT như biên bản ghi lời khai, kết luận điều tra mà trong các quyết định tố tụng nói trên không ít trường hợp xác định nhầm lẫn và thiếu thống nhất như chúng tôi phân tích ở phần 3.2.2.1. Mặt khác, một số trường hợp hình thức thể hiện tư cách người tham gia tố tụng trong cáo trạng, quyết định truy tố của Viện kiểm sát cũng thiếu nhất quán, như: Cáo trạng có thể hiện tên, tư cách tham gia tố tụng của một người, nhưng danh sách những người được đề nghị triệu tập ra Tòa lại ghi không trùng khớp với tư cách của người đó thể hiện trong nội dung bản cáo trạng.

Trong các cơ quan tiến hành tố tụng, TAND với thẩm quyền và chức năng của mình là chủ thể áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự một cách đầy đủ và toàn diện nhất. Quá trình giải quyết vấn đề dân sự trong xét xử được thực hiện ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định tư cách chủ thể để triệu tập đến tòa được thực hiện trong giai đoạn này. Qua nghiên cứu các hồ sơ vụ án và quan sát thực tế tại nhiều phiên xét xử, chúng tôi nhận thấy rằng về cơ bản các quy định về bị hại, về đương sự trong BLTTHS được áp dụng một cách đúng đắn, các quyền lợi cơ bản của bị hại, của đương sự được bảo vệ, các Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xem xét kỹ lưỡng các tình tiết trong hồ sơ vụ án làm cơ sở để áp dụng quy định xác định tư cách bị hại, các đương sự và triệu tập họ đến phiên tòa, các yêu cầu của bị hại, đương sự đưa ra được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật TTHS và các luật khác có liên quan. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực nói trên, việc áp dụng pháp luật xác định tư cách bị hại và tư cách các đương sự khác cũng như việc bảo đảm quyền lợi cho họ trong quá trình xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu vẫn còn một số hạn chế, tồn tại nhất định. Đó là:

*- Xác định thiếu người tham gia tố tụng là bị hại, đương sự trong vụ án*

Người tham gia tố tụng là bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có vai trò quan trọng trong giải quyết vấn đề dân sự. Tình trạng xác định chưa đủ số bị hại, xác định thiếu người có quyền, nghĩa vụ liên

quan là một thực tế trong quá trình xét xử của không ít vụ án xâm phạm sở hữu. Nhiều vụ án cướp tài sản có nhiều bị hại nhưng khi đưa ra xét xử không xác định và triệu tập hết bị hại, có những vụ án cướp giết tài sản, xe máy mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội đứng tên chủ sở hữu là người khác do bị cáo mua lại nhưng do chưa trả đủ tiền theo hợp đồng nên chưa được sang tên nhưng Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [86, tr.2]. Thực tế này dẫn tới việc giải quyết các vấn đề dân sự trong vụ án chưa thực sự khách quan và toàn diện, thậm chí giải quyết không đúng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người tham gia tố tụng. Ví dụ như trong vụ án Lữ Thị Liên phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Năm 2001, Lữ Thị Liên giả chữ ký của chồng là Hà Văn San để chuyển nhượng 71,7m<sup>2</sup> đất trong diện tích 147m<sup>2</sup> của hai vợ chồng (đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 654076 ) cho ông Phan Văn Hòa với số tiền 120 triệu đồng nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, sang tên. Sau đó Liên cấu kết với Nguyễn Thị Vy, đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 147m<sup>2</sup> đi thế chấp ngân hàng cùng với nhiều thủ đoạn gian dối như giả chữ ký của ông San, nâng không giá trị thẩm định để được vay 922.000.000 đồng của ngân hàng VPBank chi nhánh Phú Thọ. Ngày 23/9/2010, TAND tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Lữ Thị Liên 5 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, về phần trách nhiệm dân sự và xử lý tài sản Tòa án buộc trả lại cho ông Nguyễn Văn Hòa 71,7m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận số W 654076. Ông Phan Văn Hòa có trách nhiệm xuất trình giấy tờ mua bán quyền sử dụng đất với Cục Thi hành án dân sự và cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật. Số đất còn lại được tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho Ngân hàng VPBank chi nhánh Phú Thọ [101]. Ngày 5/3/2013, ông Hà Văn San (chồng của bị cáo Liên) đã gửi đơn khiếu nại giám đốc thẩm phần đất liên quan đến ông mà Tòa án tuyên trong phần dân sự của bản án. Nhận thấy khiếu nại của ông Hà Văn San là có cơ sở pháp lý, ngày 18/10/2013, Chánh án TAND tối cao đã có kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2013/KN - HS đề nghị hủy phần dân sự liên quan đến diện tích đất nói trên.

Ngày 18/12/2013, Tòa Hình sự TAND tối cao đã ra quyết định giám đốc thẩm số 35/2013/HS- GĐT, theo đó quyết định chấp nhận kháng nghị.

Như vậy, trong vụ án trên, khi xét xử sơ thẩm, TAND tỉnh Phú Thọ đã sai lầm khi không xác định ông Hà Văn San là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, đây chính là trường hợp xác định thiếu người tham gia tố tụng, do vậy dẫn đến việc áp dụng pháp luật để xử lý vấn đề dân sự trong vụ án là không chính xác, không khách quan dẫn đến quyền lợi của ông Hà Văn San không những không được bảo vệ mà còn bị xâm phạm.

*- Xác định không đúng tư cách chủ thể tham gia tố tụng của bị hại và đương sự trong vụ án*

Xác định không đúng tư cách chủ thể tham gia tố tụng được phản ánh thông qua việc Tòa án triệu tập các chủ thể là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Có những vụ án, Tòa án áp dụng chưa đúng quy định về chủ thể tham gia tố tụng nên triệu tập không đúng tư cách chủ thể, chẳng hạn một tổ chức bị thiệt hại, dù họ chưa có đơn yêu cầu gửi đến Cơ quan tiến hành tố tụng nhưng Tòa án vẫn xác định tổ chức đó là nguyên đơn dân sự. Điển hình như vụ án Nguyễn Lâm Thái phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và một số tội khác. Trong vụ án này Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) được xác định tư cách nguyên đơn dân sự, nhưng trong phiên tòa xét xử, đại diện của VNPT là ông Phan Hòa Đức (phó tổng giám đốc VNPT) cho biết VNPT chưa hề làm đơn gửi Tòa để yêu cầu được bồi thường thiệt hại và VNPT cũng chưa xác định được thiệt hại, con số thiệt hại 47 tỷ đồng là do Cơ quan có thẩm quyền tố tụng xác định và VNPT tin tưởng vào con số đó. Khi bị chủ tọa phiên tòa truy vấn “VNPT là nguyên đơn dân sự thì phải biết thiệt hại của mình là bao nhiêu chứ?” Ông Đức trả lời: “Chúng tôi có thông tin thiệt hại trên cáo trạng và tin tưởng số liệu đó là đúng, cụ thể thế nào chúng tôi không xác định được mà chỉ chờ phán quyết của Tòa”. [39, Tr. 128] Như vậy, Tòa án đã xác định không đúng tư cách chủ thể tham gia tố tụng của VNPT do áp dụng không đầy đủ quy định về nguyên đơn dân sự tại Khoản 1 Điều 51 BLTTHS năm 2003. Theo đó, nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại

do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại. VNPT không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, đương nhiên họ không mặc nhiên có tư cách nguyên đơn dân sự, vì vậy theo chúng tôi, trường hợp trên VNPT có thể có tư cách bị hại chứ không phải là nguyên đơn dân sự của vụ án.

Việc xác định thiếu, xác định sai tư cách chủ thể của bị hại, đương sự trong vụ án là việc áp dụng pháp luật về bị hại, về đương sự không đúng. TAND tối cao gọi đây là tình trạng sai lầm trong việc xác định tư cách chủ thể tố tụng là bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình xét xử vụ án [88]. Nguyên nhân cơ bản của thực tình trạng sai lầm trong xác định bị hại và các đương sự nói trên theo chúng tôi là do các cơ quan tiến hành tố tụng chủ quan, không xác định và xác minh rõ các quan hệ dân sự đã được xác lập giữa bị can, bị cáo với những chủ thể khác mà có thể có liên quan đến vụ án mà mình đang xem xét, giải quyết.

*- Vẫn còn tình trạng quyền tham gia phiên tòa của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa được bảo đảm.*

Quyền tham gia phiên tòa xét xử công khai của những bị hại, đương sự là rất quan trọng, bởi vì từ quyền này, các quyền tố tụng khác mới được bảo đảm thực hiện như quyền đưa ra yêu cầu chính đáng khác liên quan đến mình (yêu cầu bồi thường thiệt hại, mức bồi thường cụ thể, các biện pháp bảo đảm việc bồi thường...), quyền lập luận, tranh luận, kháng cáo...Đương nhiên quyền tham gia phiên tòa chỉ có thể được thực hiện trên thực tế khi có giấy triệu tập của TAND. Thực tế cho thấy, vẫn còn có trường hợp khi xét xử vụ án xâm phạm sở hữu, Tòa án không xem xét kỹ lưỡng việc triệu tập và sự có mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có vụ án, bị hại kháng cáo vì không được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại. Ví dụ như vụ án Lê Văn Hoàng và Phạm Hồng Sơn phạm tội trộm cắp tài sản, Hoàng và Sơn (là nhân viên quản lý kho văn phòng phẩm cho chủ sở hữu là bà Thảo) đã đánh thêm chìa khóa và lén lút lấy tài sản trong kho đem ra bên ngoài bán, Hoàng và Sơn đã thực hiện 20 lần và chiếm đoạt số tài sản khoảng 100 triệu đồng thì bị phát hiện, bắt giữ. TAND Quận 6, TP. Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra

xét xử mà không có sự tham gia của bị hại, Bản án hình sự sơ thẩm tuyên phạt Hoàng 03 năm tù, Sơn 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, về phần dân sự, bản án tuyên Hoàng và Sơn phải bồi thường cho bị hại là 100 triệu đồng. Sau đó Bị hại đã kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tăng hình phạt đối với 02 bị cáo, về phần dân sự, bị hại yêu cầu hai bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại là 632 triệu đồng chứ không phải mức 100 triệu đồng như Tòa án tuyên. Đồng thời bị hại cũng cho biết, trong suốt quá trình điều tra, CQĐT không hề yêu cầu bị hại cung cấp tài liệu chứng minh thiệt hại, không tổ chức đối chất với bị cáo để xác định thiệt hại của bị hại. Nhận thấy việc không có sự tham gia của bị hại trong phiên xét xử sơ thẩm trong vụ án trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị hại, ngày 18/9/2012, TAND TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy toàn bộ án sơ thẩm của TAND Quận 6 [71].

Có vụ án chính bị cáo kháng cáo kêu oan, Tòa án cấp trên mới phát hiện tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã không triệu tập bị hại tham gia, trong khi giữa lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại trong hồ sơ vụ án có nhiều mâu thuẫn và ngay tại phiên tòa sơ thẩm, luật sư của bị cáo yêu cầu hoãn phiên tòa để triệu tập bị hại nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiếp tục xét xử. Vụ án Nguyễn Minh Sang phạm tội trộm cắp tài sản tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là một ví dụ: Nguyễn Minh Sang bị truy tố về tội trộm cắp tài sản của chính ông nội và chú ruột. Trong quá trình điều tra, Sang luôn kêu oan và cho rằng những tài sản là vật chứng được CQĐT thu giữ không phải do Sang chiếm đoạt. Còn các bị hại thì cho rằng số tài sản bị mất là đồng hồ, vàng, được họ tìm thấy ở chính nhà Sang và đem nộp cho Công an, họ yêu cầu Sang phải bồi hoàn. Trong phiên xét xử sơ thẩm, TAND huyện Châu Thành đã không triệu tập các bị hại để tham gia phiên Tòa. Xét thấy đây là sai sót nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính khách quan của vụ án, tháng 5/2012, TAND Tiền Giang đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Năm 2012, TAND TP. Hồ Chí Minh cũng phải ra quyết định hủy toàn bộ một bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do Tòa án sơ thẩm không triệu tập người có quyền lợi liên quan đến vụ án để họ trình bày, đối chất tại phiên Tòa, Tòa án

chỉ dựa vào lời khai của họ tại CQĐT để làm căn cứ buộc các bị cáo bồi thường, do vậy không bảo đảm tính khách quan trong quá trình giải quyết vấn đề dân sự liên quan đến vụ án [71].

Như vậy, thực trạng bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm sở hữu vẫn còn xảy ra, mặc dù không đến mức độ phổ biến và chủ yếu tồn tại ở TAND cấp huyện. Thực trạng này chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân chủ quan, xem nhẹ quyền tham gia phiên Tòa và ý kiến của họ khi xét xử. Mặt khác, Tòa án thường cho rằng mục đích chính khi tham gia phiên tòa của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là yêu cầu bồi thường và yêu cầu này đã rõ trong đơn và trong lời khai của họ tại hồ sơ điều tra.

*- Việc áp dụng quy định của pháp luật để bảo đảm quyền tranh luận tại phiên tòa của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xâm phạm sở hữu chưa thống nhất.*

Qua quan sát thực tế một số phiên tòa xét xử vụ án xâm phạm sở hữu, chúng tôi nhận thấy có những vụ án, Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị hại, nguyên đơn dân sự tranh luận, đối đáp về cả việc truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như với việc đánh giá, xác định thiệt hại. Nhưng cũng có nhiều vụ án, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ít được tranh luận về đánh giá thiệt hại cũng như những yêu cầu dân sự khác như một bên tranh tụng, thực tế họ thường chỉ trình bày về mức độ thiệt hại khi được chủ tọa hỏi về yêu cầu bồi thường. Nhiều vụ án, khi xét xử Tòa án không dành thời gian cho đương sự trình bày ý kiến hoặc không cho trình bày hết ý kiến, thậm chí không xét hỏi ở giai đoạn trước đó. Đây là những vi phạm về thủ tục tố tụng và tinh thần của tranh tụng tại phiên tòa [57]. Trong phần tranh luận, một tình trạng phổ biến là “chủ tọa phiên Tòa thường chỉ quan tâm đến việc đối đáp giữa Kiểm sát viên với người bào chữa và bị cáo, còn đối với người khác rất ít quan tâm.” [127, Tr.135]

Quyền tranh luận tại phiên tòa là một quyền tố tụng của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được BLTTHS quy định. Nhưng thực tế việc bảo đảm quyền này trong giai đoạn xét xử của

TAND còn hạn chế. Điều này không những ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng, đúng đắn của bản án mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của những đương sự nói trên, đặc biệt là những quyền lợi dân sự trong vụ án. Vì thế, việc không bảo đảm quyền tranh tụng của người tham gia tố tụng sẽ dẫn đến việc giải quyết vấn đề dân sự không đúng đắn.

*3.2.3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường và hoàn trả tài sản trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu*

Trong quá trình truy tố và xét xử vụ án xâm phạm sở hữu, kết quả của hoạt động áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường và hoàn trả tài sản được thể hiện thông qua bản cáo trạng của VKSND và nội dung phần dân sự trong bản án của TAND. Như chúng tôi đã phân tích, Viện kiểm sát không trực tiếp giải quyết việc bồi thường, hoàn trả tài sản mà thực tế chỉ đưa ra kiến nghị để Tòa án xem xét, giải quyết. Trong những năm vừa qua, TAND các cấp đã áp dụng đúng tinh thần của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung được quy định tại Điều 28 BLTTHS năm 2003, hiện nay nguyên tắc này được quy định tại Điều 30 BLTTHS năm 2015, áp dụng quy định của BLDS về trách nhiệm dân sự nói chung và chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói riêng để giải quyết bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu. Điều này được thể hiện thông qua một số phương diện thực tế sau: *Thứ nhất*, trong hoạt động chuẩn bị xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã quan tâm và xem xét kỹ lưỡng những tài liệu chứng minh thiệt hại mà hành vi phạm tội đã gây ra cho bị hại, căn cứ vào các bút lục trong hồ sơ của CQĐT để xác định những căn cứ cho việc giải quyết bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản. Nhiều vụ án, Tòa án trả hồ sơ yêu cầu CQĐT làm rõ những thiệt hại cụ thể hoặc trong một số vụ án đồng phạm, Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của chủ thể cụ thể nào trực tiếp gây ra thiệt hại cho người bị hại. Từ thực tế trên, chúng ta cũng nhận thấy rằng các Tòa án hiện nay đã có sự quan tâm nhất định đến yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, đã coi việc giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh là một nhiệm vụ cùng với các nhiệm vụ khác trong quá trình xét xử vụ

án. *Thứ hai*, khi giải quyết các vấn đề dân sự trong xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các Hội đồng xét xử, Thẩm phán đều dựa theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự tại Công văn 121/2003/KHXX. Việc tách vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục TTDS về cơ bản được áp dụng cơ bản theo tinh thần của BLTTHS và theo hướng dẫn trong từng trường hợp cụ thể tại Công văn 121/2003/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao. *Thứ ba*, Trong quá trình xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ án do người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng được Hội đồng xét xử sử dụng để làm rõ về thiệt hại, về hành vi phạm tội, về lỗi của bị cáo, mối quan hệ giữa bị cáo với bị hại, giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự và với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong phiên xét xử, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Hội đồng xét xử tạo điều kiện để trình bày quan điểm, yêu cầu, được tranh luận để bảo vệ quyền lợi của mình, quyền kháng cáo của bị hại và nguyên đơn dân sự được bảo đảm trong đó có kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại. *Thứ tư*, các kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại của bị hại, đương sự về bồi thường thiệt hại và hoàn trả tài sản trong bản án sơ thẩm đều được Tòa phúc thẩm, TAND tối cao xem xét giải quyết kịp thời thông qua bản án phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm. Thực tế cho thấy nhiều phần dân sự trong bản án sơ thẩm hình sự bị hủy bỏ, sửa chữa bởi quyết định giám đốc thẩm của TAND tối cao.

Bên cạnh đó, áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường, hoàn trả tài sản trong quá trình xét xử vụ án xâm phạm sở hữu vẫn nổi lên một số thực trạng sau cần phải được cải thiện.

- Phần bồi thường thiệt hại trong bản án hình sự xâm phạm sở hữu tuyên không rõ ràng, gây khó khăn thậm chí không thi hành được phần dân sự.

Một thực trạng còn tồn tại trong quá trình xét xử vụ án hình sự nói chung và trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng là còn có những bản án mà Tòa án tuyên không rõ ràng về phần dân sự trong đó phần lớn là phần bồi thường thiệt



hại. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, chỉ trong năm 2010, toàn ngành Tòa án có 383 bản án dân sự và phần dân sự trong bản án hình sự tuyên không rõ ràng. Các Tòa phải tiến hành giải thích, đính chính 342 bản án dân sự và bản án hình sự có phần dân sự tuyên không rõ ràng, số bản án còn lại kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm [89, tr. 17]. Qua số liệu trên, chúng ta cũng thấy rằng số lượng bản án mà phần dân sự tuyên không rõ ràng không phải là nhỏ, ngay ở một tỉnh không lớn như Bình Định, trong năm 2015 tình trạng quyết định, bản án tuyên không rõ dẫn đến khó khăn cho Cơ quan thi hành án dân sự là rất đáng lưu ý, trong đó các vụ án hình sự có bản án tuyên không rõ về phần dân sự chiếm 17,8%, bản án dân sự tuyên không rõ ràng chiếm 46,6%, bản án hành chính, phần dân sự tuyên không rõ chiếm 3,5%, còn lại là các bản án về tranh chấp thương mại và Hôn nhân gia đình tuyên không rõ về phần giải quyết tài sản chiếm 32% [125]. Trong những năm vừa qua, sự nỗ lực của ngành Tòa án, cũng như sự tăng cường nghiệp vụ của VKSND các cấp, tình trạng tuyên bản án không rõ ràng về phần dân sự có sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2005 – 2009, tuy nhiên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực tế, vẫn có những bản án của vụ án xâm phạm sở hữu nhưng phần dân sự có thiếu sót sơ đẳng do lỗi chủ quan dẫn đến hậu quả là phần dân sự không thể thi hành. Chúng tôi xin minh chứng một vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Theo kết quả điều tra, Nguyễn Văn Thuyền và các đồng phạm Phạm Bùi Đỗ Nguyên, Sô A Lý đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp với số bò 18 con trên địa bàn huyện Sơn Hòa đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài (tổng giá trị 256 triệu đồng). Bản án hình sự sơ thẩm số 75/HSST của TAND huyện Sơn Hòa đã tuyên bị cáo Thuyền 7 năm tù, bị cáo Nguyên 3 năm 6 tháng tù, bị cáo Lý 2 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Nhưng phần bồi thường thiệt hại bản án tuyên bị cáo Thuyền phải bồi thường 64 triệu đồng cho 09 bị hại, bị cáo Lý bồi thường 30 triệu đồng cho 06 bị hại, bị cáo Nguyên bồi thường 677.000 đồng cho 09 bị hại, số tiền 64 triệu Nguyên đã nộp lại cho CQĐT, bản án tuyên trả số tiền này cho 09 bị hại. Với nội dung của phần dân sự trong bản án như trên, chúng ta

nhận thấy rằng Tòa án đã tuyên không rõ trách nhiệm bồi thường của 03 bị cáo đối với từng bị hại, số tiền Nguyên đã nộp trả cho bị hại. Việc tuyên án như vậy là không đúng với quy định của pháp luật và gây rất nhiều khó khăn cho việc thi hành phần dân sự. Do đó VKSND đã kháng nghị bản án nói trên về phần dân sự.

Như vậy thực trạng bản án tuyên phần dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu không rõ ràng là một tồn tại trong việc áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự cần phải khắc phục. Thực trạng này làm giảm hiệu quả việc thu hồi, hoàn trả tài sản, khắc phục thiệt hại, bồi thường thường thiệt hại. Tuyên án không rõ ràng về phần dân sự không những chỉ gây khó khăn cho việc thi hành án mà có thể dẫn đến bản án không được thực thi một cách đầy đủ, trọn vẹn. Điều này đồng nghĩa với việc hiệu lực của bản án bị giảm sút. Nhận diện được thực trạng trên đặt ra một đòi hỏi cấp bách đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là TAND và VKSND với chức năng và nhiệm vụ của mình phải phối hợp để hạn chế và khắc phục tình trạng bản án tuyên không rõ ràng, khó thi hành. Có như vậy hiệu lực bản án được thực thi, uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật được nâng cao và góp phần bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng như đạt được mục tiêu của công cuộc cải cách tư pháp.

- Việc áp dụng, vận dụng quy định của luật, văn bản hướng dẫn trong xác định phạm vi vấn đề dân sự và giải quyết quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu không đúng nội dung tinh thần của luật và văn bản hướng dẫn, thậm chí vận dụng sai căn cứ. Từ đó dẫn đến còn tình trạng Tòa án xác định không đúng phạm vi quan hệ dân sự cần giải quyết trong vụ án và khi tiến hành giải quyết vấn đề dân sự, đặc biệt là giải quyết bồi thường thiệt hại thì không đúng, không đủ, quyền được bồi thường của người bị hại, nguyên đơn dân sự không bảo đảm. Trong báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và trọng tâm công tác năm 2012 của ngành Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao cũng xác nhận: *“Các sai sót thường gặp dẫn đến việc các bản án, quyết định về dân sự trong vụ án hình sự bị hủy, sửa là do Tòa án xác định sai quan hệ pháp luật dân sự”*. [89, tr.17] Thậm chí, thực tế còn có trường hợp áp dụng quy định của pháp luật dân sự về điều kiện chủ thể chịu trách nhiệm dân sự không đúng dẫn đến trong bản án hình sự,

phần dân sự, Tòa án tuyên trách nhiệm bồi thường đối với cả người chưa đủ năng lực trách nhiệm dân sự. [90, tr. 16]

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi cũng nhận thấy việc áp dụng các quy định của pháp luật nói chung, đặc biệt là quy định của BLDS trong giải quyết quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu còn có trường hợp mang tính cứng nhắc, rập khuôn dẫn đến việc giải quyết việc bồi thường cho bị hại là không thỏa đáng. Chẳng hạn trong một số vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn lợi dụng nhu cầu nhiều người muốn xuất khẩu lao động, các bị cáo đã thành lập “công ty ma” ký thỏa thuận với người muốn đi xuất khẩu lao động, mở lớp đào tạo (thực chất đây là thủ đoạn, họ không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực này, cũng không có năng lực tìm đối tác nước ngoài), nhận tiền của họ và cam kết trong thỏa thuận nếu không đi xuất khẩu lao động được sẽ trả lại tiền đã thu của người lao động và một khoản tính theo lãi suất ngân hàng. Khi đưa vụ án xét xử, phần quan hệ dân sự, các Tòa án xác định giao dịch giữa bị cáo và người có nhu cầu xuất khẩu lao động là vô hiệu và áp dụng Điều 137 BLDS năm 2005, theo đó giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, khôi phục tình trạng ban đầu. Vì vậy Tòa án buộc các bị cáo phải hoàn trả đủ số tiền đã nhận của bị hại nhưng không buộc bị cáo phải trả một khoản tiền theo lãi suất như thỏa thuận trong giao kết bởi giao kết đã vô hiệu. Theo chúng tôi, việc áp dụng về giao dịch dân sự vô hiệu để giải quyết phần dân sự trong vụ án nói trên của Tòa án là không trái với quy định, nhưng chúng tôi cũng cho rằng, việc áp dụng để xử lý như trên quá cứng nhắc, không linh hoạt và rõ ràng quyền lợi dân sự của bị hại không được giải quyết thỏa đáng. Việc thiết lập giao kết là thủ đoạn lừa đảo của các bị cáo, bị hại hoàn toàn không biết và không có nghĩa vụ phải biết, bị hại không có lỗi đối với giao dịch bị vô hiệu. Vậy nếu họ bị thiệt hại thì họ phải được bồi thường và Tòa án ngoài việc buộc các bị cáo phải trả lại số tiền cho đã chiếm đoạt của bị hại, Tòa án cũng phải tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại (số tiền đó có thể không phải

như thỏa thuận trong giao dịch nhưng cũng có thể lấy đó làm căn cứ để xác định thiệt hại).

- Một thực tế khác, khi áp dụng quy định của BLHS về biện pháp tư pháp và quyết định hình phạt tịch thu tài sản trong một số tội về xâm phạm sở hữu cũng có những bất cập như chưa đủ căn cứ nhưng Tòa án áp dụng biện pháp tịch thu tài sản. Thực trạng này cũng đã được Tòa án nhân dân tối cao nhìn nhận *“Nhiều trường hợp Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự để tịch thu tài sản như ô tô, nhà ở, tiền... không đúng vì chưa đủ căn cứ để xác định số tài sản này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội...”* [90, tr. 16] Thực trạng này không chỉ phản ánh việc áp dụng pháp luật của Tòa án trong TTHS chưa chính xác mà còn là nguyên nhân làm phát sinh vấn đề dân sự khác cần phải giải quyết đó là hoàn trả tài sản cho chủ thể bị tịch thu tài sản không đúng căn cứ pháp luật. Điều này vừa mất thêm công sức của cơ quan tiến hành tố tụng, vừa ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng.

Như vậy, thực trạng việc áp dụng pháp luật của Tòa án xác định quan hệ dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, trong giải quyết các quan hệ dân sự cùng với giải quyết trách nhiệm hình sự còn có những hạn chế nhất định, *“còn để xảy ra các sai sót trong việc quyết định bồi thường thiệt hại, xác định trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự.”* [91, tr. 5]. Có thể nói, thực trạng này là một tồn tại và một trong những nguyên nhân khiến số vụ án bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm về dân sự trong vụ án hình sự chiếm tỷ lệ khá cao. (Xem phụ lục bảng 1.4)

*3.2.3.3. Thực tiễn áp dụng quy định về biện pháp bảo đảm bồi thường, hoàn trả tài sản, quy định trưng cầu giám định, định giá tài sản trong truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu*

Thực tế trong giai đoạn truy tố và xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, các biện pháp cưỡng chế như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản cũng như các hoạt động tố tụng như trưng cầu giám định, định giá tài sản nhìn chung được VKSND, TAND các cấp áp dụng đúng quy định của luật TTHS, luật giám định tư pháp năm 2012, Nghị định 26/2005 của Chính Phủ về định giá tài sản trong tố

tụng cũng như các văn bản hướng dẫn khác. Điều mà chúng tôi ghi nhận trong thực tiễn áp dụng các quy định trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu là Viện Kiểm sát, Tòa án kiểm tra, giám sát rất kỹ quy trình áp dụng của CQĐT, các lệnh kê biên tài sản, lệnh phong tỏa tài khoản đều được gửi cho VKSND xem xét trước khi thực hiện, nhiều vụ án Tòa án trực tiếp ra lệnh kê biên, lệnh phong tỏa tài khoản để đảm bảo thi hành án, đồng thời cũng có nhiều vụ án Tòa án hủy bỏ lệnh kê biên tài sản, lệnh phong tỏa tài khoản nếu thấy việc áp dụng không đủ căn cứ, ảnh hưởng đến lợi ích của đương sự (như đã trình bày ở phần 2.2.2.2). Nhưng thực tế cũng cho thấy rằng hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản mới chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn. Điều này được phản ánh qua thực tiễn thi hành phần dân sự trong bản án hình sự, nghiên cứu các báo cáo của Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác chúng tôi nhận thấy kết quả thi hành phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự (trong đó phần lớn là án xâm phạm sở hữu) đạt tỷ lệ rất thấp, chưa đến 20%, cá biệt như năm 2015 số tài sản xử lý từ kê biên, phong tỏa tài khoản để giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chỉ đạt 9,77% [22]. Phân tích phiếu điều tra xã hội học chúng tôi cũng nhận thấy sự đánh giá của các Kiểm sát viên và Thẩm phán khi được hỏi về số lượng tài sản bị kê biên, bị phong tỏa trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu đã đáp ứng được yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự hay không, có đến gần 70% trong tổng số 216 ý kiến trả lời chưa đáp ứng được yêu cầu, chỉ có 21% trả lời cơ bản đáp ứng được yêu cầu (xem bảng phụ lục 4.2)

Thực tiễn áp dụng các quy định về trưng cầu giám định và định giá tài sản trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu không nảy sinh nhiều bất cập, thực tế giải quyết các vụ án xâm phạm sở hữu, việc trưng cầu giám định không nhiều, chủ yếu diễn ra trong các vụ án mà tài sản bị chiếm đoạt là vàng, bạc, kim khí, đá quý, đồ cổ. Hoạt động định giá tài sản phục vụ truy cứu trách nhiệm hình sự cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhưng định giá phục vụ giải quyết vấn đề dân sự còn có vướng mắc như chúng tôi phân tích ở phần 3.1.5.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Khi nghiên cứu về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, bên cạnh việc nghiên cứu đánh giá quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết, xử lý các quan hệ dân sự phát sinh của CQĐT, VKSND và TAND là rất quan trọng. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật sẽ soi rọi và làm sáng tỏ những điểm hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, những sai lầm chủ quan của chủ thể áp dụng. Đây chính là cơ sở thực tiễn để đưa ra phương hướng khắc phục, giải pháp và kiến nghị cụ thể, sát thực, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bị hại và các đương sự khác, đồng thời góp phần giải quyết toàn diện, triệt để vụ án xâm phạm sở hữu.

Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của nhiều nước trên thế giới đều xác định tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự. Điều này được thể hiện bởi việc quy định giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS, theo đó, Các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự ở tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự. Việc quy định quyền và nghĩa vụ của bị hại và các đương sự trong vụ án hình sự không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu truy cứu trách nhiệm pháp lý hình sự đối với bị can, bị cáo mà còn nhằm bảo vệ những quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của bị hại và các đương sự, trong đó đặc biệt là quyền được bồi thường những thiệt hại do tội phạm gây ra, quyền được hoàn trả tài sản bị chiếm đoạt. Vì vậy những quy định của pháp luật về bồi thường, bồi hoàn và các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm bồi thường, bồi hoàn là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Những quy định để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung cũng như trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng nằm ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như BLTTHS, BLTTDS, BLDS...và có thể

đánh giá khách quan là tương đối đồng bộ và đầy đủ. Tuy nhiên, cũng có những nội dung còn bất cập như một số quy định về quyền của bị hại, đương sự chưa mang tính khả thi, phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chưa được quy định rõ ràng, nhiệm vụ giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án được phân định rõ cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là cơ quan điều tra, chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để giải quyết triệt để phần dân sự trong bản án hình sự... Những bất cập trên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án cũng như đến chất lượng giải quyết vụ án nói chung.

Thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu trong những năm vừa qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ và giảm thiểu những thiệt hại do tội phạm gây ra cho bị hại và những người có liên quan, CQĐT trong nhiều vụ án đã chủ động yêu cầu các bên chủ thể của quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu thỏa thuận về vấn đề bồi thường, bồi hoàn, VKSND đã đưa ra nhiều đề xuất xử lý vấn đề dân sự trong bản cáo trạng khi truy tố bị can, Tòa án trực tiếp giải quyết các vấn đề dân sự thông qua bản án và quyết định của Hội đồng xét xử. Song bên cạnh đó, hiệu quả của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu ở các giai đoạn tố tụng chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi thực tế. Thực trạng những nhầm lẫn, thiếu sót trong việc xác định tư cách chủ thể bị hại và các đương sự, sai lầm trong xác định phạm vi vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, không thực hiện việc hoàn trả tài sản, bản án tuyên không rõ ràng về phần dân sự... vẫn còn tồn tại, mặc dù không phải là phổ biến nhưng tỷ lệ cũng đáng quan ngại. Những hạn chế này có cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan cần quan tâm, khắc phục.

**Chương 4**  
**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN**  
**SỰ TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ**  
**CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU**

**4.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu**

*4.1.1. Góp phần bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013*

Hiến pháp năm 2013 đặt ra mục tiêu quan trọng là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân, với tinh thần ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật [72, Điều 14]. Bên cạnh những quyền quan trọng như quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bất khả xâm phạm về chỗ ở, về đời sống riêng tư, về bí mật cá nhân và tự do tín ngưỡng... quyền sở hữu cũng được xác định là quyền con người cần được bảo đảm. Điều 32 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ...”

Để bảo đảm quyền con người trong đó có quyền sở hữu cần có nhiều nhóm biện pháp khác nhau và phải nâng cao hiệu quả thực tiễn áp dụng các nhóm biện pháp đó. Thực tế trong những năm vừa qua, các cơ quan thực thi pháp luật đã áp dụng nhiều nhóm biện pháp để bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người như nhóm các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà nước, nhóm các biện pháp bảo đảm quyền khiếu nại tố cáo của công dân, nhóm các biện pháp tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước trong việc bảo các quyền con người và nhóm các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong trường hợp quyền con người bị xâm



phạm. Nhóm biện pháp xử lý vi phạm quyền con người bao gồm: xử lý kỷ luật; xử phạt hành chính; buộc bồi thường thiệt hại, phục hồi quyền và lợi ích bị xâm hại, truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi một vụ án xâm phạm sở hữu xảy ra, chúng ta cũng có thể xác định rằng một trong những quyền con người được quy định trong Hiến pháp đã bị xâm phạm, việc giải quyết vụ án hình sự xâm phạm sở hữu trong đó có giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án thực chất cũng là biện pháp trong nhóm biện pháp xử lý vi phạm quyền con người. Vì vậy bên cạnh việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm sở hữu, việc giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu như buộc bồi thường, buộc hoàn trả lại tài sản cho bị hại, chủ sở hữu tài sản, buộc sửa chữa khắc phục những hư hỏng tài sản về mặt bản chất cũng nhằm bảo đảm quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013.

Thực tế trong những năm vừa qua, các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu cơ bản tốt, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự còn có những bất cập, thiếu sót, hạn chế. Điều này một mặt làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án hình sự xâm phạm sở hữu nói riêng, ảnh hưởng đến hiệu quả của mục tiêu bảo đảm tốt hơn quyền con người của Hiến pháp năm 2013 nói chung. Chính vì vậy, nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong xử lý vụ án xâm phạm sở hữu để đạt được mục tiêu cụ thể là bảo vệ tốt hơn quyền sở hữu của con người cũng đồng thời là góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân là một đòi hỏi bức thiết từ thực tiễn đối với trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu trong thời gian tới.

#### *4.1.2. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chung khi giải quyết vụ án hình sự*

Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, chính xác, kịp thời là nhiệm vụ chung mà BLTTHS đã xác định trong giải quyết vụ án hình sự nói chung, vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng. Điều này đòi hỏi tất cả các vấn đề phát sinh trong vụ

án phải được các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết và kết quả giải quyết phải đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ đã đặt ra. Yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong giải quyết vụ án xâm phạm sở hữu là người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự một cách chính xác và khách quan, các chủ thể bị thiệt hại về thể chất, về tài sản phải được bồi thường, bồi hoàn một cách thỏa đáng. Thực tế trong những năm vừa qua các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện tốt và có hiệu quả cao đối với nhiệm vụ thứ nhất, còn đối với nhiệm vụ thứ hai mặc dù đã có nhiều cố gắng, áp dụng pháp luật linh hoạt nhưng hiệu quả vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra, không ít vụ án người phạm tội đã chấp hành xong án phạt tù nhưng bị hại và nguyên đơn dân sự vẫn chưa được bồi thường đầy đủ, nhiều bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị không phải vì hình phạt đối với bị cáo không chính xác mà vì phần dân sự mà tòa án giải quyết không thỏa đáng, không khách quan thậm chí thiếu tính khoa học dẫn đến thực tế thi hành phần dân sự trong bản án gặp trở ngại và khó khăn.

Mục tiêu và phương hướng của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, bảo đảm tính đồng bộ, công khai, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu trong giai đoạn hiện nay không nằm ngoài mục tiêu và phương hướng đó. Vì vậy, nếu chỉ giải quyết tốt phần trách nhiệm hình sự mà chưa giải quyết tốt phần trách nhiệm dân sự phát sinh trong vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng cũng chưa hoàn thành tốt mục tiêu của cải cách tư pháp.

Từ thực trạng áp dụng pháp luật như đã được phân tích ở chương 2, từ yêu cầu, nhiệm vụ chung của BLTTH, từ mục tiêu định hướng cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay, nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu là đòi hỏi thực tế mang tính tất yếu và khách quan.

*4.1.3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, các đương sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu*

Quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự trong vụ án xâm phạm sở hữu có được bảo vệ một cách đầy đủ và toàn diện hay không được phản ánh qua hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng. Khác với các vụ án hình sự khác, các vụ án xâm phạm sở hữu luôn đặt ra yêu cầu bảo vệ các lợi ích dân sự của bị hại và các đương sự, đặc biệt là vấn đề bồi thường, hoàn trả tài sản. Thực tế trong những năm vừa qua, các cơ quan tiến hành tố tụng với chức năng và thẩm quyền của mình đã áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng, pháp luật dân sự để giải quyết việc bồi thường, việc hoàn trả tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Tuy nhiên, thực trạng nhiều vụ án, tài sản bị chiếm đoạt không được thu hồi kịp thời, các quyền của bị hại, của các đương sự được BLTTHS quy định chưa được tôn trọng đầy đủ và có cơ chế triển khai thống nhất, việc áp dụng căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường còn có sai sót, xác định tư cách đương sự vẫn có tình trạng nhầm lẫn. Tất cả những thực trạng đó đều ảnh hưởng đến chất lượng của việc giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án và hẳn nhiên hiệu quả giải quyết chưa cao.

Mặt khác, nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ có ý nghĩa bảo vệ quyền lợi của bị hại và đương sự mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Như chúng tôi đã phân tích, nhiều vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu có liên quan trực tiếp và ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Vì vậy nếu hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu chưa được nâng cao chất lượng không những không bảo vệ được quyền, lợi ích của bị hại, đương sự một cách đầy đủ mà còn ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Xuất phát từ những vấn đề trên, việc nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu nhằm bảo vệ kịp thời, đầy đủ, toàn diện quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự mang tính cấp thiết.

## **4.2. Một số giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu**

### ***4.2.1. Tăng cường trách nhiệm, năng lực của các chủ thể tiến hành tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong các vụ án xâm phạm sở hữu***

#### *4.2.1.1. Đối với hoạt động điều tra của CQĐT*

Điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu luôn gặp nhiều khó khăn và nhiệm vụ chính của hoạt động điều tra là thu thập, củng cố chứng cứ để chứng minh người phạm tội và chứng minh hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giải quyết các vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ giải quyết về trách nhiệm hình sự mà còn phải giải quyết cả các vấn đề dân sự phát sinh từ vụ án. Trách nhiệm giải quyết toàn diện vụ án (bao gồm cả phần hình sự và phần dân sự) thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có CQĐT. Chúng ta có thể nhận thấy rằng kết quả điều tra của CQĐT trong các vụ án xâm phạm sở hữu là cơ sở rất quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề dân sự trong vụ án như vấn đề hoàn trả tài sản, vấn đề bồi thường thiệt hại.v.v...Thực tế cho thấy, việc áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ gặp rất nhiều khó khăn nếu kết quả điều tra chưa làm sáng tỏ các quan hệ dân sự cần phải giải quyết. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn và xác định nguyên nhân của những hạn chế trong áp dụng pháp luật xử lý các vấn đề dân sự ở giai đoạn điều tra, tác giả nhận thấy cần thực hiện một số giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong giai đoạn điều tra.

*- Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của Điều tra viên trong việc chứng minh nội dung dân sự trong vụ án hình sự nói chung, vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.*

Nhận thức rõ trách nhiệm phần dân sự trong vụ án của Điều tra viên để tránh tư tưởng cho rằng vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chỉ thuộc trách nhiệm giải quyết của TAND và chỉ nằm trong giai đoạn xét xử. Hiện nay trách nhiệm này được thể hiện qua nội dung, tinh thần của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân

sự trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 30 BLTTHS năm 2015, trên cơ sở quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Điều tra viên tại Điều 37 BLTTHS năm 2015, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Điều tra viên tại Điều 53 luật TCDTHS năm 2015. Tuy nhiên, những quy định trên chủ yếu xác định trách nhiệm chung của Điều tra viên là được áp dụng các biện pháp theo quy định của BLTTHS và các luật khác có liên quan để điều tra, xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Các quy định trên chưa xác định cụ thể trách nhiệm chứng minh những vấn đề dân sự trong vụ án một cách cụ thể. Chính vì vậy, hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong hoạt động điều tra vẫn còn những thiếu sót như đã phân tích ở phần thực trạng.

Vì vậy tác giả cho rằng cần phải có quy định hướng dẫn cụ thể của Bộ Công an về quy trình và trách nhiệm của Điều tra viên trong việc chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự theo hướng: Đối với những vấn đề dân sự liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự, đây là vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự và Điều tra viên có trách nhiệm phải chứng minh; đối với những vấn đề dân sự nảy sinh trong vụ án hình sự nhưng không ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm hình sự, Điều tra viên có trách nhiệm xác định, ghi nhận những quan hệ dân sự phát sinh, xác định tư cách chủ thể của đương sự, thu thập tài liệu, chứng cứ nếu có thể và có trách nhiệm hướng dẫn đương sự để họ chuẩn bị tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu dân sự của họ ở những giai đoạn tố tụng tiếp theo. Nếu có xác định trách nhiệm cụ thể như vậy thì sẽ hạn chế được tình trạng không giải quyết được các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án hình sự do thiếu căn cứ và chứng cứ.

Trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, thu thập chứng cứ chứng minh thiệt hại do hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu gây ra là trách nhiệm của Điều tra viên và trách nhiệm này không chỉ đặt ra đối với những thiệt hại trực tiếp nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn đặt ra đối với những thiệt hại gián tiếp để phục vụ việc bồi thường thiệt hại. Như chúng tôi đã phân tích ở phần thực trạng, trong vụ án xâm phạm sở hữu hành vi của người phạm tội gây ra thiệt hại

cho người bị hại bao gồm những thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp, trong đó CQĐT chỉ tập trung thu thập chứng cứ để chứng minh thiệt hại trực tiếp nhằm xác định cấu thành tội phạm và định khung hình phạt, còn những thiệt hại gián tiếp thì thường bị hại phải tự chứng minh và nếu chưa đủ chứng cứ để chứng minh được thì có thể tách ra để xử lý sau. Chúng tôi cho rằng cần phải nhận thức thống nhất lại rằng không phải bất cứ phần dân sự không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo là có thể được xem xét để tách xử lý sau. Chúng ta biết rằng chỉ trong TTHS mới có bị hại, trong TTDS không có chủ thể là bị hại vì vậy vấn đề bồi thường cho bị hại cần phải được giải quyết trong vụ án hình sự chứ không tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác được dù rằng đó là thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại gián tiếp.

Chính vì vậy, cần phải có hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm của Điều tra viên trong việc chứng minh phần dân sự trong vụ án hình sự nói chung và trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng để bảo đảm việc giải quyết vấn đề dân sự được tiến hành đồng thời với giải quyết trách nhiệm hình sự và được tiến hành ngay từ giai đoạn điều tra vụ án. Có như vậy mới loại bỏ được tâm lý việc giải quyết vấn đề dân sự thuộc trách nhiệm của Tòa án còn các cơ quan tiền tố tụng khác không có trách nhiệm này. Xác định rõ trách nhiệm của Điều tra viên trong chứng minh phần dân sự sẽ tránh được hiện tượng phó thác việc chứng minh cho bị hại và các đương sự trong vụ án, đồng thời tạo ra động thái tích cực từ Điều tra viên là họ sẽ chủ động và hỗ trợ tích cực trong việc chứng minh phần dân sự để phục vụ bồi hoàn và bồi thường.

*- Trong các văn bản tố tụng của CQĐT, cần phải xác định rõ ràng, cụ thể tư cách người người tham gia tố tụng là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

Như chúng tôi đã phân tích, một trong những nguyên nhân của sai sót, nhầm lẫn trong xác định tư cách hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Viện Kiểm sát, Tòa án là dựa hồ sơ vụ án, cụ thể là biên bản ghi lời khai, bản kết luận điều tra của CQĐT. Trong các văn bản tố tụng này có một thực trạng mà chúng tôi đã phân tích là việc xác định tư cách

chủ thể của các đương sự nói trên còn chung chung, theo kiểu liệt kê. Vì vậy, CQĐT cần phải xác định rõ tư cách chủ thể của những người tham gia tố tụng, đặc biệt là bị hại, là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải rõ ràng, cụ thể. Trong bản kết luận điều tra phải xác định tư cách chủ thể trước rồi mới ghi tên, tuổi và nội dung lời khai, tránh tình trạng ghi gộp là lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rồi ghi tên từng người và nội dung lời khai, ghi như vậy là không xác định rõ ràng. Mặt khác, với chức năng kiểm sát điều tra nếu khi nhận hồ sơ vụ án mà thấy CQĐT xác định không rõ ràng về tư cách chủ thể, chúng tôi cũng kiến nghị VKSND phải yêu cầu CQĐT xác định lại. Có như vậy, tính chất chặt chẽ của văn bản tố tụng nói chung mới được bảo đảm, tư cách chủ thể được xác định và quyền lợi của họ mới được bảo vệ một cách đúng đắn và hạn chế được những sai sót.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng không phải chỉ là trách nhiệm của CQĐT, mà là trách nhiệm của tất cả các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, không phải chỉ dựa vào văn bản tố tụng của CQĐT, mà các cơ quan có thẩm quyền tố tụng khác còn phải độc lập để đánh các tình tiết, nội dung vụ án từ đó xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng một cách chính xác và cũng chính vì vậy mà tư cách chủ thể tham gia tố tụng, trong đó có bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể thay đổi qua các giai đoạn tố tụng khác nhau.

*- Phải áp dụng nhiều biện pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động truy tìm thu hồi tài sản trong điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Một trong những nguyên nhân của hạn chế trong giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là nhiều vụ án, CQĐT không thu hồi tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt. Để khắc phục tình trạng này, CQĐT trong quá trình điều tra vụ án cần phải áp dụng một số biện pháp cụ thể sau để nâng cao hiệu quả truy tìm, thu hồi tài sản:

+ Trong quá trình điều tra vụ án, Điều tra viên phải tập trung, chủ động xác định các hướng truy tìm tài sản để phục vụ việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt

một cách nhanh chóng, kịp thời. Khi thu thập các nguồn thông tin, tài liệu để chứng minh vụ án cần phải chú ý các thông tin liên quan đến tài sản như nơi cất giấu, thủ đoạn tiêu thụ tài sản, đặc biệt là chú ý đến khai thác mở rộng án theo hướng xác minh các chủ thể có giao dịch liên quan đến tài sản trong vụ án. Nếu phát hiện có đường dây tiêu thụ tài sản thì Điều tra viên được phân công thụ lý vụ án cần phải báo cáo lãnh đạo đơn vị để phân công lực lượng trinh sát phối hợp xác minh, truy tìm tài sản, chủ động đề xuất lãnh đạo kịp thời ra quyết định thu hồi tài sản.

+ Khi thấy có căn cứ, Điều tra viên phải khẩn trương đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền tổ tụng ra lệnh khám xét và tiến hành ngay việc khám xét người chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có để kịp thời phát hiện và thu hồi tài sản. Yếu tố thời gian là rất quan trọng đối với việc phát hiện và thu hồi tài sản thông qua khám xét, nếu không kịp thời thì tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án sẽ bị tẩu tán khỏi nơi cất giấu và việc khám xét sẽ không thu hồi được tài sản.

+ Trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm sở hữu, CQĐT phải phối hợp với các lực lượng chức năng hữu quan khác như lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, lực lượng quản lý thị trường khẩn trương tiến hành kiểm tra các đơn vị kinh doanh những ngành nghề có khả năng cao liên quan đến việc tiêu thụ tài sản trong vụ án như dịch vụ cầm đồ, sửa chữa, mua bán, cho thuê các loại hàng hóa đặc thù như xe gắn máy, các loại linh kiện phương tiện giao thông, linh kiện điện tử, v.v.. Đây là những nơi mà các đối tượng phạm tội xâm phạm sở hữu thường mang tài sản chiếm đoạt được đến cầm cố hoặc rao bán. Bên cạnh việc kiểm tra, phát hiện tài sản, Điều tra viên cũng phải động viên chủ thể kinh doanh những ngành nghề nói trên cộng tác với công an phát hiện tài sản, thu hồi tài sản bị tội phạm chiếm đoạt, trình báo cơ quan công an ngay những trường hợp phát hiện nghi vấn đối tượng đến cầm cố, giao dịch những tài sản do phạm tội mà có.

+ Cần tăng cường công tác nắm tình hình, phối hợp với lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để thu thập, xác minh thông tin về các



đối tượng có biểu hiện bất minh về lai lịch, về kinh tế, có mối quan hệ với các đối tượng hình sự trên địa bàn nghi vấn là câu kết với nhau để phạm tội, để tiêu thụ tài sản bất minh, có mối quan hệ với các chủ thể làm những nghề có khả năng liên quan đến việc tiêu thụ tài sản như những người sửa chữa, buôn bán xe gắn máy, chủ vừa thua mua phế liệu công nghiệp, chủ tiệm cầm đồ, người làm nghề kinh doanh mua bán các mặt hàng đặc thù như vàng bạc, điện thoại di động, hàng điện tử...

#### *4.2.1.2. Đối với hoạt động truy tố của Viện Kiểm sát*

VKSND là chủ thể tham gia giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, với vai trò và thẩm quyền tố tụng của mình, VKSND kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, hợp lý trong các quyết định giải quyết vấn đề dân sự, VKSND có quyền đưa ra các kiến nghị đối với Tòa án về phương thức giải quyết vấn đề dân sự, đồng thời có quyền kháng nghị phần dân sự trong các bản án hình sự. Tuy nhiên qua đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả nhận thấy một phần nguyên nhân của những hạn chế trong giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng là do VKSND còn có những thiếu sót nhất định trong xác định tư cách đương sự, trong kiểm tra, giám sát việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế liên quan đến tài sản. Để nâng cao trách nhiệm và vai trò của VKSND trong tham gia giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự, trong thời gian tới cần chú ý thực hiện tốt các giải pháp:

*- Tăng cường kiểm sát điều tra đối với các vụ án xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tập trung kiểm sát việc áp dụng pháp luật của CQĐT khi tiến hành các biện pháp cưỡng chế liên quan đến tài sản, các hoạt động khám xét thu giữ tài sản liên quan đến vụ án. Cụ thể như sau:*

+ Kiểm sát viên được phân công theo dõi điều tra vụ án cần tập trung kiểm sát việc áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản. Để bảo đảm tính đúng đắn và kịp thời, Kiểm sát viên phải nắm rõ các căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp này theo qui định của BLTTHS, dựa trên các tình tiết, nội dung của vụ án thực tế cụ thể để xác định xem sự cần thiết của việc áp dụng các

biện pháp cưỡng chế nói trên. Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là sự chủ động của Viện Kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình kiểm sát kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản. Nếu thấy việc áp dụng các biện pháp trên là cần thiết nhưng CQĐT chưa ra quyết định áp dụng thì yêu cầu CQĐT ra quyết định và thực hiện việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản hoặc đề xuất lãnh đạo của Viện Kiểm sát ra quyết định này theo thẩm quyền được quy định tại Điều 67 BLTTHS năm 2015. Ngược lại, nếu thấy việc áp dụng các biện pháp nói trên của CQĐT là không có cơ sở pháp lý và không cần thiết thì Kiểm sát viên đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ.

+ Trong quá trình kiểm sát việc khám xét, Kiểm sát viên được cử kiểm sát khám xét phải chú ý đến việc thu giữ đồ vật mà Điều tra viên tiến hành. Việc thu giữ đồ vật phải bảo đảm đúng căn cứ là vật chứng hoặc tài liệu có liên quan đến vụ án, thủ tục thu giữ phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Qua nghiên cứu thực tế chúng tôi nhận thấy, các Kiểm sát viên chủ yếu tập trung vào trình tự, thủ tục của việc khám xét nói chung, đối với việc thu giữ đồ vật cũng chủ yếu là việc xem xét văn bản liên quan đến việc thu giữ đồ vật như lệnh khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản giao nhận đồ vật cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, niêm phong. Việc khám xét, thu giữ đồ vật có liên quan đến vụ án xâm phạm sở hữu không chỉ có ý nghĩa đó là những vật chứng để chứng minh hành vi phạm tội, chứng minh người phạm tội mà còn có ý nghĩa thu hồi được tài sản mà người phạm tội chiếm đoạt của bị hại làm cơ sở để giải quyết việc bồi hoàn sau này. Vì vậy, vai trò của Kiểm sát viên được cử kiểm sát việc khám xét, tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án không chỉ thể hiện ở việc xem xét tính đúng đắn của thủ tục tiến hành mà còn thể hiện ở việc cùng xác định căn cứ chứng minh đồ vật, tài sản có liên quan đến vụ án để tiến hành thu giữ. Điều này đòi hỏi năng lực của Kiểm sát viên ngày càng phải được nâng cao hơn về mặt nghiệp vụ điều tra.

*- Chủ động áp dụng pháp luật theo thẩm quyền, chức năng để tham gia giải quyết vấn đề dân sự.*

Trong giai đoạn truy tố các vụ án xâm phạm sở hữu, Kiểm sát viên cần chủ động xác định tư cách các đương sự dựa trên tình tiết nội dung của vụ án,

tránh tình trạng xác định chung chung trên cơ sở kết luận điều tra, chủ động yêu cầu CQĐT xác định lại đúng tư cách đương sự nếu thấy có trường hợp trên hoặc chủ động xác định trong quá trình ra bản cáo trạng. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản tố tụng để bảo đảm sự thống nhất về tư cách chủ thể thể hiện trong cáo trạng với chủ thể và tư cách chủ thể trong danh sách triệu tập. Mặt khác, trong quá trình truy tố, Viện Kiểm sát có thể chủ động thu thập thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh phần dân sự khi các đương sự trực tiếp gửi đơn yêu cầu đến Viện Kiểm sát, từ đó đề ra hướng giải quyết trong cáo trạng để Tòa án xem xét, quyết định.

#### *4.2.1.3. Đối với hoạt động xét xử của Tòa án*

Có thể thấy rằng, vai trò của Tòa án giải quyết vấn đề dân sự thông qua hoạt động xét xử là rất quan trọng và có tính chất quyết định. Vai trò này thể hiện ở việc Tòa án xác định những quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án xâm phạm sở hữu; Tòa án xác định và triệu tập các chủ thể của quan hệ dân sự phát sinh với tư cách tố tụng được BLTTHS quy định; Tòa án ra bản án hình sự trong đó có phần dân sự để buộc các chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình và bảo đảm các quyền lợi dân sự của chủ thể bị xâm hại. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong quá trình xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu còn bộc lộ những hạn chế nhất định như chúng tôi đã phân tích ở chương 2. Để nâng cao hiệu quả việc áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong hoạt động xét xử vụ án xâm phạm sở hữu, chúng tôi thấy rằng cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

*- Tăng cường kiểm tra nghiệp vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu.*

Một trong những hạn chế tồn tại trong giải quyết vấn đề dân sự của TAND là xác định thiếu, xác định sai, nhầm lẫn tư cách chủ thể của bị hại và các đương sự khác. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này do sự chủ quan thăm phán phụ trách giải quyết vụ án, tin tưởng tuyệt đối vào hồ sơ, văn bản tố tụng của CQĐT, VKSND mà không xác minh rõ các quan hệ dân sự đã được xác lập, phát sinh giữa bị cáo với bị hại và những đương sự khác. Để khắc phục tình

trạng này, chúng tôi cho rằng cần phải có sự chỉ đạo tập trung của lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp về quán triệt nội dung, tinh thần của nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát nghiệp vụ ngay ở giai đoạn chuẩn bị xét xử để chấn chỉnh kịp thời biểu hiện chủ quan, tâm lý coi phần dân sự phải giải quyết trong vụ án hình sự là thứ yếu, phần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo mới là chủ yếu. Mặt khác cần phải có những quy định cụ thể ràng buộc trách nhiệm của Thẩm phán bảo đảm việc giải quyết vấn đề dân sự không những phải được tiến hành song song, đồng thời với việc truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn phải được coi trọng để bảo đảm quyền lợi chính đáng của bị hại và các đương sự khác.

*- Chú trọng bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho đội ngũ thẩm phán, cán bộ TAND ở cấp huyện.*

Qua khảo sát thực tế cho thấy không ít bản án hình sự xâm phạm sở hữu tuyên không rõ ràng về phần bồi thường thiệt hại, việc áp dụng quy định của BLDS, văn bản hướng dẫn không đúng với nội dung và tinh thần của điều luật, tuyên trách nhiệm bồi thường đối với cả chủ thể chưa đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Nguyên nhân của hạn chế này một phần là do chủ quan của Hội đồng xét xử, nhưng phần lớn xuất phát từ trình độ pháp luật và năng lực nghiệp vụ của một bộ phận Thẩm phán và cán bộ Tòa án (chủ yếu là cấp huyện) còn có những hạn chế nhất định. Mặt khác, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự luật nội dung áp dụng chủ yếu là pháp luật dân sự mà Thẩm phán phụ trách giải quyết là Thẩm phán chuyên trách hình sự. Cho nên việc áp dụng pháp luật dân sự giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự không tránh khỏi những lúng túng. Chính vì vậy hoàn thiện, nâng cao trình độ pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán và cán bộ Tòa án cấp cơ sở là một giải pháp căn cơ. Giải pháp này cần được thực hiện thông qua các lớp bồi dưỡng kiến thức định kỳ theo nhiệm kỳ thẩm phán. Nội dung, chương trình bồi dưỡng cho thẩm phán chuyên trách hình sự không chỉ giới hạn ở những điểm mới của BLHS, BLTTHS mà còn phải có phần nội dung và kỹ năng áp dụng quy định của pháp luật dân sự trong giải quyết vụ án hình sự khi có vấn đề dân sự. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật và

nghiệp vụ cũng có thể thông qua hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự để từ thực tiễn áp dụng pháp luật rút ra những kinh nghiệm hay, những hạn chế thiếu sót cần khắc phục, qua đó sự học hỏi mang tính trực quan, thực tế sẽ mang lại hiệu quả cao trong nâng cao trình độ pháp luật, nghiệp vụ. Mặt khác các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, hướng dẫn áp dụng của TAND tối cao, đặc biệt là trong những vụ án điển hình có nhiều vấn đề dân sự phức tạp phải giải quyết cũng là một hình thức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cần được chú ý thực hiện thường xuyên hơn.

*- Nâng cao trách nhiệm và kỹ năng điều khiển phiên tòa của Thẩm phán để bảo đảm tính dân chủ và nâng cao chất lượng tranh tụng khi giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu.*

Trong thực tế xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu, thực trạng quyền tham gia phiên tòa của bị hại, đương sự chưa được bảo đảm ở không ít vụ án, quyền tranh luận tại phiên tòa của bị hại, đương sự còn hạn chế. Nguyên nhân của thực trạng này là Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án coi nhẹ trách nhiệm, không xem xét kỹ lưỡng việc triệu tập và kiểm tra sự có mặt của bị hại, của các đương sự khác, tâm lý xem nhẹ quyền tham gia phiên tòa và tranh tụng tại phiên tòa của bị hại, các đương sự. Mặt khác kỹ năng điều khiển phiên tòa còn có những hạn chế dẫn đến phần tranh luận về bồi thường và các vấn đề dân sự khác chất lượng không cao, thậm chí không tiến hành tranh luận về phần dân sự mà chủ yếu là hỏi đáp. Để khắc phục hạn chế này cần nâng cao tinh thần trách nhiệm của Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án, trước khi xét xử vụ án cần kiểm tra việc triệu tập bị hại, các đương sự, xác định vai trò và sự ảnh hưởng của họ đến phiên xét xử nếu họ vắng mặt. Mặt khác Thẩm phán phải nâng cao các kỹ năng xét xử đặt biệt là kỹ năng lập kế hoạch xét hỏi và kỹ năng điều khiển phiên tòa sao cho khi xét xử Thẩm phán luôn chủ động, xử lý kịp thời những tình huống phát sinh. Trong xét hỏi và tranh luận, Thẩm phán cần hỏi những vấn đề mang tính gợi mở để bị hại, các đương sự, bị cáo tập trung thể hiện chứng kiến vào những vấn đề dân sự cần làm rõ, điều khiển phiên tòa trong giải quyết vấn đề dân sự cần bảo đảm dân chủ, bình đẳng giữa các bên chủ thể của quan hệ dân sự phát sinh trong

vụ án, tôn trọng quyền tự định đoạt của bị hại, các đương sự, khi chấp nhận hay bác bỏ ý kiến nào cần phải nêu rõ lý do và phân tích đầy đủ để bị hại, bị cáo và các bên đương sự thấy rõ những luận cứ là cơ sở lập luận của tòa. Đối với những kiến nghị của VKSND về vấn đề bồi thường, bồi hoàn, Thẩm phán cần yêu cầu Kiểm sát viên phân tích rõ về cơ sở để đưa ra kiến nghị, trong trường hợp bị hại và đương sự khác hỏi thêm hoặc phản bác lại những cơ sở đó phải kiên quyết yêu cầu Kiểm sát viên trả lời hoặc cho biết thêm ý kiến để làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan.

#### ***4.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu***

##### ***4.2.2.1. Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn các quy định giải quyết vấn đề dân sự***

Qua nghiên cứu về quy định cụ thể, chúng tôi thấy rằng một số vấn đề cần phải được quy định hướng dẫn để bảo đảm tính thống nhất, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng trong thực tiễn giải quyết vấn đề dân sự:

- Đối với nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể về phạm vi nội dung của nguyên tắc, chủ thể tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải quyết vấn đề dân sự và quy trình giải quyết vấn đề dân sự trong các giai đoạn tố tụng.

Từ khi trở thành nguyên tắc tố tụng hình sự được quy định cụ thể tại Điều 28 trong BLTTHS năm 2003, hiện nay được quy định tại Điều 30 BLTTHS năm 2015 chưa có văn bản cụ thể nào quy định, hướng dẫn về việc áp dụng, thi hành việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Thực tế các giải quyết nội dung dân sự trong các vụ án hình sự, các Tòa án dựa trên Công văn 121 của TAND tối cao ngày 19/9/2003, hướng dẫn về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự. Theo chúng tôi, hiện nay dựa vào nội dung Công văn này là không còn phù hợp, bởi vì: *Thứ nhất*, về mặt hiệu lực thời gian, Công văn 121 có hiệu lực trước khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực (BLTTHS năm 2003 có hiệu lực ngày 1/7/2004), chưa kể hiện nay có BLTTHS năm 2015. Vì vậy không thể coi đó là sự giải thích cho Điều 28, Điều

30 trong BLTTHS được; *Thứ 2*, về mặt hiệu lực không gian, Công văn này chỉ là hướng dẫn nghiệp vụ cho TAND các cấp trong giải quyết vấn đề tài sản, bồi thường khi xét xử vụ án hình sự. Như vậy nó không có giá trị đối với các cơ quan tiến hành tố tụng khác như CQĐT, VKSND. Trong khi đó, chúng ta hiểu rằng nguyên tắc này được áp dụng trong tất cả các giai đoạn tố tụng, trong hoạt động của các chủ thể tiến hành tố tụng; *Thứ 3*, về mặt nội dung, Công văn 121 mới chỉ giải thích về phần dân sự, cơ sở tách phần dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, thủ tục thụ lý, giải quyết phần dân sự trong một số trường hợp cụ thể của Tòa án. Công văn chưa đề cập đến phạm vi toàn diện của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, không hướng dẫn về quy trình giải quyết vấn đề dân sự của các chủ thể tiến hành tố tụng khác ngoài Tòa án, không nêu rõ thẩm quyền tách vụ án hình sự thuộc về chủ thể tiến hành tố tụng nào.

Với các lí do trên, chúng tôi cho rằng cần phải có văn bản hướng dẫn có hiệu lực pháp lý cao hơn Công văn của TAND tối cao, nội dung hướng dẫn toàn diện hơn. Tác giả kiến nghị về mặt hình thức là Thông tư liên tịch giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an hướng dẫn về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Về nội dung phải hướng dẫn những vấn đề cơ bản như sau:

+ Xác định phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án hình sự bao gồm: bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, hoàn trả tài sản bị chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, sửa chữa tài sản bị hành vi phạm tội làm hư hỏng, công khai xin lỗi bị hại

+ Xác định chủ thể có thẩm quyền giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: TAND, VKSND và CQĐT. Trong đó TAND là chủ thể có vai trò quyết định, VKSND, CQĐT là chủ thể tham gia giải quyết trong phạm vi chức năng tố tụng của mình.

+ Quy định trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giải quyết vấn đề dân sự của vụ án hình sự: xác định đúng tư cách bị hại, đương sự; giải quyết hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại; áp dụng các biện

pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm việc bồi thường, bồi hoàn; buộc xin lỗi công khai.

+ Hướng dẫn điều kiện tách vấn đề dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể là giải thích rõ hai điều kiện: vấn đề dân sự chưa có điều kiện để chứng minh và không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án hình sự. (Nội dung này có thể giải thích như chúng tôi phân tích ở phần 3.1.1.1)

+ Hướng dẫn quy trình cụ thể giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn tố tụng khác nhau (tiếp nhận yêu cầu, chứng minh yêu cầu và xử lý yêu cầu),

- Đối với bị hại, cần hướng dẫn các quyền, cụ thể theo hướng sau:

+ Hướng dẫn chi tiết về quyền được tham gia các hoạt động tố tụng của bị hại. Đây là một quyền mới của bị hại thể hiện vị trí và vai trò của bị hại được chủ động hơn trong quá trình tham gia tố tụng hình sự để bảo vệ kịp thời quyền lợi của mình. Tuy nhiên việc áp dụng quyền này trên thực tế sẽ rất khó khăn nếu không có hướng dẫn cụ thể bởi vì trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự có rất nhiều các hoạt động tố tụng, trong đó có các hoạt động đặc thù mang tính chuyên môn, thậm chí là có những hoạt động mang tính bí mật (chưa thể công khai) để bảo đảm hiệu quả tố tụng. Mặt khác có những hoạt động tố tụng, bị hại tham gia là cần thiết nhưng cũng có những hoạt động tố tụng bị hại không cần thiết phải tham gia. Vì vậy, chúng tôi thấy cần có quy phạm hướng dẫn quyền này cụ thể theo hướng trong từng giai đoạn tố tụng bị hại được tham gia vào những hoạt động tố tụng cụ thể nào, mức độ tham gia, hình thức tham gia và trách nhiệm nếu cản trở hoạt động tố tụng khi tham gia.

+ Hướng dẫn về quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của người thân thích khi bị đe dọa. Đây cũng là một quyền mới của bị hại được ghi nhận trong BLTTHS năm 2015, trong quyền này, người bị hại khi thấy bị đe dọa có thể chủ động yêu cầu để được cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm sự an toàn về thân thể và tài sản. Tuy nhiên để áp dụng cần phải làm rõ các vấn đề sau: tính chất nguy hiểm của sự đe dọa đến mức độ nào thì cần có sự bảo vệ của cơ quan có thẩm



quyền tiến hành tố tụng; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào phải bảo vệ; cách thức bảo vệ như thế nào, bảo vệ về tài sản cần phải phối hợp với cơ quan, tổ chức nào.

+ Hướng dẫn xác định thiệt hại về uy tín đối với bị hại là cơ quan tổ chức do hành vi phạm tội gây ra. Theo Khoản 1 Điều 62 BLTTHS, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra là bị hại trong vụ án và họ phải được bồi thường theo nguyên tắc ngang giá, đối với thiệt hại về tài sản, việc xác định và chứng minh đã có cơ sở. Tuy nhiên đối với những thiệt hại về uy tín của cơ quan, tổ chức, hiện nay chưa có căn cứ để xác định, vì vậy cần phải có hướng dẫn cụ thể thiệt hại về uy tín của cơ quan, tổ chức theo hướng: đưa ra căn cứ xác định thiệt hại về uy tín, hình thức xâm hại đến uy tín, mức độ thiệt hại về uy tín, phương thức bồi thường và khắc phục hậu quả thiệt hại về uy tín.

- Đối với nguyên đơn dân sự, để bảo đảm quyền lợi dân sự của họ, cần phải có quy định về thời hạn nộp đơn yêu cầu bồi thường và hướng dẫn cụ thể xác định loại thiệt hại của nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự.

Chúng ta biết rằng, tư cách nguyên đơn dân sự không mặc nhiên được thừa nhận như bị hại trong vụ án hình sự, họ phải có đơn yêu cầu gửi đến cơ quan tiến hành tố tụng và khi được cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý và triệu tập họ tham gia tố tụng lúc đó họ mới có tư cách nguyên đơn dân sự. Tuy nhiên quyền nộp đơn được phát sinh khi nào và chấm dứt tại thời điểm nào trong các giai đoạn tố tụng chưa có quy định cụ thể. Điều này dẫn hệ quả là hiểu không thống nhất về thời điểm phát sinh quyền nộp đơn và thời điểm chấm dứt quyền nộp đơn của nguyên đơn trong vụ án hình sự, kéo theo đó là việc các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp nhận và xử lý đơn cũng khác nhau, ảnh hưởng đến quyền dân sự của họ và ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Chẳng hạn như CQĐT khi tiếp nhận đơn nhưng không thụ lý mà hướng dẫn họ gửi đơn lên Tòa án sau khi hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án, nếu như vậy thì trong quá trình điều tra, nguyên đơn không thể yêu cầu CQĐT áp dụng các biện pháp bảo đảm việc bồi thường. Vì vậy, theo chúng tôi cần phải có quy định cụ thể về thời

hạn nguyên đơn dân sự gửi đơn yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại để việc thực hiện trên thực tế được thống nhất và bảo đảm các quyền của nguyên đơn.

Bên cạnh đó cũng cần phải có hướng dẫn cụ thể xác định loại thiệt hại của nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự. Trong khi BLTTHS năm 2015 có quy định rất rõ về các loại thiệt hại của bị hại nhưng thiệt hại của nguyên đơn thì không xác định đó là những loại thiệt hại nào. Điều này, về mặt khoa học sẽ dẫn đến các xác định phạm vi thiệt hại của nguyên đơn rộng hẹp khác nhau. Đặc biệt là đối với nguyên đơn là cá nhân, có quan điểm cho rằng thiệt hại của nguyên đơn dân sự là cá nhân gồm thiệt hại về vật chất và tinh thần [109, Tr. 118]. Quan điểm khác lại cho rằng, thiệt hại của nguyên đơn dân sự là cá nhân có phạm vi rộng hơn bao gồm cả thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản [106]. Với cách xác định phạm vi thiệt hại khác nhau như vậy, chắc chắn sẽ dẫn đến cách xác định tư cách chủ thể tố tụng khác nhau. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ thể. Vì vậy, theo chúng tôi cần phải có giải thích rõ ràng, cụ thể về thiệt hại của nguyên đơn dân sự là cá nhân để bảo đảm việc xác định tư cách chủ thể tham gia tố tụng được chính xác và thống nhất.

- Đối với quy định về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chúng tôi cho rằng cần bổ sung thêm quy định về bị dẫn giải trong những trường hợp nhất định. Theo quy định hiện nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Như vậy, có thể hiểu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có thể là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, có thể là người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cũng có thể là người vừa có quyền lợi, vừa có nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Trong trường hợp người có quyền lợi liên quan đến vụ án họ có thể không tham gia tố tụng, không yêu cầu giải quyết quyền lợi của họ (họ có quyền từ bỏ lợi ích của mình), nhưng trong trường hợp người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự thì sự tham gia tố tụng hình sự của họ là bắt buộc bởi điều này liên quan đến trách nhiệm của họ (trách nhiệm dân sự), liên quan đến quyền lợi của người khác (bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan), ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy theo

chúng tôi, trong trường hợp người có nghĩa vụ liên quan cố ý không có mặt theo giấy triệu tập không có lý do chính đáng, gây trở ngại cho hoạt động tố tụng thì có thể bị dẫn giải. Cho nên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 65 BLTTHS năm 2015 như sau: “...3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ: a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; *trường hợp người có nghĩa vụ liên quan cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải*”.

- Đối với quy định về các tội phạm xâm phạm sở hữu, đề nghị hướng dẫn, giải thích rõ về việc áp dụng quy định: “*Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*”; *tài sản là di vật, cổ vật*” trong các Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), Tội trộm cắp tài sản (Điều 173), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175), Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178) trong chương XVI các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 2015, được sửa đổi tại Điều 34 và Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015. Đây là dấu hiệu định tội mới so với quy định về các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng quy định này phải được hướng dẫn, giải thích cụ thể mới có thể là bảo đảm cơ sở khi áp dụng trong cả giải quyết trách nhiệm hình sự và giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong các vụ án này. Theo quy định, những tài sản trong dấu hiệu định tội này có giá trị quy đổi ra tiền không lớn (dưới 2 triệu đồng) nhưng là phương tiện kiếm sống chính hoặc là tài sản có giá trị về mặt tinh thần đối với người bị hại, vấn đề đặt ra là phải có văn bản quy phạm quy định về cơ sở để xác định tài sản nào được coi là phương tiện kiếm sống chính, tài sản nào là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với bị hại. Mặt khác liên quan đến vấn đề bồi thường, đối với những tài sản nói trên bị hành vi phạm tội chiếm đoạt, làm hư hỏng hoặc đã tiêu thụ mà cơ quan tiến hành tố tụng không thu hồi được thì việc bồi thường được xác định như thế nào và trên giá trị nào (chỉ giá trị quy đổi ra tiền hay phải bao

gồm cả giá trị quy đổi ra tiền và giá trị tinh thần). Tất cả các vấn đề trên cần phải được làm sáng tỏ về mặt văn bản quy phạm thì mới có thể áp dụng được quy định mới bổ sung nói trên, bảo đảm giải quyết cả vấn đề dân sự phát sinh.

4.2.2.2. *Kiến nghị sửa đổi một số điều khoản của pháp luật liên quan đến giải quyết vấn đề dân sự.*

- Kiến nghị mở rộng quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, nguyên đơn dân sự bằng cách sửa quy định “*đề nghị mức bồi thường*” thành “*đề nghị bồi thường thiệt hại*” và bổ sung các biện pháp bảo đảm việc bồi thường cụ thể là “*phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản, hạn chế giao dịch*” tại khoản 2 Điều 62 và Khoản 2 Điều 63 BLTTHS năm 2015. Theo quy định hiện nay, bị hại có quyền đưa ra mức bồi thường, biện pháp bảo đảm việc bồi thường. Có thể nói đây là quyền cơ bản nhất và quan trọng nhất của bị hại, bởi vì quyền này đáp ứng được mục đích, nhu cầu của họ khi tham gia tố tụng hình sự. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần xác định quyền bồi thường của bị hại phải bao gồm quyền đưa ra mức bồi thường cụ thể, quyền yêu cầu về hình thức và phương thức bồi thường, các loại thiệt hại phải bồi thường. Mặt khác, thực tế cho thấy bị hại ít khi yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo đảm việc bồi thường. Điều này xuất phát từ việc bị hại không nắm được quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, chưa có hướng dẫn cụ thể về sử dụng các biện pháp này. Trong BLDS có quy định về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ (Thế chấp, cầm cố, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, bảo lãnh, tín chấp) nhưng những biện pháp này chỉ phù hợp với quan hệ hợp đồng, còn việc bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là bồi thường ngoài hợp đồng. Vậy các biện pháp bảo đảm sẽ mang tính chất khác đó là xác định được tài sản của người đã gây ra thiệt hại và cần có các biện pháp để những tài sản đó sẽ được dùng để bồi thường cho người bị hại như phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, kê biên tài sản, hạn chế hoặc cấm việc chuyển nhượng tài sản trong một thời gian nhất định.v.v... Vì vậy, theo chúng tôi các biện pháp mang tính đặc thù nói trên phải được thể chế hoá thành quyền của người bị hại để họ có cơ sở đề xuất với cơ quan tiến hành tố tụng.

- Kiến nghị sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy*”. Như chúng tôi đã phân tích, việc quy định xử lý vật chứng như trên là chưa bao quát hết các trường hợp, nó chỉ phù hợp khi vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội và thuộc sở hữu của người phạm tội hoặc của đồng phạm. Còn đối với trường hợp người phạm tội chiếm hữu, sử dụng tài sản của người khác làm công cụ, phương tiện phạm tội mà chủ sở hữu không biết thì việc tịch thu nộp ngân sách hoặc tiêu hủy là không công bằng thậm chí xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của chủ thể khác. Vì vậy, theo chúng tôi cần phải sửa lại: “*Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy; Nếu vật chứng là tài sản của chủ thể khác bị người phạm tội chiếm đoạt sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp*”.

- Kiến nghị sửa đổi Khoản 4 Điều 215 BLTTHS năm 2015: “*Việc yêu cầu định giá tài sản để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự*”. Quy định trên nếu đặt trong cấu trúc tổng thể của Điều 215 là không phù hợp, Khoản 1 Điều 215 quy định: “*Khi cần định giá tài sản để giải quyết vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản định giá tài sản*”. Như đã phân tích, vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự cũng là nội dung của vụ án hình sự và khi cơ quan tiến hành tố tụng hình sự giải quyết vụ án hình sự thì đồng thời tiến hành giải quyết vấn đề dân sự (trừ vấn đề dân sự được tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự). Quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 215 BLTTHS năm 2015 có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng máy móc là giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án xâm phạm sở hữu có vấn đề dân sự phát sinh phải thực hiện hai quy trình định giá tài sản là định giá tài sản phục vụ việc “*giải quyết trách nhiệm hình sự*”, quy trình này theo quy định của BLTTHS và định giá tài sản để phục vụ việc “*giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự*”, quy trình này thực hiện theo quy định của BLTTDS. Hơn nữa kết quả định giá tài sản theo quy định của

BLTTHS hoàn toàn có thể làm cơ sở để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án, trường hợp cần giám định thêm tài sản khác không liên quan đến truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần thiết để giải quyết vấn đề dân sự mới cần yêu cầu định giá theo thủ tục tố tụng dân sự. Mặt khác, việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải tuân theo trình tự, thủ tục tố tụng mà BLTTHS quy định, chỉ khi nào tách vấn đề dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự riêng thì việc định giá theo pháp luật tố tụng dân sự mới hợp lý. Chính vì vậy chúng tôi kiến nghị sửa đổi lại khoản 4 Điều 215 BLTTHS năm 2015 là: *“Việc yêu cầu định giá tài sản ngoài phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự”*

- Kiến nghị sửa đổi về thời hạn định giá tài sản theo hướng gắn với việc phân loại tội phạm quy định trong BLHS. Bởi lẽ quy định thời hạn định giá tài sản như hiện nay là *“nêu trong văn bản yêu cầu định giá”* và nếu quá thời hạn yêu cầu thì thông báo lý do bằng văn bản cho *“cơ quan, người yêu cầu định giá biết”* rất khó xác định cả về thời gian và trách nhiệm của chủ thể giám định. Mặt khác có thể vì lý do nào đó mà cơ quan, người yêu cầu định giá đưa ra thời hạn không hợp lý thì cũng rất khó khăn cho Hội đồng giám định. Vì vậy, theo chúng tôi, nên đưa ra một thời hạn cụ thể tại Điều 216 BLTTHS là: *“Thời hạn ra kết luận định giá tài sản là không quá 2 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 3 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 4 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi nhận được quyết định định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng”*

Hiện nay chưa có văn bản quy phạm hướng dẫn thủ tục phối hợp giữa cơ quan Thi hành án dân sự và cơ quan công an nơi tổ chức thi hành hình phạt tù trong việc thi hành trách nhiệm dân sự của người đang chấp hành hình phạt tù nên việc thi hành những vụ việc này gặp rất nhiều khó khăn. Điều này đồng nghĩa với việc phân dân sự trong bản án hình sự, trong đó có những bản án của vụ án xâm phạm sở hữu chưa được thi hành hoặc thi hành không triệt để, quyền lợi dân sự hợp pháp của bị hại hoặc của chủ thể khác chưa được giải quyết trên thực tế. Vì vậy, cần phải có một cơ chế phối hợp giữa cơ quan Thi hành án dân

sự và cơ quan Công an nơi tổ chức thi hành án phạt tù với những thủ tục phối hợp cụ thể, rõ ràng để bảo đảm phần dân sự trong nội dung bản án hình sự được thi hành trên thực tế.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu là đòi hỏi, nhu cầu cấp thiết, khách quan trong thực tiễn tố tụng hiện nay. Nhu cầu này không những xuất phát từ nhiệm vụ giải quyết vụ án hình sự phải khách quan, toàn diện, triệt để, xuất phát từ mục tiêu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay là đảm bảo tính đồng bộ, dân chủ, bảo vệ kịp các quyền và lợi ích chính đáng của công dân mà còn xuất phát từ thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong thời gian vừa qua vẫn còn nhiều hạn chế, sai sót dẫn đến hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa cao.

Nguyên nhân của những hạn chế bao gồm nguyên nhân chủ quan từ cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng và nguyên nhân khách quan từ bất cập của pháp luật đến tình hình diễn biến của tội phạm xâm phạm sở hữu ngày càng phức tạp, hậu quả thiệt hại gây ra ngày càng lớn, phương thức, thủ đoạn tiêu thụ, tẩu tán tài sản ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Trên cơ sở đánh giá toàn diện những nguyên nhân chủ quan và khách quan, việc đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là quan trọng và cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Các cơ quan tiến hành tố tụng một mặt phải có các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giải quyết vấn đề dân sự, ý nghĩa của nó đối với bảo đảm quyền lợi của bị hại, đương sự và đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Mặt khác phải có những hướng dẫn về mặt nghiệp vụ cụ thể để tiến hành giải quyết việc bồi thường, bồi hoàn phù hợp với chức năng, thẩm quyền tố tụng trong những giai đoạn tố tụng nhất định.

Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật để xử lý các vấn đề dân sự còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc từ sự quy định không rõ về nội dung của các quy phạm, sự mâu thuẫn chông chéo giữa các quy định... Điều này cần phải được hướng dẫn cụ thể, chi tiết dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật để việc thực thi trên thực tế được thống nhất. Chẳng



hạn như một số quyền của bị hại, nguyên đơn dân sự phải được hướng dẫn thêm, thậm chí sửa đổi để bảo đảm tinh thần của điều luật. BLTTHS năm 2015 đã có nhiều chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung một cách khá toàn diện. Tuy nhiên, vẫn còn có một số quy định chưa bắt kịp với yêu cầu từ thực tiễn nên vẫn cần phải sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thêm.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn. Xây dựng và hệ thống hóa về khái niệm, đặc điểm, phạm vi, tính chất của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là nền tảng lý luận để xem xét, đánh giá hệ thống các quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự cũng như thực tiễn áp dụng quy định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Để làm rõ được thực trạng pháp luật quy định về giải quyết vấn đề dân sự cũng như làm rõ thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố các vụ án xâm phạm sở hữu, điều quan trọng nhất là phải làm rõ phạm vi vấn đề dân sự cần phải giải quyết. Phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự phải được thể hiện trong nội hàm khái niệm vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Nhìn nhận một cách khái quát, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được hiểu là những quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản phát sinh trực tiếp từ hành vi phạm tội, là một phần nội dung của vụ án hình sự và có liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Xem xét dưới góc độ cụ thể, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, việc hoàn trả tài sản, khắc phục những hậu quả khác do người phạm tội gây ra. Để xử lý được các quan hệ dân sự đó cần phải xác định đúng chủ thể và địa vị pháp lý của các chủ thể đó khi họ tham gia tố tụng, đồng thời cũng phải xác định và thực hiện các biện pháp bảo đảm việc bồi thường và hoàn trả tài sản được thực thi trên thực tế. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định phạm vi vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu bao gồm bốn vấn đề cốt lõi, đó là: Xác định chủ thể của những quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án hình sự và việc bảo đảm những quyền, nghĩa vụ của họ; giải quyết bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra; giải quyết hoàn trả tài sản mà tội phạm đã chiếm đoạt, chiếm giữ trái pháp luật; các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, hoàn trả tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng thực thi.

Nghiên cứu về giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu cần phải phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vấn đề dân

sự. Nghiên cứu đánh giá quy định của pháp luật về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự trước hết phải xác định và phân tích nội dung các nguyên tắc cần tuân thủ trong quá trình giải quyết, sau đó là phân tích, đánh giá quy định về chủ thể các quan hệ dân sự phát sinh trong vụ án hình sự, các quy định về bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản và các biện pháp bảo đảm việc bồi thường, việc hoàn trả tài sản. Việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định nói trên trong giải quyết, xử lý các quan hệ dân sự phát sinh của CQĐT, VKSND và TAND là cũng rất quan trọng. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật sẽ soi rọi và làm sáng tỏ những điểm hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, những sai lầm chủ quan của chủ thể áp dụng. Đây chính là cơ sở thực tiễn để đưa ra phương hướng khắc phục, giải pháp và kiến nghị cụ thể, sát thực, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bị hại và các đương sự khác, đồng thời góp phần giải quyết toàn diện, triệt để vụ án xâm phạm sở hữu.

Hệ thống pháp luật tố tụng của Việt Nam không quy định về nội dung, trình tự, thủ tục riêng cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự mà chỉ xác định nguyên tắc phải giải quyết trách nhiệm dân sự đồng thời với việc giải quyết trách nhiệm hình sự trên cơ sở áp dụng các quy định của BLTTHS kết hợp với các quy định của các ngành luật khác trong mối quan hệ nội tại, hữu cơ với nhau. Những quy định để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung cũng như trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng nằm ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như BLHS, BLDS, BLTTHS, BLTTDS,... và có thể đánh giá khách quan là tương đối đồng bộ và đầy đủ. Tuy nhiên, cũng còn không ít nội dung bất cập như một số quy định về quyền của bị hại, đương sự chưa mang tính khả thi, phạm vi của vấn đề dân sự trong vụ án hình sự chưa được quy định rõ ràng, nhiệm vụ giải quyết vấn đề dân sự trong được phân định rõ cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là cơ quan điều tra,... Những bất cập trên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án cũng như đến chất lượng giải quyết vụ án nói chung.

Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu trong những năm vừa qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, hiệu quả của việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi thực tế. Những nhầm lẫn, thiếu sót trong việc xác định tư cách chủ thể bị hại và các đương sự, sai lầm trong xác định phạm vi vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án, không thực hiện việc hoàn trả tài sản, bản án tuyên không rõ ràng về phần dân sự...vẫn còn tồn tại, mặc dù không phải là phổ biến nhưng tỷ lệ cũng đáng quan ngại. Những hạn chế này có những nguyên nhân chủ quan và khách quan cần quan tâm, khắc phục. Nguyên nhân chủ quan từ cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là sự chưa quan tâm đúng mức đến giải quyết vấn đề dân sự, chỉ tập trung vào giải quyết trách nhiệm hình sự, một phần cũng xuất phát từ năng lực, khả năng nhìn nhận cũng như chưa thực thi hết trách nhiệm. Nguyên nhân khách quan từ bất cập của pháp luật đến tình hình diễn biến của tội phạm xâm phạm sở hữu ngày càng phức tạp, hậu quả thiệt hại gây ra ngày càng lớn, phương thức, thủ đoạn tiêu thụ, tẩu tán tài sản ngày càng tinh vi, xảo quyệt.

Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu là một đòi hỏi khách quan trong thực tiễn tố tụng hiện nay. Nhu cầu này không những xuất phát từ nhiệm vụ giải quyết vụ án hình sự phải khách quan, toàn diện, triệt để, xuất phát từ mục tiêu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay là đảm bảo tính đồng bộ, dân chủ, bảo vệ kịp các quyền và lợi ích chính đáng của công dân mà còn xuất phát từ thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong thời gian vừa qua vẫn còn nhiều hạn chế, sai sót dẫn đến hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa cao. Trên cơ sở đánh giá toàn diện những nguyên nhân chủ quan và khách quan, việc đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án xâm phạm sở hữu là quan trọng và cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Các cơ quan tiến hành tố tụng một mặt phải có các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tầm

quan trọng của giải quyết vấn đề dân sự, ý nghĩa của nó đối với bảo đảm quyền lợi của bị hại, đương sự và đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Mặt khác phải có những hướng dẫn về mặt nghiệp vụ cụ thể để tiến hành giải quyết việc bồi thường, bồi hoàn phù hợp với chức năng, thẩm quyền tổ tụng trong những giai đoạn tố tụng nhất định.

Trong thực tiễn giải quyết vấn đề dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc từ sự quy định không rõ về nội dung của các quy phạm, sự thiếu thống nhất thậm chí chồng chéo, mâu thuẫn...BLTTHS năm 2015 đã có nhiều chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung một cách khá toàn diện, trong đó các quy định có ý nghĩa đến giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được hoàn thiện. Tuy nhiên vẫn còn có một số quy định chưa bắt kịp với yêu cầu từ thực tiễn nên vẫn cần phải sửa đổi. Điều này cần phải được hướng dẫn cụ thể, chi tiết dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật để việc thực thi trên thực tế được thống nhất và hiệu quả. Những kiến nghị sửa đổi xuất phát từ thực tiễn áp dụng, từ những luận cứ cụ thể nếu được quan tâm, chấp nhận sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề dân sự trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.

Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nói chung, trong vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng là đối tượng nghiên cứu rộng, phức tạp, không chỉ nằm trong phạm vi của tố tụng hình sự mà còn liên quan đến nhiều lĩnh vực khác như dân sự, kinh tế và cả quản lý hành chính. Những khía cạnh bảo vệ tài sản của nhà nước khi các cơ quan nhà nước bị thiệt hại nhưng không chủ động tham gia tố tụng hình sự, vấn đề bồi thường thiệt hại cho bị hại và người thân của họ từ tổ chức do quỹ bảo trợ của nhà nước thực hiện, vấn đề xây dựng quy trình tố tụng giải quyết bồi thường, bồi hoàn ngay trong giai đoạn điều tra, vấn đề mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án hình sự với cơ quan thi hành án dân sự giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự... là những vấn đề chưa được đề cập đến trong luận án nhưng có tính chất cấp thiết và thời sự hiện nay. Vì vậy, đó cũng có thể là những hướng nghiên cứu cần tiếp tục được thực hiện.